

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

Luật kinh doanh

Dành cho sinh viên đại học khối kinh tế, tài chính

Business Law — a bilingual study guide

Chủ thể kinh doanh · Hộ kinh doanh · Doanh nghiệp tư nhân · Công ty hợp danh · Công ty
TNHH · Công ty cổ phần · Hợp tác xã · Hợp đồng · Phá sản · Giải quyết tranh chấp

Cập nhật Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Phục hồi, phá sản 2025 và hệ thống Tòa án
mới

Tình huống pháp lý có lời giải · Tự luận có dàn ý · Trắc nghiệm có đáp án

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 — Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vin>

M U C L U C

CONTENTS

Chương 1. Tổng quan về Luật kinh doanh và chủ thể kinh doanh — Chapter 1.

Overview of business law and business entities.....	5
1.1. Kinh doanh và Luật kinh doanh — <i>Business and business law</i>	6
1.2. Chủ thể kinh doanh — <i>Business entities</i>	8
1.3. Nguồn của Luật kinh doanh — <i>Sources of business law</i>	10
1.4. Quyền tự do kinh doanh và giới hạn: ngành, nghề cấm và có điều kiện — <i>Freedom to do business and its limits: prohibited and conditional sectors</i>	14
1.5. Quyền thành lập, quản lý doanh nghiệp và đối tượng bị cấm — <i>The right to found and manage enterprises, and who is excluded</i>	19
1.6. Phân loại chủ thể kinh doanh — <i>Classification of business entities</i>	22
1.7. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp — <i>Beneficial owners of enterprises</i>	25
1.8. Thuật ngữ Việt – Anh — <i>Vietnamese – English glossary</i>	29
1.9. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	31
1.10. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	34
1.11. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	37

Chương 2. Hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, hợp tác xã — Chapter 2. Household businesses, private enterprises, partnerships and cooperatives

.....	40
2.1. Hộ kinh doanh — <i>Household businesses</i>	41
2.2. Doanh nghiệp tư nhân — <i>Private enterprises</i>	48
2.3. Công ty hợp danh — <i>Partnerships</i>	52
2.4. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã — <i>Cooperatives and unions of cooperatives</i>	56
2.5. So sánh bốn loại chủ thể kinh doanh — <i>Comparing the four types of business entity</i>	62
2.6. Trách nhiệm tài sản và cách tính số nợ phải trả bằng tài sản riêng — <i>Liability and computing debts payable from personal assets</i>	64
2.7. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	71
2.8. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	74
2.9. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	76

Chương 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn — Chapter 3. Limited liability companies... 79

3.1. Khái niệm và đặc điểm công ty TNHH hai thành viên trở lên — <i>Concept and features of the multi-member limited liability company</i>	80
3.2. Góp vốn thành lập công ty, thời hạn góp vốn và xử lý góp thiếu — <i>Capital contributions on formation, the contribution period and shortfalls</i>	82
3.3. Quyền, nghĩa vụ của thành viên; chuyển nhượng, mua lại và xử lý phần vốn góp — <i>Members' rights and duties; transfer, redemption and special handling of contributions</i>	87
3.4. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty TNHH hai thành viên trở lên — <i>Management structure of the multi-member limited liability company</i>	91

3.5. Công ty TNHH một thành viên — <i>The single-member limited liability company</i>	99
3.6. Tăng, giảm vốn điều lệ — <i>Increasing and reducing charter capital</i>	104
3.7. Bảng so sánh các khái niệm dễ nhầm — <i>Comparison of easily confused concepts</i> .	106
3.8. Thuật ngữ Việt – Anh — <i>Vietnamese – English glossary</i>	108
3.9. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	110
3.10. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	114
3.11. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	118

Chương 4. Công ty cổ phần — Chapter 4. Joint stock companies..... 121

4.1. Khái niệm, đặc điểm và vốn của công ty cổ phần — <i>Concept, features and capital of a joint stock company</i>	122
4.2. Cổ phần, cổ phiếu và quyền của cổ đông — <i>Shares, share certificates and shareholders' rights</i>	126
4.3. Cổ đông sáng lập và hạn chế chuyển nhượng — <i>Founding shareholders and the transfer restriction</i>	130
4.4. Chào bán, chuyển nhượng và mua lại cổ phần — <i>Offering, transferring and buying back shares</i>	132
4.5. Cơ cấu tổ chức quản lý: hai mô hình của Điều 137 — <i>Governance structure: the two models of Article 137</i>	135
4.6. Đại hội đồng cổ đông — <i>The general meeting of shareholders</i>	137
4.7. Hội đồng quản trị và Giám đốc, Tổng giám đốc — <i>The board of directors and the director or general director</i>	142
4.8. Ban kiểm soát và Ủy ban kiểm toán — <i>The supervisory board and the audit committee</i>	145
4.9. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan và trách nhiệm của người quản lý — <i>Related-party contracts and transactions; duties of managers</i>	147
4.10. Cổ tức — <i>Dividends</i>	148
4.11. Phân biệt các khái niệm dễ nhầm và thuật ngữ Việt – Anh — <i>Commonly confused concepts and Vietnamese – English glossary</i>	150
4.12. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	153
4.13. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	157
4.14. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	160

Chương 5. Thành lập, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp — Chapter 5. Formation, reorganisation and dissolution of enterprises 163

5.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp — <i>Registration of a new enterprise</i>	164
5.2. Tên doanh nghiệp, trụ sở chính và ngành, nghề kinh doanh — <i>Enterprise name, head office and business lines</i>	168
5.3. Vốn điều lệ, tài sản góp vốn và định giá — <i>Charter capital, contributed assets and valuation</i>	170
5.4. Tổ chức lại doanh nghiệp: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập — <i>Reorganisation: division, separation, consolidation and merger</i>	173
5.5. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp — <i>Conversion of the type of enterprise</i>	176
5.6. Tạm ngừng kinh doanh — <i>Suspension of business</i>	179

5.7. Giải thể doanh nghiệp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp — <i>Dissolution and revocation of the enterprise registration certificate</i>	181
5.8. Phân biệt giải thể và phá sản — <i>Dissolution and bankruptcy distinguished</i>	185
5.9. Thuật ngữ Việt – Anh — <i>Vietnamese – English glossary</i>	188
5.10. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	190
5.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	193
5.12. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	195
Chương 6. Hợp đồng trong kinh doanh — Chapter 6. Contracts in business	198
6.1. Khái quát về hợp đồng trong kinh doanh và nguồn điều chỉnh — <i>Overview of business contracts and governing law</i>	198
6.2. Giao kết hợp đồng: đề nghị, chấp nhận và thời điểm giao kết — <i>Contract formation: offer, acceptance and time of conclusion</i>	201
6.3. Điều kiện có hiệu lực, hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý — <i>Validity conditions, void contracts and legal consequences</i>	204
6.4. Thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng và trách nhiệm do vi phạm theo Bộ luật Dân sự — <i>Performance, amendment and termination of contracts and liability for breach under the Civil Code</i>	207
6.5. Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại — <i>Contracts for the sale of goods under the Commercial Law</i>	209
6.6. Hợp đồng dịch vụ và một số hợp đồng thông dụng khác — <i>Service contracts and other common commercial contracts</i>	213
6.7. Chế tài trong thương mại — <i>Remedies in commercial law</i>	215
6.8. Miễn trách nhiệm, bất khả kháng, thời hạn khiếu nại và thời hiệu khởi kiện — <i>Exemption from liability, force majeure, complaint periods and limitation</i>	221
6.9. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	226
6.10. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	230
6.11. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	232
Chương 7. Pháp luật về phá sản — Chapter 7. Bankruptcy law	234
7.1. Luật Phục hồi, phá sản 2025: hiệu lực, phạm vi, nguyên tắc — <i>The 2025 Law on Bankruptcy and Rehabilitation: effect, scope, principles</i>	235
7.2. Nguy cơ mất khả năng thanh toán, mất khả năng thanh toán, phá sản — <i>Risk of insolvency, insolvency and bankruptcy</i>	237
7.3. Thẩm quyền của Tòa án; lệ phí và chi phí — <i>Court jurisdiction; fees and costs</i>	240
7.4. Người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn — <i>Who may and who must file</i>	242
7.5. Thủ tục phục hồi — <i>The rehabilitation procedure</i>	244
7.6. Thủ tục phá sản — <i>The bankruptcy procedure</i>	247
7.7. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và Ban đại diện chủ nợ — <i>Bankruptcy administrators, asset management and liquidation enterprises, and the creditors' committee</i>	251
7.8. Hội nghị chủ nợ — <i>The creditors' meeting</i>	252
7.9. Thứ tự phân chia tài sản — <i>Order of distribution of assets</i>	254
7.10. Tuyên bố phá sản và thi hành quyết định — <i>Declaration of bankruptcy and its enforcement</i>	258

7.11. Phá sản tổ chức tín dụng — <i>Bankruptcy of credit institutions</i>	262
7.12. So sánh với Luật Phá sản 2014 và các khái niệm dễ nhầm — <i>Comparison with the 2014 Law on Bankruptcy and easily confused concepts</i>	263
7.13. Thuật ngữ Việt – Anh — <i>Vietnamese – English glossary</i>	266
7.14. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	268
7.15. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	270
7.16. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	273
Chương 8. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh — Chapter 8. Resolution of business disputes	275
8.1. Tranh chấp kinh doanh, thương mại và các phương thức giải quyết — <i>Business and commercial disputes and methods of resolution</i>	276
8.2. Thương lượng và hòa giải thương mại — <i>Negotiation and commercial mediation</i>	277
8.3. Hòa giải, đối thoại tại Tòa án — <i>Mediation and dialogue at court</i>	280
8.4. Trọng tài thương mại — <i>Commercial arbitration</i>	283
8.5. Giải quyết tranh chấp tại Tòa án — <i>Litigation in court</i>	290
8.6. Thời hiệu khởi kiện và các thời hạn cần nhớ — <i>Limitation periods and key time limits</i>	292
8.7. So sánh và lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp — <i>Comparing and choosing a method</i>	296
8.8. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	300
8.9. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	303
8.10. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	306
Phụ lục A. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm — Appendix A. Answer key	309
Phụ lục B. So sánh các loại hình chủ thể kinh doanh — Appendix B. Comparison of business entities	313
Phụ lục C. Thuật ngữ Việt – Anh — Appendix C. Vietnamese–English glossary	314
Phụ lục D. Văn bản pháp luật dùng trong đề cương — Appendix D. Legal documents used in this guide	321
Tài liệu tham khảo — References	323

Chương 1. Tổng quan về Luật kinh doanh và chủ thể kinh doanh — Chapter 1. Overview of business law and business entities

Mục tiêu chương — Chapter objectives

- Nêu đúng định nghĩa kinh doanh, doanh nghiệp, thương nhân, nhà đầu tư theo văn bản đang hiệu lực.
State the statutory definitions of business, enterprise, trader and investor under the laws in force.
- Kể được các nguồn của Luật kinh doanh và thứ tự áp dụng luật chung, luật chuyên ngành, tập quán, án lệ.
List the sources of business law and the order in which general law, special law, custom and precedent apply.
- Xác định một ngành, nghề là bị cấm, có điều kiện hay tự do theo Luật Đầu tư 143/2025, kể cả các thay đổi từ 01/01/2027 và 01/3/2027.
Classify a sector as prohibited, conditional or free under the Law on Investment 143/2025, including the changes from 1 January 2027 and 1 March 2027.
- Áp dụng Điều 17 Luật Doanh nghiệp để xác định ai được thành lập, quản lý, góp vốn vào doanh nghiệp.
Apply Article 17 of the Law on Enterprises to decide who may found, manage or invest in an enterprise.
- Phân loại chủ thể kinh doanh và xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bằng tỷ lệ sở hữu.
Classify business entities and identify an enterprise's beneficial owners from ownership ratios.

Tình huống xuyên chương: từ Bếp Lam đến Công ty Lam An — Running case: from Bếp Lam to Lam An

Chị Nguyễn Thị Lam ở Cần Thơ làm bánh pía và rang cà phê tại nhà, bán cho khách quen từ năm 2024. Đầu năm 2026, đơn đặt hàng tăng, chị đăng ký **hộ kinh doanh Bếp Lam**. Tháng 10/2026, chị cùng anh Trần Hữu Phúc, kỹ sư công nghệ thực phẩm, chuẩn bị lập **Công ty TNHH Thực phẩm Lam An** để ký hợp đồng cung cấp cho chuỗi siêu thị ở Cần Thơ và TP.HCM; ông Lê Văn Định, một nhà đầu tư, muốn góp vốn khi công ty chuyển thành công ty cổ phần. Mỗi mục của chương trả lời một câu hỏi pháp lý mà nhóm này gặp.

*Ms Nguyễn Thị Lam in Cần Thơ has been making bánh pía pastries and roasting coffee at home for regular customers since 2024. In early 2026, as orders grew, she registered the **Bếp Lam household business**. In October 2026 she and Mr Trần Hữu Phúc, a food engineer, are preparing to form **Lam An Food Co., Ltd.** to supply a supermarket chain in Cần Thơ and Ho Chi Minh City; Mr Lê Văn Định, an investor, wants to buy in once the company becomes a joint stock company. Each section of the chapter answers a legal question the group faces.*

1.1. Kinh doanh và Luật kinh doanh — Business and business law

Định nghĩa kinh doanh trong luật thực định — Statutory definitions of business

Luật Doanh nghiệp định nghĩa: “Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận.” (Điều 4, khoản 21, Luật Doanh nghiệp, VBHN 67/VBHN-VPQH). Định nghĩa có ba dấu hiệu: hoạt động **liên tục**, diễn ra **trên thị trường**, **nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận**. Không cần làm đủ các công đoạn: một cửa hàng chỉ bán lẻ, một xưởng chỉ gia công đều đang kinh doanh.

*The Law on Enterprises defines: “Business means the continuous performance of one, several or all stages of the process from investment and production to the sale of products or the provision of services on the market for the purpose of seeking profit.” (Article 4(21), Law on Enterprises, consolidated text 67/VBHN-VPQH). The definition has three markers: activity that is **continuous**, takes place **on the market**, and is **for profit**. Not every stage is needed: a shop that only retails and a workshop that only processes goods are both in business.*

Khái niệm <i>Concept</i>	Định nghĩa (trích) <i>Definition (extract)</i>	Văn bản <i>Source</i>
Kinh doanh <i>Business</i>	“thực hiện liên tục... trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận” <i>continuous performance... on the market for profit</i>	LDN Điều 4 khoản 21 <i>Law on Enterprises, Art. 4(21)</i>
Hoạt động thương mại <i>Commercial activity</i>	“hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác” <i>activity for profit, including sale of goods, services, investment, trade promotion and other profit-seeking activities</i>	Luật Thương mại Điều 3 khoản 1 <i>Commercial Law, Art. 3(1)</i>
Đầu tư kinh doanh <i>Business investment</i>	“việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh” <i>an investor putting in capital to carry on business</i>	Luật Đầu tư Điều 3 khoản 8 <i>Law on Investment, Art. 3(8)</i>
Pháp nhân thương mại <i>Commercial legal entity</i>	“có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên” <i>main aim is profit, which is distributed to members</i>	BLDS Điều 75 khoản 1 <i>Civil Code, Art. 75(1)</i>

Luật kinh doanh là gì — What business law is

Luật kinh doanh, với tư cách một môn học, là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ phát sinh trong quá trình thành lập, tổ chức quản lý, hoạt động, tổ chức lại và chấm dứt hoạt động của chủ thể kinh doanh, cùng các quan hệ hợp đồng, phá sản và giải quyết tranh chấp gắn với hoạt động đó. Đây không phải một đạo luật mang tên “Luật Kinh doanh”; các quy phạm nằm rải ở Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã,

Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Luật Phục hồi, phá sản, Luật Trọng tài thương mại, Bộ luật Tố tụng dân sự và các nghị định hướng dẫn.

Business law, as a course, is the body of legal rules governing relations that arise when business entities are formed, managed, operated, reorganised and wound up, together with the contract, bankruptcy and dispute relations attached to those activities. There is no single statute called “Business Law”; the rules are spread across the Law on Enterprises, the Law on Investment, the Law on Cooperatives, the Commercial Law, the Civil Code, the Law on Bankruptcy and Rehabilitation, the Law on Commercial Arbitration, the Civil Procedure Code and implementing decrees.

Nhóm quan hệ <i>Group of relations</i>	Nội dung <i>Content</i>	Phương pháp điều chỉnh <i>Method</i>
Quan hệ giữa các chủ thể kinh doanh với nhau <i>Between business entities</i>	Hợp đồng mua bán, dịch vụ, góp vốn, tranh chấp <i>Sale, service and contribution contracts, disputes</i>	Bình đẳng, thỏa thuận <i>Equality and agreement</i>
Quan hệ nội bộ chủ thể kinh doanh <i>Internal relations</i>	Giữa thành viên, cổ đông với công ty, giữa các cơ quan quản lý <i>Members and shareholders with the company; between governing bodies</i>	Thỏa thuận trong khuôn khổ luật và Điều lệ <i>Agreement within the law and the charter</i>
Quan hệ quản lý nhà nước về kinh doanh <i>State management of business</i>	Đăng ký doanh nghiệp, cấp phép, kiểm tra điều kiện kinh doanh, xử phạt <i>Registration, licensing, checking business conditions, sanctions</i>	Mệnh lệnh – phục tùng <i>Command and compliance</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Chị Lam rang 50 kg cà phê mỗi tuần, đóng gói và bán cho khách đặt qua điện thoại từ năm 2024. Câu hỏi: trước khi đăng ký hộ kinh doanh, chị có đang “kinh doanh” không? Căn cứ: khoản 21 Điều 4 Luật Doanh nghiệp. Giải quyết: có — việc bán diễn ra **liên tục** hằng tuần, **trên thị trường** (khách không quen biết vẫn đặt được), **nhằm lợi nhuận**. Việc chưa đăng ký không làm mất tính chất kinh doanh; nó chỉ làm phát sinh câu hỏi về nghĩa vụ đăng ký (mục 1.2).

*Since 2024 Ms Lam has roasted 50 kg of coffee a week, packed it and sold it to customers ordering by phone. Question: before registering a household business, was she “doing business”? Basis: Article 4(21), Law on Enterprises. Answer: yes — sales are **continuous** (weekly), **on the market** (strangers can order) and **for profit**. Not having registered does not change the nature of the activity; it only raises the question of the duty to register (section 1.2).*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Coi “có lãi” là đủ để thành kinh doanh. Thiếu dấu hiệu **liên tục** thì chưa phải kinh doanh: bán một lần chiếc xe cũ có lãi vẫn là giao dịch dân sự. Ngược lại, cũng đừng coi “đã đăng ký” là dấu hiệu định nghĩa: Luật Thương mại Điều 7 vẫn buộc thương nhân chưa đăng ký “phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình”.

*Treating “making a profit” as enough. Without **continuity** there is no business: selling an old car once at a profit is still a civil transaction. Conversely, registration is not part of the definition: Article 7 of the Commercial Law still holds an unregistered trader liable for all its activities.*

1.2. Chủ thể kinh doanh — *Business entities*

Chủ thể kinh doanh là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh một cách độc lập, nhân danh mình và tự chịu trách nhiệm về hoạt động đó, được thành lập hoặc đăng ký theo quy định của pháp luật. Mỗi luật dùng một tên gọi theo phạm vi điều chỉnh của mình: doanh nghiệp, thương nhân, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế.

A business entity is an organisation or individual that carries on business independently, in its own name and at its own risk, and is established or registered as the law requires. Each statute uses its own label for its scope: enterprise, trader, investor, economic organisation.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Doanh nghiệp: “tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh” (Điều 4, khoản 10, Luật Doanh nghiệp). **Thương nhân:** “tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh” (Điều 6, khoản 1, Luật Thương mại). **Nhà đầu tư:** “tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh” (Điều 3, khoản 18, Luật Đầu tư 143/2025).

***Enterprise:** an organisation with its own name, assets and place of business, established or registered under the law for business purposes (Article 4(10), Law on Enterprises). **Trader:** a lawfully established economic organisation, or an individual carrying on commercial activity independently, regularly and with business registration (Article 6(1), Commercial Law). **Investor:** an organisation or individual carrying out business investment (Article 3(18), Law on Investment 143/2025).*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Doanh nghiệp <i>Enterprise</i>	Thương nhân <i>Trader</i>	Nhà đầu tư <i>Investor</i>
Văn bản <i>Source</i>	LDN Điều 4 khoản 10 <i>Law on Enterprises, Art. 4(10)</i>	Luật Thương mại Điều 6 khoản 1 <i>Commercial Law, Art. 6(1)</i>	Luật Đầu tư Điều 3 khoản 18 <i>Law on Investment, Art. 3(18)</i>
Có thể là cá nhân? <i>Can be an individual?</i>	Không, chỉ là tổ chức (chủ doanh nghiệp tư nhân là cá nhân, doanh nghiệp vẫn là tổ chức) <i>No, always an organisation (a private enterprise is owned by an individual but is itself an organisation)</i>	Có, nếu hoạt động độc lập, thường xuyên và có đăng ký <i>Yes, if independent, regular and registered</i>	Có <i>Yes</i>
Dấu hiệu chính <i>Key marker</i>	Tên riêng, tài sản, trụ sở, đăng ký, mục đích kinh doanh <i>Own name, assets, place of business, registration, business purpose</i>	Hoạt động thương mại thường xuyên, có đăng ký <i>Regular commercial activity, registration</i>	Bỏ vốn để kinh doanh <i>Puts in capital to do business</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Doanh nghiệp <i>Enterprise</i>	Thương nhân <i>Trader</i>	Nhà đầu tư <i>Investor</i>
Ví dụ trong tình huống <i>Running case</i>	Công ty TNHH Thực phẩm Lam An <i>Lam An Food Co., Ltd.</i>	Lam An; chủ hộ Bếp Lam <i>Lam An; the Bếp Lam owner</i>	Ông Định khi mua cổ phần <i>Mr Định buying shares</i>

Tư cách pháp nhân — *Legal personality*

Bộ luật Dân sự quy định một tổ chức là pháp nhân khi có đủ bốn điều kiện: “a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này; c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.” (Điều 74, khoản 1, Bộ luật Dân sự 2015). Điều kiện c là chỗ phân biệt: tài sản của công ty tách khỏi tài sản của chủ sở hữu, nên chủ nợ của công ty không đòi được tài sản riêng của thành viên, cổ đông (trừ chế độ vô hạn của thành viên hợp danh).

The Civil Code treats an organisation as a legal entity when it meets four conditions: (a) it is established under the Code or another relevant law; (b) it has an organisational structure under Article 83; (c) it has assets separate from other persons and is liable with its own assets; (d) it enters legal relations independently in its own name (Article 74(1), Civil Code 2015). Condition (c) is the dividing line: company assets are separate from the owners' assets, so company creditors cannot reach members' or shareholders' private assets (except under the unlimited liability of general partners).

Hộ kinh doanh không phải pháp nhân: “Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ.” (Điều 82, khoản 1, Nghị định 168/2025/NĐ-CP). Khi hộ tham gia giao dịch, chủ thể là các thành viên hoặc người được ủy quyền (Điều 101, khoản 1, Bộ luật Dân sự). Một cá nhân “chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc” (Điều 83, khoản 1, Nghị định 168/2025/NĐ-CP).

A household business is not a legal entity: it is registered by one individual or by household members, who are liable with all their assets for its business (Article 82(1), Decree 168/2025/ND-CP). When it transacts, the parties are its members or their authorised representative (Article 101(1), Civil Code). An individual may register only one household business nationwide (Article 83(1), Decree 168/2025/ND-CP).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Bếp Lam nợ nhà cung cấp bột mì 80 triệu đồng; tài sản dùng cho hộ chỉ còn 30 triệu đồng. Câu hỏi: nhà cung cấp có đòi phần còn lại từ tài sản riêng của chị Lam được không? Căn cứ: khoản 1 Điều 82 Nghị định 168/2025. Giải quyết: được — chủ hộ chịu trách nhiệm **bằng toàn bộ tài sản của mình**, không giới hạn ở tài sản dùng cho kinh doanh; 50 triệu đồng còn lại thanh toán từ tài sản khác của chị Lam. Nếu khoản nợ đó là của Công ty TNHH Lam An thì chị chỉ chịu trong phạm vi phần vốn đã góp (Điều 46 khoản 1 Luật Doanh nghiệp).

Bếp Lam owes a flour supplier VND 80 million; the assets used in the business are worth only VND

30 million. Question: can the supplier recover the rest from Ms Lam's private assets? Basis: Article 82(1), Decree 168/2025. Answer: yes — the owner is liable **with all her assets**, not just those used in the business; the remaining VND 50 million comes from her other assets. Had the debt been Lam An Co., Ltd.'s, she would answer only up to the capital she contributed (Article 46(1), Law on Enterprises).

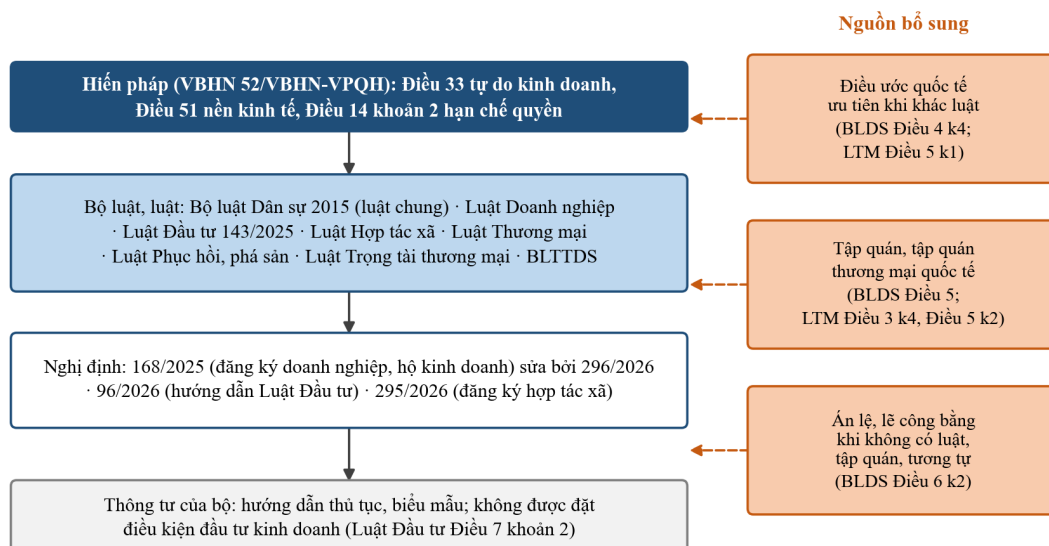
LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “hộ kinh doanh là một loại hình doanh nghiệp” hoặc “hộ kinh doanh do Luật Doanh nghiệp điều chỉnh”. Luật Doanh nghiệp (Điều 1) chỉ điều chỉnh công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và nhóm công ty; hộ kinh doanh do **Chương VIII Nghị định 168/2025** quy định (Điều 82–115, đã sửa bởi Nghị định 296/2026). Lỗi thứ hai: dẫn Nghị định 01/2021/NĐ-CP — nghị định này đã bị Nghị định 168/2025 thay thế từ 01/7/2025.

Writing “a household business is a type of enterprise” or “household businesses are governed by the Law on Enterprises”. That Law (Article 1) covers limited liability companies, joint stock companies, partnerships, private enterprises and groups of companies; household businesses are governed by **Chapter VIII of Decree 168/2025** (Articles 82–115, amended by Decree 296/2026). Second error: citing Decree 01/2021/ND-CP — it was replaced by Decree 168/2025 from 1 July 2025.

1.3. Nguồn của Luật kinh doanh — Sources of business law

Nguồn của Luật kinh doanh là các hình thức chứa quy phạm điều chỉnh hoạt động kinh doanh mà Tòa án, Trọng tài, cơ quan nhà nước được dựa vào khi giải quyết một việc cụ thể. Nguồn chính là văn bản quy phạm pháp luật; nguồn bổ sung là điều ước quốc tế, tập quán, án lệ.

The sources of business law are the forms containing rules on business on which courts, arbitral tribunals and State bodies may rely when deciding a case. The main source is legislation; supplementary sources are treaties, custom and precedent.



Hình 1.1. Hệ thống nguồn của Luật kinh doanh tại thời điểm 10/2026

Figure 1.1. The sources of business law as of October 2026

Hiến pháp — *The Constitution*

Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết 203/2025/QH15 (văn bản hợp nhất 52/VBHN-VPQH), ghi nhận: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.” (Điều 33, Hiến pháp). Điều 51 khoản 2: “Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.” Điều 51 khoản 3: “Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa.” Giới hạn quyền được đặt ở Điều 14 khoản 2: quyền con người, quyền công dân “chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”.

The 2013 Constitution, as amended by Resolution 203/2025/QH15 (consolidated text 52/VBHN-VPQH), provides: “Everyone has the freedom to do business in sectors not prohibited by law.” (Article 33). Article 51(2): entities of all economic sectors are equal, cooperate and compete under the law. Article 51(3): lawful assets of those investing, producing and doing business are protected by law and are not nationalised. The limit is in Article 14(2): human and citizens’ rights “may be restricted only by law where necessary for national defence, national security, public order and safety, social morality or public health”.

Luật, bộ luật và nghị định — *Codes, laws and decrees*

Văn bản (bản đang hiệu lực 10/2026) <i>Instrument (version in force, Oct 2026)</i>	Nội dung chính <i>Main content</i>	Chương <i>Chapter</i>
Luật Doanh nghiệp — VBHN 67/VBHN-VPQH (Luật 59/2020, 03/2022, 76/2025) <i>Law on Enterprises — consolidated text 67/VBHN-VPQH</i>	Thành lập, quản lý, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp <i>Formation, governance, reorganisation, dissolution</i>	1–5
Luật Đầu tư 143/2025/QH15 (hiệu lực 01/3/2026); Nghị định 96/2026/NĐ-CP <i>Law on Investment 143/2025/QH15 (in force 1 March 2026); Decree 96/2026/ND-CP</i>	Ngành nghề cấm, có điều kiện; thủ tục đầu tư <i>Prohibited and conditional sectors; investment procedures</i>	1
Nghị định 168/2025/NĐ-CP, sửa bởi Nghị định 296/2026/NĐ-CP <i>Decree 168/2025/ND-CP as amended by Decree 296/2026/ND-CP</i>	Đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, chủ sở hữu hưởng lợi <i>Registration of enterprises and household businesses; beneficial owners</i>	1, 2, 5
Luật Hợp tác xã 17/2023 — VBHN 101/VBHN-VPQH; Nghị định 295/2026/NĐ-CP <i>Law on Cooperatives 17/2023 — consolidated text 101/VBHN-VPQH; Decree 295/2026/ND-CP</i>	Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã <i>Cooperative groups, cooperatives, unions</i>	2

Văn bản (bản đang hiệu lực 10/2026) <i>Instrument (version in force, Oct 2026)</i>	Nội dung chính <i>Main content</i>	Chương <i>Chapter</i>
Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13; Luật Thương mại — VBHN 113/VBHN-VPQH <i>Civil Code 91/2015/QH13; Commercial Law — consolidated text 113/VBHN-VPQH</i>	Hợp đồng, chế tài <i>Contracts, remedies</i>	6
Luật Phục hồi, phá sản 142/2025/QH15 (hiệu lực 01/3/2026) <i>Law on Bankruptcy and Rehabilitation 142/2025/QH15 (in force 1 March 2026)</i>	Phục hồi, phá sản <i>Rehabilitation, bankruptcy</i>	7
Luật Trọng tài thương mại — VBHN 60; BLTTDS — VBHN 21; Nghị định 22/2017/NĐ-CP <i>Law on Commercial Arbitration — consolidated text 60; Civil Procedure Code — consolidated text 21; Decree 22/2017/ND-CP</i>	Giải quyết tranh chấp <i>Dispute resolution</i>	8

Nguồn bổ sung: điều ước, tập quán, án lệ — *Supplementary sources: treaties, custom, precedent*

- **Điều ước quốc tế:** khi Bộ luật Dân sự khác điều ước mà Việt Nam là thành viên “về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế” (Điều 4, khoản 4, Bộ luật Dân sự); Luật Thương mại Điều 5 khoản 1 có quy định tương tự.
Treaties: where the Civil Code differs from a treaty to which Viet Nam is party on the same matter, the treaty applies (Article 4(4), Civil Code); Article 5(1) of the Commercial Law is to the same effect.
- **Tập quán:** “quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng... được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài” (Điều 5, khoản 1, Bộ luật Dân sự); chỉ áp dụng khi các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định, và không được trái nguyên tắc cơ bản (Điều 5 khoản 2). Luật Thương mại phân biệt **thói quen** giữa các bên (Điều 3 khoản 3) với **tập quán thương mại** (Điều 3 khoản 4); bên trong giao dịch có yếu tố nước ngoài được thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại quốc tế (Điều 5 khoản 2).
*Custom: a clear rule of conduct formed and repeated over a long time (Article 5(1), Civil Code); it applies only where the parties have not agreed and the law is silent, and must not contradict the basic principles (Article 5(2)). The Commercial Law separates **practice** between the parties (Article 3(3)) from **commercial custom** (Article 3(4)); parties to a transaction with a foreign element may agree on international commercial custom (Article 5(2)).*
- **Án lệ:** khi không áp dụng được tương tự pháp luật thì “áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này, án lệ, lẽ công bằng” (Điều 6, khoản 2, Bộ luật Dân sự). Án lệ là nguồn bổ sung, đứng sau luật, tập quán và tương tự

pháp luật.

Precedent: where analogy is impossible, the basic principles of Article 3, precedent and equity apply (Article 6(2), Civil Code). Precedent is a supplementary source ranking after statute, custom and analogy.

Thứ tự áp dụng: luật chung và luật chuyên ngành — Order of application: general and special law

1. Luật chuyên ngành có quy định đặc thù thì áp dụng luật đó: “Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó.” (Điều 3, Luật Doanh nghiệp). Ví dụ: ngân hàng, công ty bảo hiểm áp dụng trước luật về tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm.

A special law with specific rules prevails: where another law has specific rules on the formation, governance, reorganisation, dissolution and related activities of enterprises, that law applies (Article 3, Law on Enterprises). Banks and insurers, for example, follow the credit institutions and insurance laws first.

2. Ngành nghề cấm và có điều kiện: khi luật khác ban hành trước Luật Đầu tư quy định khác thì “thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư” (Điều 4, khoản 2, Luật Đầu tư 143/2025).

Prohibited and conditional sectors: where an earlier law differs, the Law on Investment prevails (Article 4(2), Law on Investment 143/2025).

3. Hoạt động thương mại đặc thù theo luật riêng; không có trong Luật Thương mại và luật khác thì “áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự” (Điều 4, khoản 3, Luật Thương mại).

Special commercial activities follow their own laws; matters not covered by the Commercial Law or any other law fall under the Civil Code (Article 4(3), Commercial Law).

4. Không có thỏa thuận, không có luật: tập quán (Điều 5 Bộ luật Dân sự); không có tập quán: tương tự pháp luật (Điều 6 khoản 1); không tương tự được: nguyên tắc cơ bản, án lệ, lẽ công bằng (Điều 6 khoản 2).

No agreement and no law: custom (Article 5, Civil Code); no custom: analogy (Article 6(1)); no analogy: basic principles, precedent and equity (Article 6(2)).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Lam An giao cà phê cho một siêu thị; hợp đồng không ghi thời điểm chuyển rủi ro. Câu hỏi: tìm quy định ở đâu? Căn cứ: Điều 4 khoản 3 Luật Thương mại. Giải quyết: mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại, Luật Thương mại có quy định riêng về chuyển rủi ro (Điều 57–61) nên áp dụng Luật Thương mại trước (Chương 6); chỉ những vấn đề Luật Thương mại không quy định, ví dụ năng lực hành vi của người ký, mới áp dụng Bộ luật Dân sự.

Lam An delivers coffee to a supermarket; the contract is silent on when risk passes. Question: where is the rule? Basis: Article 4(3), Commercial Law. Answer: a sale of goods is a commercial activity and the Commercial Law has its own rules on passing of risk (Articles 57–61), so it applies first (Chapter 6); the Civil Code is used only for matters the Commercial Law does not cover, such as the signatory's capacity.

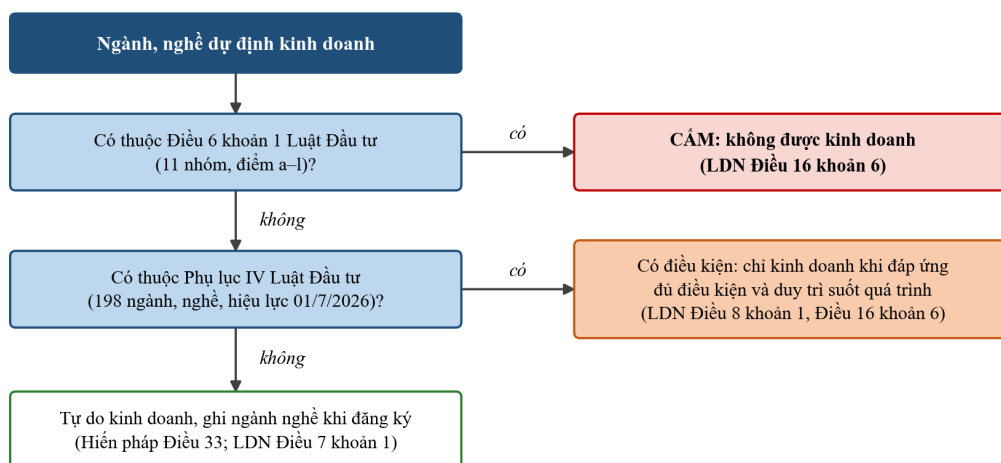
LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Liệt kê Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân là “nguồn của Luật kinh doanh” ngang với luật. Nghị quyết của Đảng là văn bản định hướng; nó trở thành quy phạm khi được thể chế hóa bằng luật, nghị định. Trong bài làm, dẫn điều luật, không dẫn nghị quyết thay điều luật.

Listing Party Resolution 68-NQ/TW of 4 May 2025 on private-sector development as a “source of business law” on a par with statutes. A Party resolution sets policy direction; it becomes binding only once enacted in a law or decree. In an exam, cite the statutory provision, not the resolution.

1.4. Quyền tự do kinh doanh và giới hạn: ngành, nghề cấm và có điều kiện — *Freedom to do business and its limits: prohibited and conditional sectors*

Quyền tự do kinh doanh ở Điều 33 Hiến pháp được cụ thể hóa tại Luật Doanh nghiệp: doanh nghiệp có quyền “Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.” (Điều 7, khoản 1, Luật Doanh nghiệp) và được “Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh” (Điều 7, khoản 2). Luật Đầu tư 143/2025 Điều 5 khoản 1: “Nhà đầu tư có quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề mà Luật này không cấm. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.” Như vậy mọi ngành, nghề rơi vào một trong ba nhóm: cấm, có điều kiện, tự do.

The freedom in Article 33 of the Constitution is implemented by the Law on Enterprises: an enterprise may freely trade in any sector not prohibited by law (Article 7(1)) and may choose its form of organisation, sector, location and mode of business (Article 7(2)). Article 5(1) of the Law on Investment 143/2025: investors may invest in any sector the Law does not prohibit; in conditional sectors they must meet the statutory conditions. Every sector therefore falls into one of three groups: prohibited, conditional or free.



Hình 1.2. Ba nhóm ngành, nghề theo Luật Đầu tư 143/2025 (áp dụng tháng 10/2026)
Figure 1.2. The three groups of sectors under the Law on Investment 143/2025 (as applied in October 2026)

Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh (Điều 6 Luật Đầu tư 143/2025) — *Prohibited business sectors (Article 6, Law on Investment 143/2025)*

Khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư 143/2025/QH15 (bản gốc, hiệu lực 01/3/2026) mở đầu: “Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:” và liệt kê 11 điểm, từ a đến l. Bảng dưới trích nguyên văn từng điểm.

Article 6(1) of the Law on Investment 143/2025/QH15 (original text, in force 1 March 2026) opens with “The following business investment activities are prohibited:” and lists 11 points, (a) to (l). The table quotes each point.

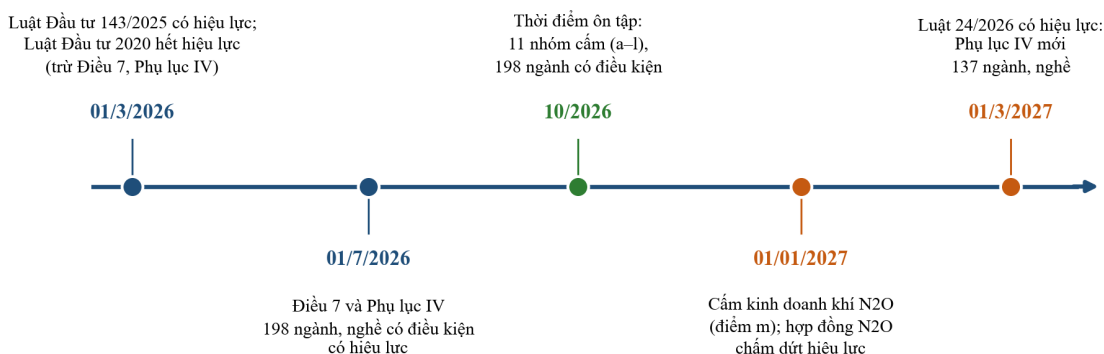
Điểm <i>Point</i>	Hoạt động bị cấm (nguyên văn khoản 1 Điều 6) <i>Prohibited activity (Article 6(1))</i>
a	Kinh doanh các chất ma túy quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Luật này <i>Trading in narcotic substances listed in Annex I</i>
b	Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật này <i>Trading in chemicals and minerals listed in Annex II</i>
c	Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Luật này <i>Trading in wild-sourced specimens of species in Appendix I to CITES, and wild-sourced specimens of endangered, precious and rare Group I forest plants, forest animals and aquatic species listed in Annex III</i>
d	Kinh doanh mại dâm <i>Prostitution business</i>
đ	Mua, bán người, mô, xác, bộ phận cơ thể người, bào thai người <i>Trading in humans, human tissue, corpses, body parts and fetuses</i>
e	Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người <i>Business relating to human cloning</i>
g	Kinh doanh pháo nổ <i>Trading in explosive firecrackers</i>
h	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ <i>Debt collection services</i>
i	Kinh doanh mua bán bảo vật quốc gia <i>Trading in national treasures</i>
k	Kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật <i>Exporting relics and antiques</i>
l	Kinh doanh thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng <i>Trading in e-cigarettes and heated tobacco products</i>

Khoản 2 Điều 6 cho phép sản xuất, sử dụng chất thuộc điểm a, b, c “trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh” theo quy định của Chính phủ. Kinh doanh ngành, nghề cấm là hành vi bị nghiêm cấm theo khoản 6 Điều 16 Luật Doanh nghiệp.

Article 6(2) allows the production and use of the substances in points (a), (b) and (c) for analysis, testing, scientific research, medicine, pharmaceutical production, criminal investigation and national defence and security, as regulated by the Government. Trading in a prohibited sector is a prohibited act under Article 16(6) of the Law on Enterprises.

GHI CHÚ / NOTE — Thay đổi sắp có hiệu lực theo Luật 24/2026/QH16 (thông qua 24/8/2026). (1) Từ **01/01/2027**: bổ sung điểm m khoản 1 Điều 6 — “Kinh doanh khí N2O để sử dụng cho con người qua đường hô hấp, trừ mục đích y tế, công nghệ thực phẩm, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học và mục đích khác theo quy định của Chính phủ.” Hợp đồng kinh doanh khí N2O loại này đã giao kết chấm dứt hiệu lực từ 01/01/2027, các bên thanh lý trong tối đa 45 ngày (Điều 3 khoản 1 Luật 24/2026). (2) Từ **01/3/2027**: Phụ lục IV được thay bằng danh mục mới **137 ngành, nghề** (thay 198); ngành, nghề bị bỏ khỏi danh mục được kinh doanh “mà không cần đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh” (Điều 3 khoản 3 điểm a). Văn bản hợp nhất 142/2026/VBHN-LQ-VPQH đã ghép các nội dung này; trước các mốc trên vẫn áp dụng Luật 143/2025 bản gốc.

Upcoming changes under Law 24/2026/QH16 (adopted 24 August 2026). (1) From 1 January 2027: new point (m) of Article 6(1) — trading in N2O gas for human inhalation, except for medical, food-technology, testing, research and other purposes set by the Government. Existing contracts of this kind terminate on 1 January 2027 and must be settled within at most 45 days (Article 3(1), Law 24/2026). (2) From 1 March 2027: Annex IV is replaced by a new list of 137 sectors (instead of 198); sectors removed from the list may be carried on without meeting any business investment condition (Article 3(3)(a)). Consolidated text 142/2026/VBHN-LQ-VPQH already merges these changes; until the dates above the original Law 143/2025 applies.



Hình 1.3. Các mốc hiệu lực của Luật Đầu tư 143/2025/QH15 và Luật 24/2026/QH16
Figure 1.3. Effective dates of the Law on Investment 143/2025/QH15 and Law 24/2026/QH16

Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Điều 7 và Phụ lục IV) — *Conditional business sectors (Article 7 and Annex IV)*

“Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.” (Điều 7, khoản 1, Luật Đầu tư 143/2025). Danh mục ở Phụ lục IV có **198 ngành, nghề**; Điều 7 và Phụ lục IV có hiệu lực từ **01/7/2026** (Điều 51 khoản 2). Từ 01/3/2026 đến 30/6/2026 vẫn dùng Điều 7 và Phụ lục IV của Luật Đầu tư năm 2020 (Điều 51 khoản 4).

A conditional sector is a business sector in Viet Nam in which investment must satisfy conditions needed for national defence, national security, public order and safety, social morality or public health (Article 7(1), Law on Investment 143/2025). Annex IV lists 198 sectors; Article 7 and Annex IV took effect on 1 July 2026 (Article 51(2)). From 1 March to 30 June 2026 Article 7 and Annex IV of the 2020 Law on Investment still applied (Article 51(4)).

STT Phụ lục IV (198) <i>No. in Annex IV (198)</i>	Ngành, nghề <i>Sector</i>	Còn trong danh mục 137 từ 01/3/2027? <i>Still listed from 1 March 2027?</i>
7	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ <i>Pawn services</i>	Còn (STT 6) <i>Yes (No. 6)</i>
17	Kinh doanh dịch vụ kế toán <i>Accounting services</i>	Không <i>No</i>
35	Kinh doanh xăng dầu <i>Petroleum trading</i>	Còn (STT 23) <i>Yes (No. 23)</i>
42	Kinh doanh rượu <i>Liquor trading</i>	Không <i>No</i>
44	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Y tế <i>Food under the specialised management of the Ministries of Industry and Trade, Agriculture and Environment, and Health</i>	Còn (STT 30) <i>Yes (No. 30)</i>
61	Kinh doanh vận tải đường bộ <i>Road transport</i>	Còn (STT 42) <i>Yes (No. 42)</i>
86	Kinh doanh bất động sản <i>Real estate business</i>	Còn (STT 59) <i>Yes (No. 59)</i>
164	Kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke), vũ trường <i>Karaoke and dance-hall services</i>	Còn (STT 112) <i>Yes (No. 112)</i>
168	Kinh doanh dịch vụ lưu trú <i>Accommodation services</i>	Còn (STT 115) <i>Yes (No. 115)</i>

STT Phụ lục IV (198) <i>No. in Annex IV (198)</i>	Ngành, nghề <i>Sector</i>	Còn trong danh mục 137 từ 01/3/2027? <i>Still listed from 1 March 2027?</i>
198	Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân <i>Personal data processing services</i>	Còn (STT 136) <i>Yes (No. 136)</i>

- **Ai được đặt điều kiện:** chỉ luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế; “Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh” (Điều 7, khoản 2, Luật Đầu tư 143/2025).

Who may set conditions: only laws, National Assembly resolutions, ordinances, Standing Committee resolutions, Government decrees and treaties; ministries, People’s Councils, People’s Committees and other bodies may not issue business investment conditions (Article 7(2), Law on Investment 143/2025).

- **Hình thức điều kiện** (Điều 7 khoản 5): giấy phép; giấy chứng nhận; chứng chỉ; văn bản xác nhận, chấp thuận; yêu cầu khác phải đáp ứng mà không cần xác nhận bằng văn bản.

Forms of conditions (Article 7(5)): licence; certificate; practising certificate; written confirmation or approval; other requirements to be met without written confirmation.

- **Nghĩa vụ của doanh nghiệp:** “Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện... và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.” (Điều 8, khoản 1, Luật Doanh nghiệp). Kinh doanh khi chưa đủ điều kiện hoặc không duy trì điều kiện là hành vi bị nghiêm cấm (Điều 16 khoản 6).

Enterprise’s duty: meet all business investment conditions when operating in a conditional sector and maintain them throughout (Article 8(1), Law on Enterprises). Operating without, or failing to maintain, the conditions is a prohibited act (Article 16(6)).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Tháng 10/2026: **11 nhóm cấm** (Điều 6 khoản 1, điểm a–l) · **198 ngành, nghề có điều kiện** (Phụ lục IV, hiệu lực 01/7/2026) · điều kiện chỉ đặt bằng luật, nghị quyết, pháp lệnh, nghị định, điều ước (Điều 7 khoản 2). Từ 01/01/2027 thêm **điểm m (khí N₂O)**; từ 01/3/2027 danh mục còn **137** ngành, nghề.

October 2026: 11 prohibited groups (Article 6(1)(a)–(l)) · 198 conditional sectors (Annex IV, in force 1 July 2026) · conditions may be set only by laws, resolutions, ordinances, decrees and treaties (Article 7(2)). From 1 January 2027 point (m) (N₂O gas) is added; from 1 March 2027 the list has 137 sectors.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Tháng 10/2026, một khách đặt tiệc đề nghị Bếp Lam ký hợp đồng cung cấp bánh kèm bình khí N₂O (“bóng cười”) cho khách hít, giao hàng tháng đến hết tháng 3/2027. Câu hỏi: hợp đồng có hiệu lực tới đâu? Căn cứ: Điều 6 khoản 1, Điều 7 Luật Đầu tư 143/2025; Điều 1 khoản 1, Điều 2 khoản 2, Điều 3 khoản 1 Luật 24/2026; Điều 147 khoản 2, Điều 148 khoản 1 Bộ luật Dân sự. Giải quyết: (1) phần bánh là thực phẩm, thuộc STT 44 Phụ lục IV — Bếp Lam phải đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm theo luật chuyên ngành; (2)

phần khí N2O cho người hít bị cấm từ 01/01/2027 (điểm m); hợp đồng đã ký chấm dứt hiệu lực từ ngày đó và phải thanh lý trong tối đa 45 ngày — ngày đầu không tính, hạn cuối là hết ngày 15/02/2027 (thứ Hai). Bếp Lam nên tách hai phần và không nhận phần N2O.

In October 2026 a party client asks Bếp Lam for a contract supplying cakes together with N2O canisters (“laughing gas”) for guests to inhale, delivered monthly until March 2027. Question: how far does the contract remain valid? Basis: Articles 6(1) and 7, Law on Investment 143/2025; Articles 1(1), 2(2) and 3(1), Law 24/2026; Articles 147(2) and 148(1), Civil Code. Answer: (1) the cakes are food, item 44 of Annex IV — Bếp Lam must meet the food-safety conditions of the specialised law; (2) N2O for inhalation is banned from 1 January 2027 (point (m)); the contract terminates on that date and must be settled within at most 45 days — the first day is not counted, so the deadline is the end of 15 February 2027 (a Monday). Bếp Lam should split the two parts and decline the N2O part.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba lỗi về Luật Đầu tư: (1) dẫn **Luật Đầu tư 61/2020/QH14** — luật này hết hiệu lực từ 01/3/2026 (Điều 51 khoản 4 Luật 143/2025), Phụ lục IV cũ hết hiệu lực từ 01/7/2026; (2) đọc **văn bản hợp nhất 142/2026** rồi viết “hiện nay có 12 nhóm cấm, 137 ngành có điều kiện” — điểm m và danh mục 137 chưa có hiệu lực ở tháng 10/2026; (3) cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc một bộ được tự đặt thêm điều kiện kinh doanh bằng quyết định, thông tư — trái khoản 2 Điều 7.

Three errors on the Law on Investment: (1) citing Law on Investment 61/2020/QH14 — it ceased to apply on 1 March 2026 (Article 51(4), Law 143/2025) and its Annex IV on 1 July 2026; (2) reading consolidated text 142/2026 and writing “there are now 12 prohibited groups and 137 conditional sectors” — point (m) and the 137-item list are not yet in force in October 2026; (3) assuming a provincial People’s Committee or a ministry may add business conditions by decision or circular — contrary to Article 7(2).

1.5. Quyền thành lập, quản lý doanh nghiệp và đối tượng bị cấm — *The right to found and manage enterprises, and who is excluded*

Nguyên tắc: “Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.” (Điều 17, khoản 1, Luật Doanh nghiệp). Khoản 2 liệt kê bảy nhóm không có quyền thành lập và quản lý; điểm b và e do Luật 76/2025/QH15 sửa, hiệu lực 01/7/2025.

Principle: organisations and individuals may found and manage enterprises in Viet Nam under the Law, except as provided in clause 2 (Article 17(1), Law on Enterprises). Clause 2 lists seven groups with no right to found and manage; points (b) and (e) were amended by Law 76/2025/QH15 with effect from 1 July 2025.

Điểm Point	Đối tượng không có quyền thành lập và quản lý (khoản 2 Điều 17) <i>Excluded from founding and managing (Art. 17(2))</i>	Ngoại lệ, lưu ý <i>Exception, note</i>
a	Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình <i>State bodies and armed forces units using State assets to set up an enterprise for their own benefit</i>	“Thu lợi riêng” giải thích ở khoản 4 <i>“Own benefit” is defined in clause 4</i>

Điểm Point	Đối tượng không có quyền thành lập và quản lý (khoản 2 Điều 17) <i>Excluded from founding and managing (Art. 17(2))</i>	Ngoại lệ, lưu ý <i>Exception, note</i>
b	Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức <i>Cadres, civil servants and public employees under the Laws on Cadres and Civil Servants and on Public Employees</i>	Trừ trường hợp theo pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Luật 76/2025) <i>Except as allowed by the law on science, technology, innovation and national digital transformation (Law 76/2025)</i>
c	Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an thuộc Công an nhân dân <i>Officers, NCOs, professional servicemen, defence workers and employees of the People's Army; officers, professional NCOs and police workers of the People's Police</i>	Trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn nhà nước <i>Except persons appointed to represent State capital</i>
d	Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước (điểm a khoản 1 Điều 88) <i>Senior and professional managers in State-owned enterprises (Art. 88(1)(a))</i>	Trừ người được cử đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác <i>Except State capital representatives in other enterprises</i>
đ	Người chưa thành niên; người bị hạn chế, mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân <i>Minors; persons with restricted or lost civil capacity or with cognitive difficulties; organisations without legal personality</i>	Hộ kinh doanh, tổ hợp tác không được đứng tên thành lập <i>Household businesses and cooperative groups cannot be founders</i>
e	Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; trường hợp khác theo Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng <i>Persons being prosecuted, detained, serving a prison sentence or compulsory rehabilitation or education, or banned by a court from posts, professions or work; other cases under the bankruptcy and anti-corruption laws</i>	Câu chữ “Luật Phá sản” giữ nguyên trong VBHN 67; Luật Phá sản 2014 đã được Luật Phục hồi, phá sản 142/2025 thay từ 01/3/2026 <i>VBHN 67 still says “Law on Bankruptcy”; the 2014 Law was replaced by Law 142/2025 from 1 March 2026</i>

Điểm Point	Đối tượng không có quyền thành lập và quản lý (khoản 2 Điều 17) <i>Excluded from founding and managing (Art. 17(2))</i>	Ngoại lệ, lưu ý <i>Exception, note</i>
g	Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự <i>Commercial legal entities banned from business or certain fields under the Criminal Code</i>	Chỉ trong phạm vi lĩnh vực bị cấm <i>Only within the banned field</i>

Thành lập, quản lý khác với góp vốn — *Founding and managing differ from investing*

Khoản 3 Điều 17 quy định riêng quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp. Chỉ hai nhóm bị cấm góp vốn: (a) cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang dùng tài sản nhà nước góp vốn để thu lợi riêng; (b) “Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật Phòng, chống tham nhũng” (Điều 17, khoản 3, điểm b). Vì vậy người 17 tuổi không được lập, quản lý công ty nhưng không bị khoản 3 cấm mua cổ phần; giao dịch đó tuân theo quy định về năng lực hành vi dân sự của Bộ luật Dân sự. Người góp vốn để thành lập là “người thành lập doanh nghiệp” (khoản 25 Điều 4), nên phải xét cả khoản 2 lẫn khoản 3.

Article 17(3) deals separately with capital contribution and buying shares or capital. Only two groups are barred: (a) State bodies and armed forces units using State assets for their own benefit; (b) persons barred from contributing capital by the Laws on Cadres and Civil Servants, on Public Employees and on Anti-corruption (Article 17(3)(b)). A 17-year-old therefore may not found or manage a company but may acquire shares, subject to the Civil Code rules on capacity for civil acts. A person contributing capital to establish a company is a “founder” (Article 4(25)), so both clause 2 and clause 3 apply.

Tiêu chí Criterion	Khoản 2 Điều 17 Article 17(2)	Khoản 3 Điều 17 Article 17(3)
Quyền bị hạn chế <i>Right restricted</i>	Thành lập và quản lý doanh nghiệp <i>Founding and managing</i>	Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp <i>Contributing capital, buying shares or capital</i>
Số nhóm bị cấm <i>Excluded groups</i>	7 (điểm a–g) <i>7 (points (a)–(g))</i>	2 (điểm a, b) <i>2 (points (a), (b))</i>
Người 17 tuổi <i>A 17-year-old</i>	Không được <i>Not allowed</i>	Không bị khoản 3 cấm <i>Not barred by clause 3</i>
Công chức, viên chức <i>Civil servants, public employees</i>	Không được (trừ ngoại lệ khoa học, công nghệ) <i>Not allowed (save the science and technology exception)</i>	Tùy Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng <i>Depends on the civil service, public employee and anti-corruption laws</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Chị Trang, giảng viên trường đại học công lập, muốn cùng chị Lam đứng tên thành lập Lam An và làm Phó giám đốc. Câu hỏi: được không? Căn cứ: điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 17; khoản 25 Điều 4 Luật Doanh nghiệp. Giải quyết: chị Trang là viên chức nên không được thành lập (kể cả góp vốn để thành lập) và không được giữ chức danh quản lý. Sau khi công ty thành lập, việc chị mua phần vốn góp chỉ được xem xét theo khoản 3, tức phải không thuộc đối tượng bị Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng cấm góp vốn.

Ms Trang, a lecturer at a public university, wants to co-found Lam An with Ms Lam and serve as deputy director. Question: may she? Basis: Article 17(2)(b) and (3); Article 4(25), Law on Enterprises. Answer: as a public employee she may neither found the company (including contributing capital to found it) nor hold a management post. Once the company exists, any purchase of capital by her is tested under clause 3: she must not fall within a group barred by the Law on Public Employees or the Law on Anti-corruption.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hai lỗi về Điều 17: (1) gộp khoản 2 và khoản 3, viết “công chức không được góp vốn vào doanh nghiệp” như một quy tắc tuyệt đối — khoản 3 chỉ cấm khi luật chuyên ngành cấm; (2) bỏ sót ngoại lệ mới ở điểm b do Luật 76/2025 bổ sung (khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia), vì chép theo Luật Doanh nghiệp 2020 bản gốc.

Two errors on Article 17: (1) merging clauses 2 and 3 into “civil servants may never invest in an enterprise” — clause 3 bars investment only where the specialised law does; (2) omitting the new exception in point (b) added by Law 76/2025 (science, technology, innovation and national digital transformation) by copying the original 2020 text.

1.6. Phân loại chủ thể kinh doanh — Classification of business entities

Có ba tiêu chí phân loại hay dùng: (1) **tư cách pháp nhân** — có hay không; (2) **chế độ trách nhiệm tài sản** — vô hạn hay hữu hạn; (3) **hình thức sở hữu** — doanh nghiệp nhà nước, tức doanh nghiệp “do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết” (Điều 4, khoản 11, Luật Doanh nghiệp), doanh nghiệp ngoài nhà nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Điều 3 khoản 22 Luật Đầu tư). Bảng dưới so sánh tổng quát; chi tiết từng loại học ở Chương 2–4.

*Three criteria are commonly used: (1) **legal personality** — yes or no; (2) **liability regime** — unlimited or limited; (3) **ownership** — State-owned enterprises, i.e. those in which the State holds over 50% of charter capital or voting shares (Article 4(11), Law on Enterprises), non-State enterprises, and foreign-invested economic organisations (Article 3(22), Law on Investment). The table gives an overview; each type is studied in Chapters 2–4.*

Loại chủ thể <i>Entity</i>	Số chủ sở hữu, thành viên <i>Owners, members</i>	Pháp nhân <i>Legal entity</i>	Trách nhiệm <i>Liability</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Hộ kinh doanh <i>Household business</i>	Một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình <i>One individual or household members</i>	Không <i>No</i>	Toàn bộ tài sản <i>All assets</i>	NĐ 168/2025 Điều 82 <i>Decree 168, Art. 82</i>

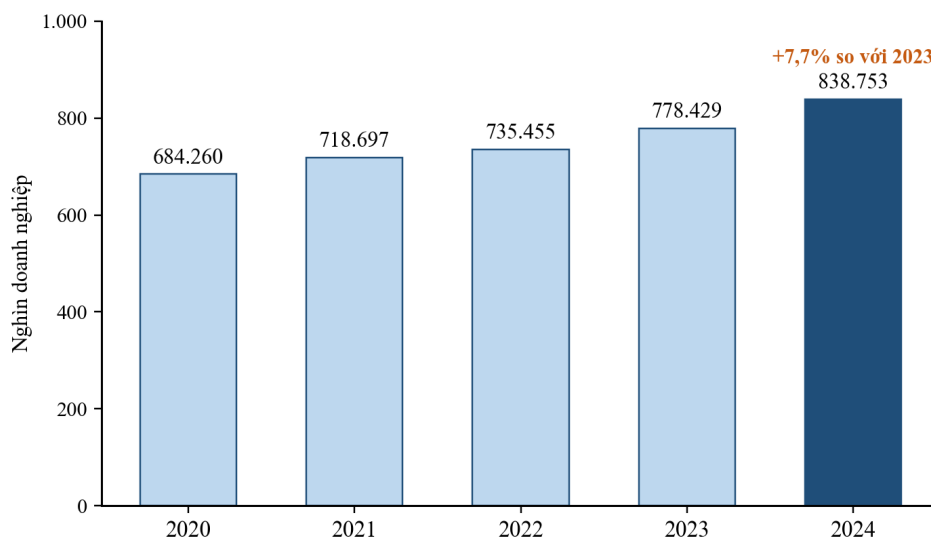
Loại chủ thể <i>Entity</i>	Số chủ sở hữu, thành viên <i>Owners, members</i>	Pháp nhân <i>Legal entity</i>	Trách nhiệm <i>Liability</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Doanh nghiệp tư nhân <i>Private enterprise</i>	01 cá nhân <i>1 individual</i>	Không <i>No</i>	Toàn bộ tài sản <i>All assets</i>	LDN Điều 188 <i>LoE Art. 188</i>
Công ty hợp danh <i>Partnership</i>	Ít nhất 02 thành viên hợp danh (cá nhân); có thể có thành viên góp vốn <i>At least 2 general partners (individuals); limited partners optional</i>	Có <i>Yes</i>	Thành viên hợp danh: vô hạn; góp vốn: trong phạm vi vốn cam kết <i>General partners unlimited; limited partners up to committed capital</i>	LDN Điều 177 <i>LoE Art. 177</i>
Công ty TNHH một thành viên <i>Single-member LLC</i>	01 tổ chức hoặc cá nhân <i>1 organisation or individual</i>	Có <i>Yes</i>	Trong phạm vi vốn điều lệ <i>Up to charter capital</i>	LDN Điều 74 <i>LoE Art. 74</i>
Công ty TNHH hai thành viên trở lên <i>Multi-member LLC</i>	Từ 02 đến 50 tổ chức, cá nhân <i>2 to 50 organisations or individuals</i>	Có <i>Yes</i>	Trong phạm vi vốn đã góp <i>Up to capital contributed</i>	LDN Điều 46 <i>LoE Art. 46</i>
Công ty cổ phần <i>Joint stock company</i>	Tối thiểu 03 cổ đông, không hạn chế tối đa <i>At least 3 shareholders, no maximum</i>	Có <i>Yes</i>	Trong phạm vi vốn đã góp <i>Up to capital contributed</i>	LDN Điều 111 <i>LoE Art. 111</i>
Hợp tác xã <i>Cooperative</i>	Ít nhất 05 thành viên chính thức <i>At least 5 official members</i>	Có <i>Yes</i>	Thành viên: trong phạm vi phần vốn góp <i>Members up to their contribution</i>	Luật HTX Điều 4 k7, Điều 32 k1 <i>Law on Coop. Arts. 4(7), 32(1)</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Số tối thiểu, tối đa: doanh nghiệp tư nhân **01** cá nhân · công ty hợp danh **≥ 02** thành viên hợp danh · TNHH một thành viên **01** · TNHH hai thành viên trở lên **từ 02 đến 50** · công ty cổ phần **≥ 03** cổ đông · hợp tác xã **≥ 05** thành viên chính thức · liên hiệp hợp tác xã **≥ 03** hợp tác xã (Luật HTX Điều 4 khoản 8).
Minimum and maximum: private enterprise 1 individual · partnership ≥ 2 general partners · single-member LLC 1 · multi-member LLC 2 to 50 · joint stock company ≥ 3 shareholders · cooperative ≥ 5 official members · cooperative union ≥ 3 cooperatives (Law on Cooperatives, Article 4(8)).

Theo Niên giám thống kê tóm tắt 2025 của Cục Thống kê, tại 31/12/2024 cả nước có 838.753 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, tăng 7,7% so với

2023; trong đó công ty TNHH là 633.367 doanh nghiệp, chiếm 75,51%. Công ty TNHH là loại hình được chọn nhiều nhất, cũng là bước tiếp theo của nhóm chị Lam.

According to the 2025 Statistical Yearbook Summary of the National Statistics Office, on 31 December 2024 there were 838,753 enterprises in operation with business results, up 7.7% on 2023; limited liability companies numbered 633,367, or 75.51%. The limited liability company is the most common form and the next step for Ms Lam's group.



Hình 1.4. Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại 31/12, 2020–2024 (Cục Thống kê, Niên giám thống kê tóm tắt 2025, Biểu 91)

Figure 1.4. Enterprises in operation with business results at 31 December, 2020–2024 (National Statistics Office, 2025 Statistical Yearbook Summary, Table 91)

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Doanh nghiệp tư nhân <i>Private enterprise</i>	Hộ kinh doanh <i>Household business</i>
Văn bản điều chỉnh <i>Governing instrument</i>	Luật Doanh nghiệp (Điều 188–193) <i>Law on Enterprises (Arts. 188–193)</i>	Nghị định 168/2025, Chương VIII (Điều 82–115) <i>Decree 168/2025, Chapter VIII (Arts. 82–115)</i>
Người lập <i>Founder</i>	01 cá nhân <i>1 individual</i>	Một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình <i>One individual or household members</i>
Có là doanh nghiệp? <i>An enterprise?</i>	Có <i>Yes</i>	Không <i>No</i>
Giới hạn số lượng <i>Limit</i>	Mỗi cá nhân một doanh nghiệp tư nhân (Điều 188 k3) <i>One per individual (Art. 188(3))</i>	Một hộ kinh doanh trên toàn quốc (Điều 83 k1) <i>One nationwide (Art. 83(1))</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Doanh nghiệp tư nhân <i>Private enterprise</i>	Hộ kinh doanh <i>Household business</i>
Quan hệ giữa hai loại <i>Interaction</i>	Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh <i>A private enterprise owner may not also own a household business</i>	Chủ hộ muốn lập doanh nghiệp tư nhân phải chấm dứt tư cách chủ hộ <i>A household owner must give it up to form a private enterprise</i>
Chung <i>Common features</i>	Không có tư cách pháp nhân; trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản <i>No legal personality; liability with all assets</i>	Không có tư cách pháp nhân; trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản <i>No legal personality; liability with all assets</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “công ty TNHH hai thành viên có tối đa 50 thành viên, công ty cổ phần tối đa 50 cổ đông” hoặc “hợp tác xã tối thiểu 07 thành viên”. Đúng là: TNHH hai thành viên trở lên **từ 02 đến 50** (Điều 46 khoản 1); công ty cổ phần **tối thiểu 03, không hạn chế tối đa** (Điều 111 khoản 1 điểm b); hợp tác xã **ít nhất 05** thành viên chính thức (Luật HTX 2023, Điều 4 khoản 7). Lỗi thứ ba: nghĩ doanh nghiệp tư nhân có tư cách pháp nhân vì “là doanh nghiệp” — Điều 188 không trao tư cách pháp nhân, khác Điều 46, 74, 111, 177.

*Writing “a multi-member LLC has at most 50 members and a JSC at most 50 shareholders” or “a cooperative needs at least 7 members”. Correct: multi-member LLC **2 to 50** (Article 46(1)); JSC **at least 3, no maximum** (Article 111(1)(b)); cooperative **at least 5** official members (Law on Cooperatives 2023, Article 4(7)). Third error: thinking a private enterprise has legal personality because it is an enterprise — Article 188 grants none, unlike Articles 46, 74, 111 and 177.*

1.7. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp — *Beneficial owners of enterprises*

Luật 76/2025/QH15 (hiệu lực 01/7/2025) đưa khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi vào Luật Doanh nghiệp để biết ai đứng sau một doanh nghiệp, phục vụ phòng, chống rửa tiền. “Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó” (Điều 4, khoản 35, Luật Doanh nghiệp), trừ người đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn và người đại diện phần vốn nhà nước. Chỉ áp dụng cho **doanh nghiệp có tư cách pháp nhân** — doanh nghiệp tư nhân không thuộc diện này.

*Law 76/2025/QH15 (in force 1 July 2025) brought the beneficial owner concept into the Law on Enterprises to reveal who really stands behind a company, for anti-money-laundering purposes. The beneficial owner of an enterprise with legal personality is an individual who in fact owns charter capital of, or controls, that enterprise (Article 4(35), Law on Enterprises), excluding representatives of the owner of wholly State-owned enterprises and representatives of State capital. It applies only to **enterprises with legal personality** — private enterprises are outside it.*

Tiêu chí xác định theo Nghị định 296/2026/NĐ-CP — *Criteria under Decree 296/2026/ND-CP*

Nghị định 296/2026/NĐ-CP (hiệu lực 23/7/2026) thay Điều 17 và Điều 18 Nghị định 168/2025. Chủ sở hữu hưởng lợi là “một hoặc nhiều cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát cuối cùng trên thực tế đối với doanh nghiệp đó” (Điều 17 Nghị định 168/2025, được sửa bởi Điều 3 Nghị định 296/2026), xác định theo thứ tự ba bước.

Decree 296/2026/ND-CP (in force 23 July 2026) replaced Articles 17 and 18 of Decree 168/2025. Beneficial owners are one or more individuals who directly or indirectly ultimately own or control the enterprise in fact (Article 17, Decree 168/2025 as replaced by Article 3, Decree 296/2026), identified in three steps.

- 1. Sở hữu:** cá nhân trực tiếp, gián tiếp hoặc cả hai “sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên”. Sở hữu gián tiếp là sở hữu “thông qua các tổ chức hoặc các thỏa thuận pháp lý khác”. Nhóm người có quan hệ gia đình (khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp) hoặc có hợp đồng cùng nhau sở hữu từ 25% trở lên thì mọi người trong nhóm là chủ sở hữu hưởng lợi. Với công ty hợp danh, “tất cả thành viên hợp danh là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp” bất kể tỷ lệ vốn.

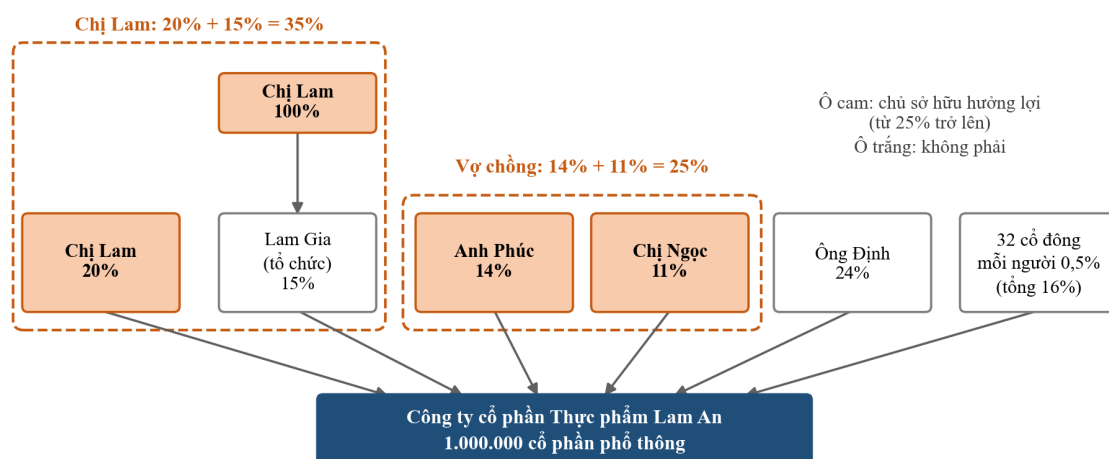
Ownership: an individual owning, directly, indirectly or both, 25% or more of charter capital or of total voting shares. Indirect ownership is ownership through organisations or other legal arrangements. Where a family group (Article 4(22), Law on Enterprises) or a group bound by contract together owns 25% or more, every member of the group is a beneficial owner. In a partnership, all general partners are beneficial owners whatever their share of capital.

- 2. Kiểm soát:** khi không ai đạt tiêu chí sở hữu, hoặc có căn cứ cho thấy người đạt tiêu chí không phải chủ thật, xác định người kiểm soát qua quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc; sửa Điều lệ; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp.

Control: where no one meets the ownership test, or there is evidence that those who do are not the real owners, identify the controller through the power to appoint or dismiss a majority of the board, members' council or director; to amend the charter; to change the structure; to decide financial and investment policy; or to reorganise or dissolve the enterprise.

- 3. Dự phòng:** không có ai thỏa mãn hai bước trên thì doanh nghiệp xác định “một cá nhân là người quản lý doanh nghiệp có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho doanh nghiệp”.

Fallback: if no one meets either test, the enterprise names the manager with the greatest authority to act on its behalf.



Hình 1.5. Cơ cấu cổ đông Công ty cổ phần Thực phẩm Lam An và chủ sở hữu hưởng lợi (tình huống 2)

Figure 1.5. Shareholding of Lam An Food Joint Stock Company and its beneficial owners (exercise 2)

Cổ đông <i>Shareholder</i>	Cổ phần <i>Shares</i>	Tỷ lệ <i>Ratio</i>	Tính theo tiêu chí <i>Under the test</i>	Chủ sở hữu hưởng lợi? <i>Beneficial owner?</i>
Chị Nguyễn Thị Lam <i>Ms Nguyễn Thị Lam</i>	200.000 <i>200,000</i>	20%	20% trực tiếp + 15% gián tiếp = 35% <i>20% direct + 15% indirect = 35%</i>	Có <i>Yes</i>
Công ty TNHH Lam Gia <i>Lam Gia Co., Ltd.</i>	150.000 <i>150,000</i>	15%	Tổ chức, tính vào chị Lam <i>An organisation; counted for Ms Lam</i>	Không <i>No</i>
Anh Trần Hữu Phúc <i>Mr Trần Hữu Phúc</i>	140.000 <i>140,000</i>	14%	Nhóm vợ chồng 25% <i>Spouses together 25%</i>	Có <i>Yes</i>
Chị Võ Thị Ngọc <i>Ms Võ Thị Ngọc</i>	110.000 <i>110,000</i>	11%	Nhóm vợ chồng 25% <i>Spouses together 25%</i>	Có <i>Yes</i>
Ông Lê Văn Định <i>Mr Lê Văn Định</i>	240.000 <i>240,000</i>	24%	24% < 25%, không có quyền kiểm soát <i>24% < 25%, no control right</i>	Không <i>No</i>
32 cổ đông khác <i>32 others</i>	160.000 <i>160,000</i>	16%	Mỗi người 0,5% <i>0.5% each</i>	Không <i>No</i>

Nghĩa vụ về thông tin chủ sở hữu hưởng lợi — *Duties regarding beneficial ownership information*

- Thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin; cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu (Điều 8, khoản 5a, Luật Doanh nghiệp). Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi nằm trong hồ sơ đăng ký công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty cổ phần (Điều 20 khoản 3, Điều 21 khoản 3, Điều 22 khoản 3) và trong tài liệu doanh nghiệp

phải lưu (Điều 11 khoản 1 điểm h).

Collect, update and keep the information and supply it to competent authorities on request (Article 8(5a), Law on Enterprises). The list of beneficial owners forms part of the registration file of partnerships, LLCs and JSCs (Articles 20(3), 21(3), 22(3)) and of the records the enterprise keeps (Article 11(1)(h)).

- Nội dung danh sách: “họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; dân tộc; giới tính; địa chỉ liên lạc; tỷ lệ sở hữu hoặc quyền chi phối; thông tin về giấy tờ pháp lý của cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp” (Điều 25, khoản 5, Luật Doanh nghiệp).
Contents: full name; date of birth; nationality; ethnicity; sex; contact address; ownership ratio or controlling right; legal identification details of the beneficial owner (Article 25(5)).
- Thay đổi thông tin chủ sở hữu hưởng lợi phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh (Điều 31 khoản 1 điểm c), trừ công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán, “trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi” (Điều 31, khoản 2).
Changes must be notified to the business registration authority (Article 31(1)(c)), except for listed and registered-for-trading companies, within 10 days of the change (Article 31(2)).
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được cung cấp thông tin “để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền và không phải trả phí” (Điều 33, khoản 1a); Cơ quan đăng ký kinh doanh lưu thông tin “ít nhất 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp giải thể, phá sản” (Điều 216, khoản 1, điểm h). Doanh nghiệp thành lập trước 01/7/2025 bổ sung thông tin khi làm thủ tục đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi gần nhất (Điều 3 khoản 1 Luật 76/2025).

Competent authorities receive the information for anti-money-laundering work free of charge (Article 33(1a)); the registration authority keeps it for at least 5 years after dissolution or bankruptcy (Article 216(1)(h)). Enterprises formed before 1 July 2025 add the information at their next change registration or notification (Article 3(1), Law 76/2025).

Nội dung <i>Point</i>	Nghị định 168/2025 bản gốc (đến 22/7/2026) <i>Decree 168/2025 original (to 22 July 2026)</i>	Sau Nghị định 296/2026 (từ 23/7/2026) <i>After Decree 296/2026 (from 23 July 2026)</i>
Cấu trúc tiêu chí <i>Structure of the test</i>	Hai tiêu chí ngang nhau: sở hữu từ 25% hoặc có quyền chi phối (Điều 17 k1 điểm a, b) <i>Two parallel tests: 25% ownership or controlling right (Art. 17(1)(a), (b))</i>	Ba bước theo thứ tự: sở hữu, kiểm soát, người quản lý có quyền hạn lớn nhất <i>Three steps in order: ownership, control, most senior manager</i>
Nhóm gia đình, nhóm hợp đồng <i>Family or contractual group</i>	Không quy định <i>Not addressed</i>	Cùng sở hữu từ 25% thì mọi người trong nhóm là chủ sở hữu hưởng lợi <i>If together 25% or more, every member is a beneficial owner</i>
Công ty hợp danh <i>Partnership</i>	Thành viên sở hữu từ 25% (Điều 18 k1 điểm b) <i>Members with 25% or more (Art. 18(1)(b))</i>	Tất cả thành viên hợp danh <i>All general partners</i>

Nội dung <i>Point</i>	Nghị định 168/2025 bản gốc (đến 22/7/2026) <i>Decree 168/2025 original (to 22 July 2026)</i>	Sau Nghị định 296/2026 (từ 23/7/2026) <i>After Decree 296/2026 (from 23 July 2026)</i>
Không ai đạt tiêu chí <i>No one qualifies</i>	Không quy định <i>Not addressed</i>	Kê khai người quản lý có quyền hạn lớn nhất <i>Declare the most senior manager</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hai lỗi về chủ sở hữu hưởng lợi: (1) đồng nhất với người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp — chủ sở hữu hưởng lợi là người sở hữu, kiểm soát **trên thực tế**, có thể đứng sau một công ty khác; (2) dùng ngưỡng “trên 25%” — văn bản ghi “**từ 25%** ... trở lên”, nên nhóm vợ chồng sở hữu đúng 25% vẫn là chủ sở hữu hưởng lợi.

*Two errors on beneficial owners: (1) equating them with the legal representative or the person named on the registration certificate — the beneficial owner owns or controls **in fact** and may stand behind another company; (2) using “more than 25%” — the text says “**25% or more**”, so spouses holding exactly 25% are beneficial owners.*

1.8. Thuật ngữ Việt – Anh — Vietnamese – English glossary

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Kinh doanh	Business	Hoạt động liên tục trên thị trường nhằm lợi nhuận <i>Continuous market activity for profit</i>
Chủ thể kinh doanh	Business entity	Tổ chức, cá nhân kinh doanh độc lập, có đăng ký <i>Independent, registered business actor</i>
Doanh nghiệp	Enterprise	Tổ chức có tên, tài sản, trụ sở, thành lập để kinh doanh <i>Organisation with name, assets and seat, formed for business</i>
Thương nhân	Trader	Chủ thể hoạt động thương mại thường xuyên, có đăng ký <i>Registered regular commercial actor</i>
Nhà đầu tư	Investor	Tổ chức, cá nhân bỏ vốn kinh doanh <i>Person putting capital into business</i>
Tổ chức kinh tế	Economic organisation	Doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh doanh khác <i>Enterprises, cooperatives and other business bodies</i>

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Pháp nhân thương mại	Commercial legal entity	Pháp nhân tìm lợi nhuận để chia cho thành viên <i>Legal entity seeking profit for members</i>
Tư cách pháp nhân	Legal personality	Tài sản độc lập, nhân danh mình <i>Separate assets, acts in own name</i>
Hộ kinh doanh	Household business	Cá nhân, hộ gia đình đăng ký kinh doanh, không phải pháp nhân <i>Registered individual or family business, not a legal entity</i>
Doanh nghiệp tư nhân	Sole proprietorship (private enterprise)	Một cá nhân làm chủ, chịu trách nhiệm vô hạn <i>Owned by one individual, unlimited liability</i>
Công ty hợp danh	Partnership	Có ít nhất 02 thành viên hợp danh <i>At least 2 general partners</i>
Công ty trách nhiệm hữu hạn	Limited liability company	Thành viên chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp <i>Members liable up to their capital</i>
Công ty cổ phần	Joint stock company	Vốn chia thành cổ phần, tối thiểu 03 cổ đông <i>Capital in shares, at least 3 shareholders</i>
Hợp tác xã	Cooperative	Ít nhất 05 thành viên chính thức tương trợ <i>At least 5 official members in mutual aid</i>
Quyền tự do kinh doanh	Freedom to do business	Kinh doanh ngành nghề pháp luật không cấm <i>Business in any sector not prohibited</i>
Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh	Prohibited business sector	Không được kinh doanh (Điều 6 Luật Đầu tư) <i>Banned (Art. 6, Law on Investment)</i>
Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Conditional business sector	Kinh doanh khi đáp ứng điều kiện (Phụ lục IV) <i>Allowed once conditions are met (Annex IV)</i>
Điều kiện đầu tư kinh doanh	Business investment condition	Giấy phép, chứng nhận, chứng chỉ, yêu cầu khác <i>Licence, certificate or other requirement</i>

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Người thành lập doanh nghiệp	Founder	Người thành lập hoặc góp vốn để thành lập <i>Person who forms or funds the formation</i>
Người quản lý doanh nghiệp	Enterprise manager	Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, thành viên Hội đồng, Giám đốc... <i>Owner, general partner, council or board member, director...</i>
Chủ sở hữu hưởng lợi	Beneficial owner	Cá nhân sở hữu, kiểm soát doanh nghiệp trên thực tế <i>Individual who in fact owns or controls</i>
Tập quán thương mại	Commercial custom	Thói quen được thừa nhận rộng rãi trong thương mại <i>Practice widely recognised in trade</i>
Án lệ	Precedent	Nguồn bổ sung khi không có luật, tập quán <i>Supplementary source where law and custom are silent</i>

1.9. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Ai được cùng thành lập và quản lý Công ty TNHH Thực phẩm Lam An — *Exercise 1. Who may found and manage Lam An Food Co., Ltd.*

Tháng 10/2026, chị Nguyễn Thị Lam (29 tuổi, chủ hộ kinh doanh Bếp Lam ở Cần Thơ) rủ sáu người cùng đứng tên thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Lam An, mỗi người góp vốn và nhận một chức danh quản lý: anh Trần Hữu Phúc (31 tuổi, kỹ sư công nghệ thực phẩm, dự kiến làm Giám đốc); chị Bùi Thu Trang (giảng viên trường đại học công lập, là viên chức, dự kiến làm Phó giám đốc); ông Đỗ Văn Toàn (thiếu tá, công tác tại một đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, dự kiến làm thành viên Hội đồng thành viên); em Lê Minh Khoa (17 tuổi, em trai chị Lam); bà Phạm Thị Hạnh (đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong một vụ án khác). Chị Lam còn muốn ghi tên “Hộ kinh doanh Bếp Lam” là một thành viên góp vốn bằng máy rang cà phê của hộ. Hãy xác định ai được là người thành lập và người quản lý công ty, công ty còn lại bao nhiêu thành viên và có thành lập được dưới loại hình đã chọn không.

In October 2026 Ms Nguyễn Thị Lam (29, owner of the Bếp Lam household business in Cần Thơ) invites six others to found Lam An Food Co., Ltd. with her, each contributing capital and taking a management post: Mr Trần Hữu Phúc (31, food engineer, intended director); Ms Bùi Thu Trang (lecturer at a public university, a public employee, intended deputy director); Mr Đỗ Văn Toàn (a major serving in a unit of the People's Army, intended members' council member); Lê Minh Khoa (17, Ms Lam's brother); Mrs Phạm Thị Hạnh (currently subject to criminal

prosecution in another case). Ms Lam also wants to list “Bếp Lam household business” as a member contributing the household’s coffee roaster. Determine who may be a founder and manager, how many members remain and whether the company can be formed in the chosen type.

1. Căn cứ: khoản 1, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp (VBHN 67/VBHN-VPQH). Người thành lập doanh nghiệp là người “thành lập hoặc góp vốn để thành lập doanh nghiệp” (khoản 25 Điều 4), nên người thuộc khoản 2 Điều 17 không được đứng tên góp vốn thành lập, cũng không được giữ chức danh quản lý.
Basis: Article 17(1) and (2), Law on Enterprises (consolidated text 67/VBHN-VPQH). A founder is a person who “establishes or contributes capital to establish an enterprise” (Article 4(25)), so a person listed in Article 17(2) may neither contribute capital as a founder nor hold a management post.
2. Chị Lam, anh Phúc: không thuộc trường hợp nào của khoản 2 Điều 17, đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; được thành lập và quản lý. Là chủ hộ kinh doanh không cản trở chị Lam lập công ty TNHH; khoản 3 Điều 188 chỉ cấm chủ doanh nghiệp tư nhân đồng thời là chủ hộ kinh doanh.
Ms Lam and Mr Phúc fall under no limb of Article 17(2), are adults with full capacity, and may found and manage. Owning a household business does not bar Ms Lam from a limited liability company; Article 188(3) only forbids a private enterprise owner from also owning a household business.
3. Chị Trang là viên chức: điểm b khoản 2 Điều 17, không được thành lập và quản lý (ngoại lệ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo không áp dụng cho một công ty thực phẩm). Ông Toàn là sĩ quan thuộc Quân đội nhân dân: điểm c. Em Khoa chưa thành niên: điểm đ. Bà Hạnh đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự: điểm e.
Ms Trang is a public employee: Article 17(2)(b) bars her from founding and managing (the science, technology and innovation exception does not cover a food company). Mr Toàn is an officer of the People’s Army: point (c). Khoa is a minor: point (đ). Mrs Hạnh is subject to criminal prosecution: point (e).
4. “Hộ kinh doanh Bếp Lam” không có tư cách pháp nhân, thuộc điểm đ (“tổ chức không có tư cách pháp nhân”). Máy rang là tài sản của chủ hộ; chị Lam góp máy đó dưới tên mình, sau khi định giá theo Luật Doanh nghiệp.
The “Bếp Lam household business” has no legal personality and falls under point (đ) (“an organisation without legal personality”). The roaster belongs to the household owner; Ms Lam contributes it in her own name after valuation under the Law on Enterprises.
5. Kết quả: 2 trên 7 người, tổ chức được đứng tên (chị Lam, anh Phúc). Công ty TNHH hai thành viên trở lên cần “từ 02 đến 50 thành viên” (khoản 1 Điều 46): thành lập được, với chị Lam và anh Phúc là hai thành viên; anh Phúc làm Giám đốc. Chị Trang không giữ chức Phó giám đốc; nếu muốn góp vốn sau khi công ty đã thành lập thì phải đối chiếu khoản 3 Điều 17 với Luật Viên chức và Luật Phòng, chống tham nhũng.
Result: 2 of the 7 persons and bodies may be named (Ms Lam, Mr Phúc). A multi-member limited liability company needs “from 02 to 50 members” (Article 46(1)): it can be formed with Ms Lam and Mr Phúc as its two members, Mr Phúc as director. Ms Trang may not be

deputy director; any later capital contribution by her must be checked against Article 17(3) and the Laws on Public Employees and on Anti-corruption.

Bài 2. Xác định chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty cổ phần Thực phẩm Lam An — *Exercise 2. Identifying the beneficial owners of Lam An Food Joint Stock Company*

Công ty TNHH Thực phẩm Lam An chuyển đổi thành công ty cổ phần, vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng, chia thành 1.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng. Cơ cấu cổ đông: chị Nguyễn Thị Lam 200.000 cổ phần; Công ty TNHH Lam Gia (chị Lam là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ) 150.000 cổ phần; anh Trần Hữu Phúc 140.000 cổ phần; chị Võ Thị Ngọc, vợ anh Phúc, 110.000 cổ phần; ông Lê Văn Định 240.000 cổ phần; 32 cổ đông cá nhân khác, mỗi người 5.000 cổ phần. Không ai có thỏa thuận riêng về quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý. Hãy xác định chủ sở hữu hưởng lợi của công ty, nội dung phải kê khai, và nghĩa vụ của công ty khi tháng sau chị Ngọc bán hết cổ phần cho ông Định.

Lam An Food Co., Ltd. converts into a joint stock company with charter capital of VND 10,000,000,000, divided into 1,000,000 ordinary shares of VND 10,000 each. Shareholders: Ms Nguyễn Thị Lam 200,000 shares; Lam Gia Co., Ltd. (wholly owned by Ms Lam) 150,000 shares; Mr Trần Hữu Phúc 140,000 shares; Ms Võ Thị Ngọc, his wife, 110,000 shares; Mr Lê Văn Định 240,000 shares; 32 other individuals with 5,000 shares each. No one holds any special right to appoint or dismiss managers. Identify the company's beneficial owners, the information to be declared, and the company's duty when, a month later, Ms Ngọc sells all her shares to Mr Định.

1. Căn cứ: khoản 35 Điều 4, khoản 5 Điều 25, khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Luật Doanh nghiệp; Điều 17, Điều 18 Nghị định 168/2025/NĐ-CP đã được thay bởi Điều 3, Điều 4 Nghị định 296/2026/NĐ-CP (hiệu lực 23/7/2026). Tiêu chí sở hữu: cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp “sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên”.

Basis: Articles 4(35), 25(5), 31(1) and (2), Law on Enterprises; Articles 17 and 18 of Decree 168/2025/ND-CP as replaced by Articles 3 and 4 of Decree 296/2026/ND-CP (in force 23 July 2026). Ownership test: an individual directly or indirectly owning 25% or more of charter capital or of total voting shares.

2. Tỷ lệ từng cổ đông = số cổ phần / 1.000.000: chị Lam 20%; Lam Gia 15%; anh Phúc 14%; chị Ngọc 11%; ông Định 24%; mỗi cổ đông nhỏ 0,5% (tổng 16%).

Each holding = shares / 1,000,000: Ms Lam 20%; Lam Gia 15%; Mr Phúc 14%; Ms Ngọc 11%; Mr Định 24%; each small holder 0.5% (16% in total).

3. Chị Lam: trực tiếp 20% và gián tiếp qua Lam Gia (sở hữu 100% nên toàn bộ 15% cổ phần của Lam Gia được tính là sở hữu gián tiếp của chị) = 35% ≥ 25%: là chủ sở hữu hưởng lợi (cá nhân “vừa trực tiếp và gián tiếp” sở hữu). Lam Gia là tổ chức, không phải chủ sở hữu hưởng lợi.

Ms Lam: 20% directly plus 15% indirectly through Lam Gia (wholly owned, so all of Lam Gia's stake counts as her indirect holding) = 35% ≥ 25%: a beneficial owner (owning “both directly and indirectly”). Lam Gia is an organisation, not a beneficial owner.

4. Anh Phúc 14% và chị Ngọc 11% là vợ chồng, thuộc “người có quan hệ gia đình” (khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp); cùng sở hữu 25%, đạt mức “từ 25%” nên cả

hai là chủ sở hữu hưởng lợi. Ông Định $24\% < 25\%$, không có quyền kiểm soát riêng: không phải chủ sở hữu hưởng lợi.

Mr Phúc (14%) and Ms Ngọc (11%) are spouses, i.e. “persons with family relationships” (Article 4(22)); together they own 25%, which reaches the “25% or more” mark, so both are beneficial owners. Mr Định has $24\% < 25\%$ and no special control right: not a beneficial owner.

5. kê khai trong danh sách chủ sở hữu hưởng lợi: họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; dân tộc; giới tính; địa chỉ liên lạc; tỷ lệ sở hữu hoặc quyền chi phối; thông tin giấy tờ pháp lý (khoản 5 Điều 25). Công ty lưu danh sách này (điểm h khoản 1 Điều 11).

The list of beneficial owners states: full name; date of birth; nationality; ethnicity; sex; contact address; ownership ratio or controlling right; legal identification details (Article 25(5)). The company keeps the list (Article 11(1)(h)).

6. Khi chị Ngọc bán hết cho ông Định: ông Định có $35\% \geq 25\%$, trở thành chủ sở hữu hưởng lợi; anh Phúc còn 14% và chị Ngọc 0%, không còn là chủ sở hữu hưởng lợi. Đây là thay đổi “thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi” (điểm c khoản 1 Điều 31): công ty phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi (khoản 2 Điều 31).

After Ms Ngọc sells to Mr Định: he holds $35\% \geq 25\%$ and becomes a beneficial owner; Mr Phúc keeps 14% and Ms Ngọc 0%, so neither remains one. This changes the “information on beneficial owners” (Article 31(1)(c)): the company must notify the business registration authority within 10 days of the change (Article 31(2)).

1.10. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Trình bày quyền tự do kinh doanh theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Pháp luật giới hạn quyền này bằng những cơ chế nào?

Question 1. *Present the freedom to do business under the Constitution and current law. Through which mechanisms does the law limit this freedom?*

- Hiến pháp Điều 33: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.” Điều 51 khoản 3: tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh không bị quốc hữu hóa.

Constitution, Article 33: everyone has the freedom to do business in sectors not prohibited by law. Article 51(3): lawful assets used in investment and business are not nationalised.

- Cụ thể hóa: Luật Doanh nghiệp Điều 7 khoản 1 (doanh nghiệp “tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm”), khoản 2 (tự chủ chọn hình thức tổ chức, ngành, nghề, địa bàn); Luật Đầu tư Điều 5 khoản 1; Luật Thương mại Điều 6 khoản 2.

Implementation: Law on Enterprises, Article 7(1) (freedom to trade in any sector not prohibited by law) and (2) (choice of form, sector and location); Law on Investment, Article 5(1); Commercial Law, Article 6(2).

- Căn cứ giới hạn: Hiến pháp Điều 14 khoản 2 — quyền chỉ bị hạn chế bằng luật, vì quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Luật Đầu tư Điều 7 khoản 1 dùng đúng các lý do đó.

Grounds for limits: Constitution, Article 14(2) — rights may be restricted only by law, for

national defence, national security, public order and safety, social morality or public health. Article 7(1) of the Law on Investment uses the same grounds.

- Cơ chế 1 — cấm tuyệt đối: Điều 6 khoản 1 Luật Đầu tư 143/2025, 11 nhóm (a–l); từ 01/01/2027 thêm điểm m (khí N₂O) theo Luật 24/2026/QH16.
Mechanism 1 — outright bans: Article 6(1), Law on Investment 143/2025, 11 groups ((a)–(l)); point (m) (N₂O gas) is added from 1 January 2027 by Law 24/2026/QH16.
- Cơ chế 2 — điều kiện: 198 ngành, nghề ở Phụ lục IV (hiệu lực 01/7/2026), 137 ngành, nghề từ 01/3/2027; điều kiện chỉ được đặt bằng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, điều ước (Điều 7 khoản 2); doanh nghiệp phải duy trì điều kiện suốt quá trình hoạt động (Luật Doanh nghiệp Điều 8 khoản 1).
Mechanism 2 — conditions: 198 sectors in Annex IV (in force 1 July 2026), 137 from 1 March 2027; conditions may be set only by laws, National Assembly resolutions, ordinances, Standing Committee resolutions, decrees and treaties (Article 7(2)); enterprises must maintain them throughout (Law on Enterprises, Article 8(1)).
- Cơ chế 3 — giới hạn về chủ thể: Luật Doanh nghiệp Điều 17 khoản 2 (không được thành lập, quản lý), khoản 3 (không được góp vốn); Điều 188 khoản 3 (mỗi cá nhân một doanh nghiệp tư nhân); Nghị định 168/2025 Điều 83 khoản 1 (một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc).
Mechanism 3 — limits on persons: Law on Enterprises, Article 17(2) (no founding or managing) and (3) (no capital contribution); Article 188(3) (one private enterprise per individual); Decree 168/2025, Article 83(1) (one household business nationwide).

Câu 2. Thế nào là chủ thể kinh doanh? Phân loại chủ thể kinh doanh theo tư cách pháp nhân và chế độ trách nhiệm tài sản. So sánh doanh nghiệp tư nhân với hộ kinh doanh.

Question 2. *What is a business entity? Classify business entities by legal personality and by liability regime. Compare a private enterprise with a household business.*

- Khái niệm: tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh (khoản 21 Điều 4 Luật Doanh nghiệp: liên tục, trên thị trường, nhằm tìm kiếm lợi nhuận) một cách độc lập, có đăng ký theo quy định. Các định nghĩa gần: doanh nghiệp (khoản 10 Điều 4), thương nhân (Luật Thương mại Điều 6 khoản 1), nhà đầu tư (Luật Đầu tư Điều 3 khoản 18).
Concept: an organisation or individual carrying on business (Article 4(21), Law on Enterprises: continuously, on the market, for profit) independently and registered as required. Related definitions: enterprise (Article 4(10)), trader (Commercial Law, Article 6(1)), investor (Law on Investment, Article 3(18)).
- Có tư cách pháp nhân (đủ bốn điều kiện Điều 74 Bộ luật Dân sự): công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Không có tư cách pháp nhân: doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh.
With legal personality (the four conditions of Article 74, Civil Code): limited liability companies, joint stock companies, partnerships, cooperatives and cooperative unions. Without it: private enterprises and household businesses.

- Trách nhiệm vô hạn: chủ doanh nghiệp tư nhân (Điều 188 khoản 1), thành viên hợp danh (Điều 177 khoản 1 điểm b), hộ kinh doanh (Nghị định 168/2025 Điều 82 khoản 1). Trách nhiệm hữu hạn: thành viên, cổ đông công ty TNHH, công ty cổ phần (Điều 46, 74, 111), thành viên góp vốn, thành viên hợp tác xã (Luật HTX Điều 32 khoản 1 điểm c).

Unlimited liability: private enterprise owner (Article 188(1)), general partners (Article 177(1)(b)), household business (Decree 168/2025, Article 82(1)). Limited liability: members and shareholders of limited liability and joint stock companies (Articles 46, 74, 111), limited partners, cooperative members (Law on Cooperatives, Article 32(1)(c)).

- Giống nhau giữa doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh: không có tư cách pháp nhân; chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản; một cá nhân chỉ được lập một doanh nghiệp tư nhân, chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh.

Similarities: no legal personality; liability with all assets; one individual may set up only one private enterprise and register only one household business.

- Khác nhau: doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, do một cá nhân làm chủ, đăng ký ở Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; hộ kinh doanh thuộc Chương VIII Nghị định 168/2025, do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình lập, đăng ký ở cấp xã. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh (Điều 188 khoản 3).

Differences: a private enterprise is an enterprise under the Law on Enterprises, owned by one individual and registered with the provincial authority; a household business falls under Chapter VIII of Decree 168/2025, is set up by one individual or household members and registered at commune level. A private enterprise owner may not also own a household business (Article 188(3)).

Câu 3. Phân tích khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo Luật 76/2025/QH15 và Nghị định 296/2026/NĐ-CP. Doanh nghiệp có những nghĩa vụ gì về thông tin chủ sở hữu hưởng lợi?

Question 3. *Analyse the concept of the beneficial owner of an enterprise under Law 76/2025/QH15 and Decree 296/2026/ND-CP. What are an enterprise's duties regarding beneficial ownership information?*

- Khái niệm (khoản 35 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, do Luật 76/2025 bổ sung, hiệu lực 01/7/2025): cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối doanh nghiệp có tư cách pháp nhân; loại trừ người đại diện phần vốn nhà nước.

Concept (Article 4(35), Law on Enterprises, added by Law 76/2025, in force 1 July 2025): an individual who in fact owns charter capital or controls an enterprise with legal personality; State capital representatives are excluded.

- Tiêu chí sở hữu (Nghị định 168/2025 Điều 17 khoản 1, thay bởi Nghị định 296/2026): trực tiếp, gián tiếp hoặc cả hai từ 25% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết; nhóm người có quan hệ gia đình hoặc hợp đồng cùng sở hữu từ 25% thì mọi người trong nhóm là chủ sở hữu hưởng lợi; mọi thành viên hợp danh là chủ sở hữu hưởng lợi.

Ownership test (Decree 168/2025, Article 17(1), as replaced by Decree 296/2026): direct, indirect or combined ownership of 25% or more of charter capital or voting shares; where a

family or contractual group together holds 25% or more, every member of the group is a beneficial owner; every general partner is one.

- Tiêu chí kiểm soát (khoản 2): quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc; sửa Điều lệ; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư; tổ chức lại, giải thể. Không có ai thỏa mãn: kê khai người quản lý có quyền hạn lớn nhất (khoản 3).

Control test (clause 2): power to appoint or dismiss a majority of the board or members' council or the director; to amend the charter; to change the structure; to decide financial and investment policy; to reorganise or dissolve. If no one qualifies, the most senior manager is declared (clause 3).

- Nghĩa vụ: thu thập, cập nhật, lưu giữ, cung cấp thông tin (Điều 8 khoản 5a); nộp danh sách khi đăng ký (Điều 20, 21, 22); lưu danh sách (Điều 11 khoản 1 điểm h); thông báo thay đổi trong 10 ngày (Điều 31 khoản 1 điểm c, khoản 2), trừ công ty niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

Duties: collect, update, keep and supply the information (Article 8(5a)); file the list on registration (Articles 20, 21, 22); keep the list (Article 11(1)(h)); notify changes within 10 days (Article 31(1)(c) and (2)), except listed and registered-for-trading companies.

- Mục đích: cơ quan nhà nước có thẩm quyền được cung cấp thông tin miễn phí “để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền” (Điều 33 khoản 1a); Cơ quan đăng ký kinh doanh lưu thông tin ít nhất 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp giải thể, phá sản (Điều 216 khoản 1 điểm h). Doanh nghiệp thành lập trước 01/7/2025 bổ sung thông tin khi làm thủ tục thay đổi gần nhất (Điều 3 khoản 1 Luật 76/2025).

Purpose: competent authorities receive the information free of charge for anti-money-laundering work (Article 33(1a)); the registration authority keeps it for at least 5 years after dissolution or bankruptcy (Article 216(1)(h)). Enterprises formed before 1 July 2025 add the information at their next change filing (Article 3(1), Law 76/2025).

1.11. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

1. Tại thời điểm tháng 10/2026, khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư 143/2025/QH15 liệt kê bao nhiêu nhóm hoạt động đầu tư kinh doanh bị cấm?

As of October 2026, how many groups of prohibited business investment activities does Article 6(1) of the Law on Investment 143/2025/QH15 list?

- A. 8 nhóm (điểm a đến h) / 8 groups (points (a) to (h))
- B. 11 nhóm (điểm a đến l) / 11 groups (points (a) to (l))
- C. 12 nhóm (điểm a đến m) / 12 groups (points (a) to (m))
- D. 198 nhóm theo Phụ lục IV / 198 groups under Annex IV

2. Quy định cấm “kinh doanh khí N2O để sử dụng cho con người qua đường hô hấp” do Luật 24/2026/QH16 bổ sung có hiệu lực từ ngày nào?
From what date does the ban on “trading N2O gas for human inhalation”, added by Law 24/2026/QH16, take effect?
- A. 01/3/2026 / 1 March 2026
 - B. 01/7/2026 / 1 July 2026
 - C. 01/3/2027 / 1 March 2027
 - D. 01/01/2027 / 1 January 2027
3. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đang áp dụng tháng 10/2026 (Phụ lục IV Luật Đầu tư 143/2025/QH15) gồm bao nhiêu ngành, nghề?
How many sectors are on the list of conditional business sectors in force in October 2026 (Annex IV, Law on Investment 143/2025/QH15)?
- A. 198
 - B. 137
 - C. 11
 - D. 50
4. Theo khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, ai sau đây KHÔNG có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam?
Under Article 17(2) of the Law on Enterprises, which of the following has NO right to found and manage an enterprise in Viet Nam?
- A. Người 70 tuổi đã nghỉ hưu, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ / A 70-year-old retiree with full capacity
 - B. Chủ hộ kinh doanh muốn lập công ty TNHH một thành viên / A household owner forming a single-member LLC
 - C. Người 17 tuổi / A 17-year-old
 - D. Công ty TNHH đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / A registered limited liability company
5. Theo Nghị định 168/2025/NĐ-CP được sửa bởi Nghị định 296/2026/NĐ-CP, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu bao nhiêu vốn điều lệ thì là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp?
Under Decree 168/2025/ND-CP as amended by Decree 296/2026/ND-CP, an individual directly or indirectly owning how much charter capital is a beneficial owner?
- A. Từ 25% trở lên / 25% or more
 - B. Trên 50% / More than 50%
 - C. Từ 10% trở lên / 10% or more
 - D. Từ 65% trở lên / 65% or more

6. Điều 33 Hiến pháp (văn bản hợp nhất 52/VBHN-VPQH) quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà ...”
Article 33 of the Constitution (consolidated text 52/VBHN-VPQH) reads: “Everyone has the freedom to do business in sectors that ...”
- A. Nhà nước cho phép / *the State permits*
 - B. được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / *are recorded on the enterprise registration certificate*
 - C. pháp luật không cấm / *the law does not prohibit*
 - D. Luật Doanh nghiệp liệt kê / *the Law on Enterprises lists*
7. Chị Hoa bán chiếc xe máy cũ của gia đình một lần, lãi 2 triệu đồng. Theo khoản 21 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, đây có phải là kinh doanh không?
Ms Hoa sells her family's used motorbike once, making VND 2 million. Under Article 4(21) of the Law on Enterprises, is this business activity?
- A. Có, vì có lãi / *Yes, because there is a profit*
 - B. Có, vì có mua bán trên thị trường / *Yes, because there is a sale on the market*
 - C. Không, vì chị Hoa chưa đăng ký hộ kinh doanh / *No, because Ms Hoa has not registered a household business*
 - D. Không, vì việc bán không được thực hiện liên tục / *No, because the sale is not carried out continuously*
8. Nhận định nào ĐÚNG về hộ kinh doanh theo Nghị định 168/2025/NĐ-CP?
Which statement on household businesses under Decree 168/2025/ND-CP is CORRECT?
- A. Hộ kinh doanh là pháp nhân thương mại / *A household business is a commercial legal entity*
 - B. Hộ kinh doanh chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của cá nhân, thành viên hộ gia đình đăng ký / *It is liable with all assets of the registering individual or household members*
 - C. Một cá nhân được đăng ký nhiều hộ kinh doanh ở các tỉnh khác nhau / *One may register several in other provinces*
 - D. Hộ kinh doanh là một loại hình doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp / *It is an enterprise under that Law*

Chương 2. Hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, hợp tác xã — Chapter 2. Household businesses, private enterprises, partnerships and cooperatives

Mục tiêu chương — Chapter objectives

- Trình bày quy định hiện hành về hộ kinh doanh: quyền thành lập, đăng ký, thay đổi, tạm ngừng, chấm dứt và chuyển đổi thành doanh nghiệp.
Describe the current rules on household businesses: the right to establish, registration, changes, suspension, termination and conversion into an enterprise.
- Nêu đặc điểm pháp lý của doanh nghiệp tư nhân, các quyền cho thuê, bán doanh nghiệp và hệ quả về nợ.
State the legal features of a private enterprise, the owner's rights to lease and sell it and the consequences for debts.
- Phân biệt thành viên hợp danh với thành viên góp vốn; tính tỷ lệ biểu quyết của Hội đồng thành viên công ty hợp danh.
Distinguish general partners from limited partners and compute voting thresholds of a partnership's members' council.
- Trình bày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã 2023: thành viên, vốn góp, tổ chức quản trị.
Present cooperatives and unions of cooperatives under the Law on Cooperatives 2023: members, capital and governance.
- Tính số nợ chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh phải trả bằng tài sản riêng.
Compute the debts that a private enterprise owner or a general partner must pay from personal assets.

Tình huống xuyên chương — Running case

Anh Đỗ Văn Khải, vợ là chị Phạm Thị Hồng Nhung và em trai là anh Đỗ Văn Lâm cùng rang xay cà phê bán cho các quán tại tỉnh Đắk Lắk. Năm 2026 cả ba muốn đăng ký kinh doanh chính thức. Tình huống đi theo nhóm qua bốn lựa chọn: đăng ký **hộ kinh doanh Khải Hưng** (mục 2.1); anh Khải chuyển hộ thành **doanh nghiệp tư nhân** (mục 2.2); anh Khải cùng bạn bè, người thân bàn chuyện lập **công ty hợp danh** (mục 2.3); mười hai nông hộ trồng cà phê cung cấp nguyên liệu cho xưởng lập **hợp tác xã** (mục 2.4). Mục 2.5 so sánh để chọn loại hình, mục 2.6 tính số nợ anh Khải phải trả bằng tài sản riêng khi doanh nghiệp tư nhân giải thể.

*Mr Đỗ Văn Khải, his wife Ms Phạm Thị Hồng Nhung and his younger brother Mr Đỗ Văn Lâm roast and grind coffee for cafés in Đắk Lắk province. In 2026 the three want to register formally. The case follows them through four options: registering the **Khải Hưng household business** (section 2.1); Mr Khải converting it into a **private enterprise** (section 2.2); Mr Khải, friends and relatives discussing a **partnership** (section 2.3); twelve coffee-growing households that supply the roastery forming a **cooperative** (section 2.4). Section 2.5 compares the options and section 2.6 computes the debts Mr Khải must pay from his own assets when his private enterprise is dissolved.*

2.1. Hộ kinh doanh — Household businesses

Văn bản điều chỉnh — Governing instruments

Luật Doanh nghiệp không điều chỉnh hộ kinh doanh; luật giao Chính phủ quy định việc đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh. Văn bản hiện hành là **Nghị định 168/2025/NĐ-CP** về đăng ký doanh nghiệp, có hiệu lực từ 01/7/2025 (Điều 124), thay thế Nghị định 01/2021/NĐ-CP. Chương VIII của nghị định (Điều 82–116) quy định riêng về hộ kinh doanh. **Nghị định 296/2026/NĐ-CP**, có hiệu lực từ 23/7/2026, đã sửa một số điều của Chương VIII. Khi học, đọc Nghị định 168/2025 cùng các sửa đổi của Nghị định 296/2026.

*The Law on Enterprises does not govern household businesses; it leaves their registration and operation to the Government. The current instrument is **Decree 168/2025/ND-CP** on enterprise registration, in force from 1 July 2025 (Article 124), replacing Decree 01/2021/ND-CP. Its Chapter VIII (Articles 82–116) deals with household businesses. **Decree 296/2026/ND-CP**, in force from 23 July 2026, amended several articles of Chapter VIII. Read Decree 168/2025 together with the amendments made by Decree 296/2026.*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Khái niệm (Điều 82 khoản 1 Nghị định 168/2025): “Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ.” Hộ do các thành viên hộ gia đình thành lập thì ủy quyền cho một thành viên làm người đại diện; “Văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm người đại diện hộ kinh doanh phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.”

Definition (Article 82(1), Decree 168/2025): a household business is registered by one individual or by members of a household, who answer with all their assets for its business. Where household members set it up, they authorise one member as representative; the authorisation must be notarised or certified as required by law.

Đặc điểm <i>Feature</i>	Nội dung <i>Content</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Chủ thể <i>Owner</i>	Một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình là công dân Việt Nam <i>One individual or household members who are Vietnamese citizens</i>	Điều 82 khoản 1, 2 <i>Article 82(1), (2)</i>
Trách nhiệm <i>Liability</i>	Bằng toàn bộ tài sản; các thành viên hộ chịu trách nhiệm liên đới <i>With all assets; household members are jointly liable</i>	Điều 82 khoản 1, Điều 84 khoản 1 <i>Articles 82(1), 84(1)</i>
Tư cách pháp lý <i>Legal status</i>	Không phải doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân; chủ hộ đại diện cho hộ trước Trọng tài, Tòa án <i>Not an enterprise, no legal personality; the head represents it before arbitration and courts</i>	Điều 84 khoản 3 <i>Article 84(3)</i>

Đặc điểm <i>Feature</i>	Nội dung <i>Content</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Số lượng <i>Number</i>	Mỗi người chỉ đăng ký một hộ kinh doanh trong toàn quốc <i>One household business per person nationwide</i>	Điều 83 khoản 1 <i>Article 83(1)</i>
Địa điểm <i>Locations</i>	Có thể có nhiều địa điểm kinh doanh trong cả nước <i>May have many business locations nationwide</i>	Điều 87 khoản 2 <i>Article 87(2)</i>
Giấy chứng nhận <i>Certificate</i>	Đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế; không phải giấy phép kinh doanh <i>Also the tax registration certificate; not a business licence</i>	Điều 85 khoản 1, 4 <i>Article 85(1), (4)</i>

Ai được thành lập, ai không phải đăng ký — *Who may establish one and who need not register*

Cá nhân, thành viên hộ gia đình là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ có quyền thành lập hộ kinh doanh (Điều 82 khoản 2), trừ: (a) người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; (b) người không được thành lập hộ kinh doanh theo quy định của luật. Người nước ngoài không thuộc diện được thành lập hộ kinh doanh theo điều này.

Vietnamese individuals and household members with full civil capacity may set up a household business (Article 82(2)), except: (a) persons being criminally prosecuted, held in custody, serving a prison term, subject to compulsory rehabilitation or education measures, or banned by a court from holding office, practising or doing certain work; (b) persons barred by law. Foreigners are not among those entitled under this article.

Điều 82 khoản 3 miễn đăng ký cho hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp, **trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**. Mức thu nhập thấp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Các đối tượng này vẫn được đăng ký nếu có nhu cầu (khoản 4).

Article 82(3) exempts from registration households in farming, forestry, fishing and salt-making, street vendors, snack sellers, itinerant traders, mobile and seasonal businesses and low-income services, except where they trade in conditional business lines. The provincial people's committee sets the low-income threshold. These persons may still register if they wish (clause 4).

Chủ thể <i>Person</i>	Quyền, nghĩa vụ chính <i>Main rights and duties</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Người thành lập, hộ kinh doanh <i>Founders, household business</i>	Phải đăng ký, báo cáo; không được hoạt động dưới danh nghĩa hộ kinh doanh mà không đăng ký <i>Must register and report; may not operate as a household business without registering</i>	Điều 83 khoản 2 <i>Article 83(2)</i>

Chủ thể <i>Person</i>	Quyền, nghĩa vụ chính <i>Main rights and duties</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Chủ hộ <i>Head of household business</i>	Thực hiện thủ tục đăng ký khi tất cả thành viên thông qua; trực tiếp hoặc thuê người quản lý nhưng vẫn chịu trách nhiệm về nợ; thực hiện nghĩa vụ thuế, đại diện hộ trước Trọng tài, Tòa án <i>Files registration once all members agree; manages directly or hires a manager but remains liable for debts; performs tax duties, represents the business before arbitration and courts</i>	Điều 83 khoản 3, Điều 84 khoản 2, 3 <i>Articles 83(3), 84(2), (3)</i>
Chủ hộ, thành viên hộ <i>Head and members</i>	Được góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp trong doanh nghiệp với tư cách cá nhân; không được đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân <i>May contribute capital or buy shares in enterprises as individuals; may not also own a private enterprise</i>	Điều 84 khoản 4, 5 <i>Article 84(4), (5)</i>

Tên, trụ sở, ngành nghề — *Name, head office and business lines*

- Tên gồm cụm từ “Hộ kinh doanh” và tên riêng; tên riêng viết bằng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm chữ số, ký hiệu (Điều 86 khoản 1). “Không được sử dụng các cụm từ “công ty”, “tổng công ty”, “tập đoàn”, “doanh nghiệp” để đặt tên hộ kinh doanh.” (khoản 3). Tên không được trùng tên hộ kinh doanh đã đăng ký trong phạm vi cấp xã (khoản 6).

The name consists of the words “Hộ kinh doanh” (household business) and a proper name written in Vietnamese letters, F, J, Z, W, possibly with digits and symbols (Article 86(1)). The words “company”, “corporation”, “group” and “enterprise” may not be used (clause 3). The name may not duplicate another registered in the same commune (clause 6).

- Trụ sở là nơi hộ kinh doanh hoạt động và là địa chỉ liên lạc; hộ không có địa điểm cố định chọn một địa chỉ làm trụ sở và đăng ký không hoạt động tại trụ sở (Điều 87 khoản 1, 3). “Một hộ kinh doanh có thể có nhiều địa điểm kinh doanh trong phạm vi cả nước.” Hộ phải thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan quản lý thị trường theo quy định pháp luật (khoản 2, sửa bởi Nghị định 296/2026).

The head office is where the business operates and its contact address; a business without a fixed site picks one address and registers that it does not trade there (Article 87(1), (3)). One household business may have many business locations nationwide. It must notify the tax and market-surveillance authorities as provided by law (clause 2, as amended by Decree 296/2026).

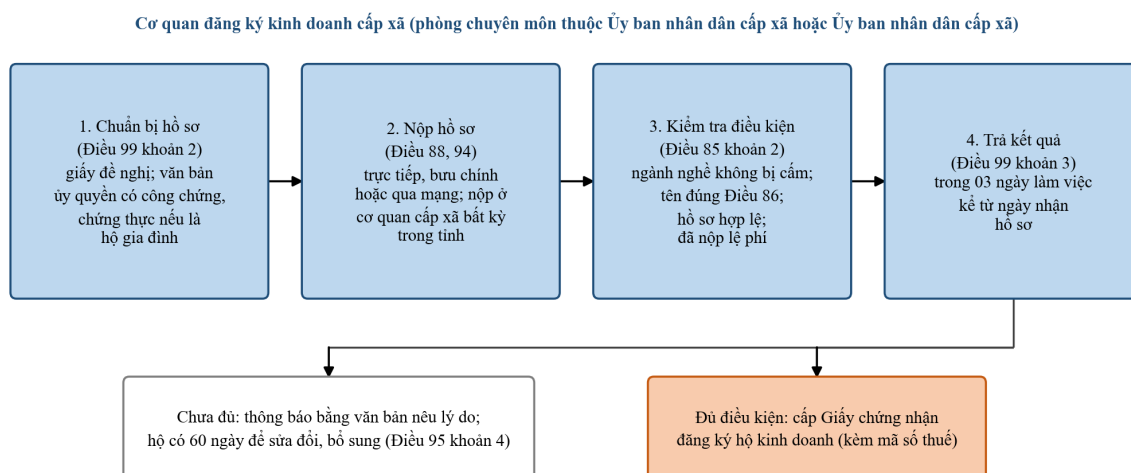
- Hộ kinh doanh được tự do kinh doanh ngành, nghề luật không cấm; ngành, nghề có điều kiện chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện và phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động (Điều 89 khoản 1). Ngành chính ghi theo ngành kinh tế cấp bốn của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (khoản 2).

A household business may trade in any line not prohibited by law; conditional lines require meeting and maintaining the conditions throughout (Article 89(1)). The main line is recorded at the four-digit level of the Vietnam Standard Industrial Classification (clause 2).

Thủ tục đăng ký thành lập — *Registration procedure*

Chủ hộ hoặc người được ủy quyền đăng ký theo một trong ba phương thức: trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, qua dịch vụ bưu chính, qua mạng thông tin điện tử (Điều 94). Hồ sơ có thể nộp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong tỉnh nơi hộ đặt trụ sở; cơ quan cấp xã nơi đặt trụ sở giải quyết (Điều 88 khoản 2). Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, hoặc chính Ủy ban nhân dân cấp xã nếu xã không lập phòng chuyên môn (Điều 20 khoản 2, sửa bởi Nghị định 296/2026).

The head or an authorised person files by one of three methods: in person at the commune-level business registration authority, by post, or online (Article 94). The file may be lodged with any commune-level authority in the province where the head office is; the authority of that commune decides (Article 88(2)). The commune-level authority is a specialised office of the commune people's committee, or the committee itself where no such office exists (Article 20(2), as amended by Decree 296/2026).



Hình 2.1. Quy trình đăng ký thành lập hộ kinh doanh theo Nghị định 168/2025/NĐ-CP (sửa đổi năm 2026)

Figure 2.1. Household business registration procedure under Decree 168/2025/ND-CP (as amended in 2026)

Bốn điều kiện cấp Giấy chứng nhận (Điều 85 khoản 2): ngành, nghề không bị cấm đầu tư kinh doanh; tên đặt đúng Điều 86; hồ sơ hợp lệ; nộp đủ lệ phí. Hồ sơ gồm giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh và, nếu do hộ gia đình thành lập, bản sao văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực (Điều 99 khoản 2). Hộ được kinh doanh từ ngày được cấp Giấy chứng nhận, hoặc từ ngày bắt đầu hoạt động đã đăng ký nếu muộn hơn, trừ ngành, nghề có điều kiện (Điều 85 khoản 4).

The four conditions for the certificate (Article 85(2)): the line is not prohibited; the name complies with Article 86; the file is valid; the fee is paid. The file contains the registration request and, for a household, a copy of the notarised or certified authorisation (Article 99(2)). The business may trade from the certificate date, or from a later registered start date, except in conditional lines (Article 85(4)).

Điều được sửa <i>Article amended</i>	Nội dung hiện hành sau Nghị định 296/2026 <i>Current text after Decree 296/2026</i>
Điều 20 khoản 2 <i>Article 20(2)</i>	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã: phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã; có tài khoản và con dấu <i>Commune-level authority: a specialised office of the commune people's committee or the committee itself; has an account and a seal</i>
Điều 93 khoản 5 <i>Article 93(5)</i>	Người ủy quyền và người được ủy quyền xác thực điện tử khi đăng ký thành lập, thay đổi chủ hộ, thay đổi thành viên hộ gia đình <i>Principal and agent authenticate electronically for establishment, change of head and change of household members</i>
Điều 95 khoản 5, Điều 115 <i>Article 95(5), Article 115</i>	Thời hạn “03 ngày làm việc” thay bằng “02 ngày làm việc” (dừng thủ tục; hiệu đính thông tin) <i>“03 working days” replaced by “02 working days” (stopping a procedure; correcting data)</i>
Điều 103 khoản 5 (bổ sung) <i>Article 103(5) (new)</i>	Đang tạm ngừng mà thay đổi thông tin vẫn phải đăng ký thay đổi <i>Changes during suspension must still be registered</i>
Điều 111 <i>Article 111</i>	Bãi bỏ <i>Repealed</i>
Điều 112, 113 <i>Articles 112, 113</i>	Hồ sơ qua mạng là văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử; đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia; hồ sơ nhận ngoài giờ hành chính tính thời hạn từ ngày làm việc kế tiếp <i>Online files are electronic documents or data; log in via the National Public Service Portal or the national identification app; files received after hours count from the next working day</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Thấy Nghị định 296/2026 thay “03 ngày làm việc” bằng “02 ngày làm việc” rồi ghi thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh là 02 ngày. Việc thay cụm từ chỉ áp dụng ở khoản 5 Điều 95 và Điều 115 (cùng một số điều về doanh nghiệp). Điều 99 khoản 3 **không bị sửa**: kết quả vẫn trả trong **03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ.

*Seeing that Decree 296/2026 replaced “03 working days” with “02 working days” and writing that a household business certificate is issued in 02 days. The replacement applies only to Article 95(5) and Article 115 (and some enterprise provisions). Article 99(3) is **unchanged**: the result is still given within **03 working days** of receipt.*

Thay đổi, tạm ngừng, chấm dứt, thu hồi — *Changes, suspension, termination and revocation*

Việc <i>Matter</i>	Quy định <i>Rule</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Thay đổi nội dung đăng ký <i>Change of registered details</i>	Trong 10 ngày kể từ ngày thay đổi tên, trụ sở, chủ hộ, thành viên hộ, vốn kinh doanh, ngành nghề, nội dung đăng ký thuế; cơ quan xử lý trong 03 ngày làm việc <i>Within 10 days of a change of name, office, head, members, business capital, lines or tax details; the authority acts within 03 working days</i>	Điều 100 khoản 1, 7 <i>Article 100(1), (7)</i>
Tạm ngừng kinh doanh <i>Suspension</i>	Từ 15 ngày trở lên phải đăng ký chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng; mỗi lần không quá một năm <i>15 days or more must be registered at least 03 working days before; at most one year each time</i>	Điều 103 khoản 1 <i>Article 103(1)</i>
Chấm dứt hoạt động <i>Termination</i>	Trả hết nợ, kể cả nợ thuế, trừ khi có thỏa thuận với chủ nợ; nộp hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày trả hết nợ <i>Pay all debts, including tax, unless otherwise agreed with creditors; file within 05 working days of paying them</i>	Điều 104 khoản 1 <i>Article 104(1)</i>
Chủ hộ là cá nhân chết <i>Sole founder dies</i>	Hộ chấm dứt hoạt động; người thừa kế hoặc người quản lý tài sản nộp hồ sơ chấm dứt <i>The business ends; the heir or estate administrator files for termination</i>	Điều 104 khoản 4 <i>Article 104(4)</i>
Thu hồi Giấy chứng nhận <i>Revocation</i>	Kê khai giả mạo; người không được quyền thành lập; không báo cáo trong 30 ngày; ngừng hoạt động quá 06 tháng không thông báo; theo yêu cầu của Tòa án; theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền <i>False declarations; founders not entitled; no report within 30 days; inactive over 06 months without notice; at a court's request; at a competent authority's request</i>	Điều 105 <i>Article 105</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Tạm ngừng: “Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần đăng ký không được quá một năm.” (Điều 103 khoản 1). Nghị định 296/2026 bổ sung khoản 5: “Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, khi có thay đổi thông tin đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 100 Nghị định này, hộ kinh doanh phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.”

Suspension: each registered suspension may not exceed one year (Article 103(1)). Decree 296/2026 adds clause 5: changes to registered details during suspension must still be registered under Article 100.

Chuyển hộ kinh doanh thành doanh nghiệp — *Converting a household business into an enterprise*

Điều 27 Nghị định 168/2025 quy định đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh: nộp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính; hồ sơ gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và giấy tờ của loại hình doanh nghiệp tương ứng. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp tỉnh báo cho cơ quan cấp xã; hộ chuyển sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt cho đến khi cơ quan thuế xác nhận xong nghĩa vụ thuế. “Hộ kinh doanh không được hoạt động kể từ thời điểm doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.” (khoản 4).

Article 27 of Decree 168/2025 governs registering an enterprise converted from a household business: file with the provincial business registration authority where the head office will be; the file includes a copy of the household business certificate and the documents for the chosen enterprise type. Within 02 working days of issuing the enterprise certificate, the provincial authority informs the commune authority; the household business is put into termination status until the tax authority confirms its tax obligations are met. The household business may not operate from the moment the converted enterprise receives its certificate (clause 4).

Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân đặt định hướng: “Xoá bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026.” Nghị quyết cũng yêu cầu rà soát khung pháp lý về kinh doanh cá thể và khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đây là định hướng chính trị; quy định thuế cụ thể nằm ở các văn bản về thuế.

Resolution 68-NQ/TW of 4 May 2025 on private-sector development sets the direction: abolish presumptive (lump-sum) taxation of household businesses by 2026 at the latest. It also calls for reviewing the legal framework for individual business and encourages household businesses to become enterprises. This is a policy direction; the detailed tax rules are in tax legislation.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Tình huống xuyên chương. Anh Khải, chị Nhung, anh Lâm đăng ký **Hộ kinh doanh Khải Hưng**, trụ sở tại nhà anh Khải.

*Running case. Mr Khải, Ms Nhung and Mr Lâm register the **Khải Hưng household business** at Mr Khải's home.*

1. Ba người là thành viên hộ gia đình nên lập văn bản ủy quyền cho anh Khải làm chủ hộ, có công chứng hoặc chứng thực (Điều 82 khoản 1, Điều 99 khoản 2 điểm b). Anh Khải nộp hồ sơ khi cả ba đã thông qua nội dung đăng ký (Điều 83 khoản 3).

As household members, the three sign a notarised or certified authorisation naming Mr Khải as head (Article 82(1), Article 99(2)(b)). He files once all three approve the details (Article 83(3)).

2. Tên dự kiến “Công ty Cà phê Khải Hưng” bị từ chối vì dùng cụm từ “công ty” (Điều 86 khoản 3). Tên đúng: “Hộ kinh doanh Khải Hưng”.

The proposed name “Khải Hưng Coffee Company” is refused because it uses “company” (Article 86(3)). The correct form: “Hộ kinh doanh Khải Hưng”.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trả kết quả trong 03 ngày làm việc (Điều 99 khoản 3). Giấy chứng nhận đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế (Điều 85 khoản 1).

The commune-level authority decides within 03 working days (Article 99(3)). The certificate also serves as the tax registration certificate (Article 85(1)).

4. Hộ nợ một nhà cung cấp 120 triệu đồng: chủ nợ được yêu cầu anh Khải, chị Nhung hoặc anh Lâm trả, vì các thành viên hộ chịu trách nhiệm liên đới (Điều 84 khoản 1).
If the business owes a supplier VND 120 million, the creditor may demand payment from Mr Khải, Ms Nhung or Mr Lâm, since household members are jointly liable (Article 84(1)).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “hộ kinh doanh đăng ký tại Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện”. Đó là quy định của Nghị định 01/2021/NĐ-CP đã bị thay thế. Từ 01/7/2025 không còn cấp huyện; hộ kinh doanh đăng ký tại **Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã**.

*Writing that “household businesses register with the district finance and planning office”. That was Decree 01/2021/ND-CP, now replaced. Since 1 July 2025 there is no district level; household businesses register with the **commune-level business registration authority**.*

2.2. Doanh nghiệp tư nhân — Private enterprises

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Điều 188 Luật Doanh nghiệp: khoản 1 “Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.” Khoản 2: không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Khoản 3: “Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh của công ty hợp danh.” Khoản 4: “Doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.”

Article 188, Law on Enterprises: (1) a private enterprise is owned by one individual who answers with all his or her assets for all its activities; (2) it may not issue any securities; (3) each individual may establish only one private enterprise, and its owner may not also be the head of a household business or a general partner; (4) a private enterprise may not contribute capital to, or buy shares or capital in, a partnership, a limited liability company or a joint stock company.

Doanh nghiệp tư nhân **không có tư cách pháp nhân**. Bộ luật Dân sự (Điều 74 khoản 1 điểm c) đòi hỏi pháp nhân phải “Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình”. Tài sản dùng vào kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân vẫn thuộc sở hữu của chủ doanh nghiệp, không tách khỏi tài sản riêng của chủ, nên điều kiện này không được đáp ứng. Luật Doanh nghiệp chỉ ghi tư cách pháp nhân cho công ty (ví dụ Điều 177 khoản 2 với công ty hợp danh); Điều 188 không có câu tương tự.

*A private enterprise has **no legal personality**. The Civil Code (Article 74(1)(c)) requires a legal entity to have assets independent of other persons and to answer with its own assets. The business assets of a private enterprise remain the owner’s property and are not separated from his or her personal assets, so the condition is not met. The Law on Enterprises grants legal*

personality only to companies (e.g. Article 177(2) for partnerships); Article 188 contains no such sentence.

Nội dung <i>Matter</i>	Quy định <i>Rule</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Vốn đầu tư <i>Investment capital</i>	Chủ tự đăng ký; ghi rõ tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, tài sản khác; mọi vốn, tài sản (kể cả vốn vay, tài sản thuê) dùng vào kinh doanh phải ghi sổ kế toán <i>Self-declared by the owner, itemised by currency, gold and other assets; all capital and assets used, including borrowed and leased ones, must be booked</i>	Điều 189 khoản 1, 2 <i>Article 189(1), (2)</i>
Tăng, giảm vốn <i>Changing capital</i>	Được tăng, giảm; giảm xuống thấp hơn vốn đã đăng ký thì phải đăng ký trước <i>May increase or decrease; a reduction below the registered amount must be registered first</i>	Điều 189 khoản 3 <i>Article 189(3)</i>
Quản lý <i>Management</i>	Chủ có toàn quyền quyết định; có thể thuê Giám đốc nhưng vẫn chịu trách nhiệm về mọi hoạt động; chủ là người đại diện theo pháp luật <i>Owner decides everything; may hire a director but stays liable for all activities; the owner is the legal representative</i>	Điều 190 <i>Article 190</i>
Trường hợp đặc biệt <i>Special cases</i>	Chủ bị tạm giam, chấp hành án phạt tù: ủy quyền; chủ chết: người thừa kế theo thỏa thuận làm chủ, không thỏa thuận được thì chuyển đổi thành công ty hoặc giải thể <i>Owner in custody or prison: delegates; owner dies: heirs agree on a new owner, failing which the enterprise is converted into a company or dissolved</i>	Điều 193 <i>Article 193</i>
Chuyển đổi <i>Conversion</i>	Thành công ty TNHH, cổ phần hoặc hợp danh; chủ cam kết chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản với các khoản nợ phát sinh trước ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận <i>Into an LLC, joint stock company or partnership; the owner undertakes personal liability with all assets for debts arising before the company's certificate</i>	Điều 205 <i>Article 205</i>

Cho thuê và bán doanh nghiệp tư nhân — *Leasing and selling a private enterprise*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Cho thuê (Điều 191) <i>Lease (Article 191)</i>	Bán (Điều 192) <i>Sale (Article 192)</i>
Thủ tục <i>Formalities</i>	Thông báo bằng văn bản kèm bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế trong 03 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực <i>Written notice with a notarised copy of</i>	Người mua đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân <i>The buyer registers the change of owner</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Cho thuê (Điều 191) <i>Lease (Article 191)</i>	Bán (Điều 192) <i>Sale (Article 192)</i>
	<i>the lease to the business registration and tax authorities within 03 working days of its effective date</i>	
Chủ sở hữu <i>Ownership</i>	Không đổi <i>Unchanged</i>	Chuyển sang người mua <i>Passes to the buyer</i>
Trách nhiệm về nợ <i>Liability for debts</i>	Chủ vẫn chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách chủ sở hữu; quan hệ chủ – người thuê theo hợp đồng <i>The owner remains liable at law as owner; owner–lessee relations follow the lease</i>	Người bán chịu các khoản nợ phát sinh trước ngày chuyển giao, trừ thỏa thuận ba bên giữa người bán, người mua, chủ nợ <i>The seller answers for debts arising before handover, unless the seller, buyer and creditor agree otherwise</i>
Lao động <i>Employees</i>	Theo hợp đồng cho thuê <i>As set in the lease</i>	Hai bên phải tuân thủ pháp luật về lao động <i>Both must comply with labour law</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Cho thuê: “Trong thời hạn cho thuê, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân.” (Điều 191). Bán: “Sau khi bán doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp tư nhân phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao doanh nghiệp, trừ trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân, người mua và chủ nợ của doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận khác.” (Điều 192 khoản 2).

Lease: during the lease the owner remains liable at law as owner of the private enterprise (Article 191). Sale: after the sale the owner remains liable for debts and other property obligations arising before the handover, unless the owner, the buyer and the creditors agree otherwise (Article 192(2)).

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hộ kinh doanh <i>Household business</i>	Doanh nghiệp tư nhân <i>Private enterprise</i>
Văn bản điều chỉnh <i>Governing law</i>	Nghị định 168/2025, Chương VIII <i>Decree 168/2025, Chapter VIII</i>	Luật Doanh nghiệp, Chương VII <i>Law on Enterprises, Chapter VII</i>
Chủ <i>Owner</i>	Một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình <i>One individual or household members</i>	Chỉ một cá nhân <i>One individual only</i>
Là doanh nghiệp? <i>An enterprise?</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>
Tư cách pháp nhân <i>Legal personality</i>	Không <i>No</i>	Không <i>No</i>
Trách nhiệm <i>Liability</i>	Vô hạn; các thành viên hộ liên đới <i>Unlimited; members jointly liable</i>	Vô hạn, một mình chủ chịu <i>Unlimited, owner alone</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hộ kinh doanh <i>Household business</i>	Doanh nghiệp tư nhân <i>Private enterprise</i>
Cơ quan đăng ký <i>Registration authority</i>	Cấp xã <i>Commune level</i>	Cấp tỉnh <i>Provincial level</i>
Tên <i>Name</i>	“Hộ kinh doanh” + tên riêng; cấm dùng “công ty”, “doanh nghiệp” “Hộ kinh doanh” + name; “company”, “enterprise” banned	Có cụm từ chỉ loại hình doanh nghiệp tư nhân Includes the words for private enterprise
Số lượng mỗi người <i>Number per person</i>	Một hộ kinh doanh <i>One</i>	Một doanh nghiệp tư nhân <i>One</i>
Đồng thời <i>Combination</i>	Chủ hộ không được là chủ doanh nghiệp tư nhân (Điều 84 khoản 5 NĐ 168) <i>Head may not own a private enterprise (Art. 84(5))</i>	Chủ doanh nghiệp tư nhân không được là chủ hộ kinh doanh (Điều 188 khoản 3 LDN) <i>Owner may not head a household business (Art. 188(3))</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Tình huống xuyên chương. Đầu năm 2026 anh Khải muốn mở thêm doanh nghiệp tư nhân để ký hợp đồng với chuỗi siêu thị, trong khi vẫn giữ Hộ kinh doanh Khải Hưng.

Running case. In early 2026 Mr Khải wants to open a private enterprise to contract with a supermarket chain while keeping the Khải Hưng household business.

- Không được giữ cả hai: chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh (Điều 188 khoản 3 Luật Doanh nghiệp; Điều 84 khoản 5 Nghị định 168/2025).
He cannot keep both: a private enterprise owner may not also head a household business (Article 188(3), Law on Enterprises; Article 84(5), Decree 168/2025).
- Cách làm: đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (Điều 27 Nghị định 168/2025). Từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận, hộ không được hoạt động.
The route: register a private enterprise converted from the household business with the provincial authority (Article 27, Decree 168/2025). From the day the enterprise is certified, the household business may not operate.
- Hệ quả: chị Nhung và anh Lâm không còn là thành viên hộ; doanh nghiệp tư nhân chỉ có một chủ là anh Khải và một mình anh chịu trách nhiệm vô hạn (Điều 188 khoản 1). Hai người có thể làm việc theo hợp đồng lao động.
Effect: Ms Nhung and Mr Lâm are no longer members; the private enterprise has a single owner, Mr Khải, who alone bears unlimited liability (Article 188(1)). The two may work under employment contracts.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng doanh nghiệp tư nhân có tư cách pháp nhân “vì là doanh nghiệp, có tên riêng, có mã số doanh nghiệp”. Có tên và mã số không đủ. Doanh nghiệp tư nhân **không** có tài sản độc lập với chủ (Điều 74 khoản 1 điểm c Bộ luật

Dân sự), nên **không có tư cách pháp nhân**; chủ doanh nghiệp đứng tên trong tổ tụng với tư cách người đại diện theo pháp luật (Điều 190 khoản 3).

*Claiming that a private enterprise has legal personality “because it is an enterprise with a name and an enterprise code”. A name and a code are not enough. It has **no** assets independent of its owner (Article 74(1)(c), Civil Code), so it has **no legal personality**; the owner acts in proceedings as legal representative (Article 190(3)).*

2.3. Công ty hợp danh — Partnerships

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Điều 177 Luật Doanh nghiệp. Khoản 1: công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó: a) phải có ít nhất **02** thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (thành viên hợp danh), có thể có thêm thành viên góp vốn; b) “Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty”; c) “Thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.” Khoản 2: có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Khoản 3: không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

*Article 177, Law on Enterprises. Clause 1: a partnership is an enterprise in which (a) there are at least **02** co-owners doing business under a common name (general partners), and there may also be limited partners; (b) general partners must be individuals and answer with all their assets for the company’s obligations; (c) limited partners may be organisations or individuals and answer for the company’s debts only up to the capital they committed. Clause 2: it has legal personality from the date of its enterprise registration certificate. Clause 3: it may not issue any securities.*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Thành viên hợp danh <i>General partner</i>	Thành viên góp vốn <i>Limited partner</i>
Chủ thể <i>Who</i>	Chỉ cá nhân; bắt buộc ít nhất 02 người <i>Individuals only; at least 02 required</i>	Tổ chức hoặc cá nhân; có thể không có <i>Organisations or individuals; optional</i>
Trách nhiệm <i>Liability</i>	Bằng toàn bộ tài sản, liên đới trả phần nợ công ty không trả được <i>With all assets, jointly for any debt the company cannot pay</i>	Trong phạm vi số vốn đã cam kết góp <i>Up to the capital committed</i>
Quản lý, đại diện <i>Management, representation</i>	Là người đại diện theo pháp luật, điều hành kinh doanh hằng ngày <i>Legal representatives; run daily business</i>	Không được tham gia quản lý, không nhân danh công ty <i>May not manage or act for the company</i>
Biểu quyết <i>Voting</i>	Mỗi người một phiếu hoặc theo Điều lệ, về mọi vấn đề <i>One vote each or as the charter provides, on all matters</i>	Chỉ về sửa Điều lệ, quyền và nghĩa vụ của mình, tổ chức lại, giải thể <i>Only on charter changes, its own rights, reorganisation and dissolution</i>
Chuyển phần vốn góp <i>Transferring capital</i>	Cần các thành viên hợp danh còn lại chấp thuận <i>Needs the other general partners’ consent</i>	Được chuyển nhượng cho người khác <i>Freely transferable</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Thành viên hợp danh <i>General partner</i>	Thành viên góp vốn <i>Limited partner</i>
Kinh doanh cùng ngành <i>Competing business</i>	Không được nhân danh mình, người khác kinh doanh cùng ngành để tư lợi <i>Barred from competing for own or others' benefit</i>	Được phép <i>Allowed</i>
Khi chết <i>On death</i>	Người thừa kế là thành viên hợp danh nếu Hội đồng thành viên chấp thuận <i>Heir becomes a general partner if the council approves</i>	Người thừa kế thay thế làm thành viên góp vốn <i>Heir replaces as limited partner</i>
Căn cứ <i>Basis</i>	Điều 180, 181, 184 <i>Articles 180, 181, 184</i>	Điều 187 <i>Article 187</i>

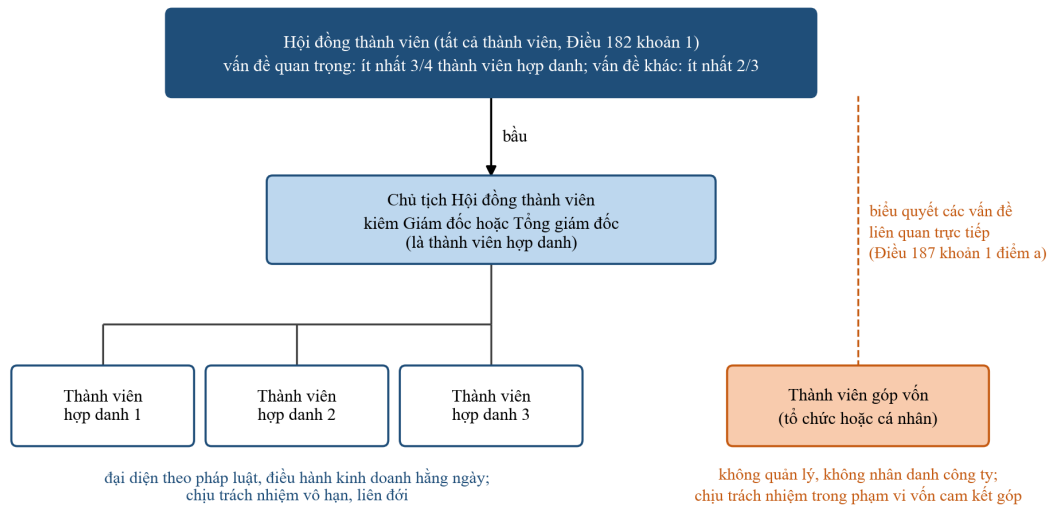
Thành viên phải góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết (Điều 178 khoản 1). Nếu thành viên góp vốn góp thiếu, “số vốn chưa góp đủ được coi là khoản nợ của thành viên đó đối với công ty” và có thể bị Hội đồng thành viên khai trừ (khoản 3); thành viên hợp danh góp thiếu gây thiệt hại phải bồi thường (khoản 2). Tài sản công ty gồm tài sản góp vốn đã chuyển quyền sở hữu, tài sản mang tên công ty, tài sản thu được từ hoạt động kinh doanh do thành viên hợp danh thực hiện nhân danh công ty và từ hoạt động kinh doanh ngành nghề của công ty do thành viên hợp danh nhân danh cá nhân thực hiện (Điều 179).

Members must contribute the committed capital in full and on time (Article 178(1)). If a limited partner falls short, the unpaid amount is treated as its debt to the company and it may be expelled by the members' council (clause 3); a general partner who falls short and causes loss must compensate (clause 2). Company assets include contributed assets transferred to it, assets in its name, and proceeds of business done by general partners in the company's name or in their own name in the company's lines (Article 179).

Hội đồng thành viên và điều hành — *Members' council and management*

Hội đồng thành viên gồm tất cả thành viên, bầu một thành viên hợp danh làm Chủ tịch, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nếu Điều lệ không quy định khác (Điều 182 khoản 1). “Các thành viên hợp danh là người đại diện theo pháp luật của công ty và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.” (Điều 184 khoản 1). Mọi hạn chế đối với thành viên hợp danh trong công việc hằng ngày chỉ có hiệu lực với bên thứ ba khi người đó biết về hạn chế.

The members' council comprises all members and elects a general partner as chair, who is also director or general director unless the charter provides otherwise (Article 182(1)). The general partners are the company's legal representatives and run its daily business (Article 184(1)). Any restriction on a general partner's daily dealings binds a third party only if that party knows of it.



Hình 2.2. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty hợp danh (Điều 182, 184, 187 Luật Doanh nghiệp)
Figure 2.2. Management structure of a partnership (Articles 182, 184 and 187, Law on Enterprises)

Nhóm vấn đề <i>Matters</i>	Tỷ lệ tán thành (nếu Điều lệ không quy định) <i>Approval threshold (charter silent)</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Định hướng chiến lược; sửa Điều lệ; nhận thành viên mới; cho rút, khai trừ thành viên; dự án đầu tư; vay, huy động vốn, cho vay từ 50% vốn điều lệ; mua, bán tài sản từ bằng vốn điều lệ; báo cáo tài chính, chia lợi nhuận; giải thể, yêu cầu phá sản <i>Strategy; charter changes; admitting members; withdrawal or expulsion; investment projects; borrowing, raising or lending 50% of charter capital or more; buying or selling assets worth the charter capital or more; financial statements and profit distribution; dissolution or bankruptcy petition</i>	Ít nhất 3/4 tổng số thành viên hợp danh <i>At least 3/4 of all general partners</i>	Điều 182 khoản 3 <i>Article 182(3)</i>
Các vấn đề khác <i>Other matters</i>	Ít nhất 2/3 tổng số thành viên hợp danh; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ quy định <i>At least 2/3 of all general partners; exact figure set by the charter</i>	Điều 182 khoản 4 <i>Article 182(4)</i>
Công việc hằng ngày do nhiều thành viên hợp danh cùng làm <i>Daily business done jointly</i>	Đa số chấp thuận <i>Majority</i>	Điều 184 khoản 2 <i>Article 184(2)</i>

$$\text{Số phiếu tối thiểu} = [n \times \text{tỷ lệ}], \quad n = \text{tổng số thành viên hợp danh} \quad (2.1)$$

Tỷ lệ ở Điều 182 tính trên **tổng số thành viên hợp danh** của công ty, không tính trên số người dự họp và không tính theo vốn góp. Thành viên góp vốn không được tính vào n.

The ratios in Article 182 are counted on the total number of general partners, not on those present and not by capital. Limited partners are not counted in n.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Tình huống xuyên chương. Anh Khải bàn với hai người bạn và hai người em họ lập công ty hợp danh có 5 thành viên hợp danh. Hội đồng thành viên dự định vay ngân hàng bằng 70% vốn điều lệ.

Running case. Mr Khải discusses with two friends and two cousins forming a partnership with 5 general partners. The council plans a bank loan equal to 70% of charter capital.

1. Khoản vay từ 50% vốn điều lệ thuộc Điều 182 khoản 3 điểm e: cần ít nhất $[5 \times 3/4] = [3,75] = 4$ thành viên hợp danh tán thành.
A loan of 50% of charter capital or more falls under Article 182(3)(e): at least $[5 \times 3/4] = [3.75] = 4$ general partners must approve.
2. Việc thuê thêm kế toán thuộc vấn đề khác: ít nhất $[5 \times 2/3] = [3,33] = 4$ thành viên.
Với 5 thành viên, hai ngưỡng cùng là 4 người.
Hiring an extra accountant is another matter: at least $[5 \times 2/3] = [3.33] = 4$ partners. With 5 partners both thresholds equal 4.
3. Trước khi trở thành thành viên hợp danh, anh Khải phải chấm dứt tư cách chủ doanh nghiệp tư nhân (bán, chuyển đổi hoặc giải thể), vì thành viên hợp danh không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân (Điều 180 khoản 1, Điều 188 khoản 3).
Before becoming a general partner Mr Khải must cease to own his private enterprise (by sale, conversion or dissolution), since a general partner may not own one (Article 180(1), Article 188(3)).

Chấm dứt tư cách và tiếp nhận thành viên — *Ceasing membership and admitting members*

Thành viên hợp danh chấm dứt tư cách khi tự nguyện rút vốn; chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị khai trừ; chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án cấm hành nghề; trường hợp Điều lệ quy định (Điều 185 khoản 1). Muốn rút vốn phải được Hội đồng thành viên chấp thuận, báo trước bằng văn bản chậm nhất 06 tháng và chỉ rút vào thời điểm kết thúc năm tài chính khi báo cáo tài chính năm đó đã được thông qua (khoản 2). Thành viên mới phải nộp đủ vốn trong 15 ngày kể từ ngày được chấp thuận, trừ khi Hội đồng thành viên quyết định thời hạn khác (Điều 186 khoản 2).

A general partner ceases to be a member on voluntary withdrawal; death, disappearance, restricted or lost civil capacity or cognitive difficulty; expulsion; imprisonment or a court ban on practising; or other cases in the charter (Article 185(1)). Withdrawal needs the council's approval, at least 06 months' written notice, and may occur only at the end of a financial year once its accounts are approved (clause 2). A new member must pay in full within 15 days of approval unless the council sets another period (Article 186(2)).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hai mốc trách nhiệm về thời gian. Người đã rút: “Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều này thì người đó vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của công ty đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên.” (Điều 185 khoản 5). Người mới vào: “Thành viên hợp danh mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty, trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên còn lại có thỏa thuận khác.” (Điều 186 khoản 3).

Two time rules. A departing partner: for 02 years after ceasing to be a member under points a, c, d and đ of clause 1, he or she remains jointly liable with all assets for company debts arising before that date (Article 185(5)). A new partner: jointly liable with all assets for the company's debts and other obligations, unless he or she and the other partners agree otherwise (Article 186(3)).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “thành viên góp vốn chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn **đã góp**”. Điều 177 khoản 1 điểm c ghi “trong phạm vi số vốn **đã cam kết góp**”. Thành viên cam kết 1.500 triệu đồng, mới góp 1.000 triệu đồng vẫn phải góp nốt 500 triệu đồng khi công ty cần trả nợ; phần chưa góp là khoản nợ của thành viên đối với công ty (Điều 178 khoản 3).

*Writing that “a limited partner is liable up to the capital it **has paid**”. Article 177(1)(c) says “up to the capital it **has committed**”. A partner that committed VND 1,500 million and paid VND 1,000 million must still pay the remaining VND 500 million when the company needs to settle debts; the unpaid part is its debt to the company (Article 178(3)).*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng thành viên hợp danh rút khỏi công ty là hết trách nhiệm về nợ. Trong **02 năm** kể từ ngày chấm dứt tư cách (trừ trường hợp chết, mất tích, mất năng lực hành vi), người đó vẫn liên đới chịu trách nhiệm với các khoản nợ phát sinh **trước** ngày chấm dứt (Điều 185 khoản 5).

*Assuming a general partner who leaves is free of company debts. For **02 years** after ceasing to be a member (except on death, disappearance or loss of capacity), he or she remains jointly liable for debts arising **before** that date (Article 185(5)).*

2.4. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã — Cooperatives and unions of cooperatives

Văn bản áp dụng là **Luật Hợp tác xã 17/2023/QH15**, có hiệu lực từ 01/7/2024, thay thế Luật Hợp tác xã 2012; bản hợp nhất mới nhất là **VBHN 101/VBHN-VPQH** (năm 2026), chỉ thay cụm từ “pháp luật về phá sản” bằng “pháp luật về phục hồi, phá sản” theo Luật Phục hồi, phá sản 2025. Thủ tục đăng ký theo **Nghị định 295/2026/NĐ-CP**, có hiệu lực từ 23/7/2026, thay thế Nghị định 92/2024/NĐ-CP.

*The governing statute is the **Law on Cooperatives 17/2023/QH15**, in force from 1 July 2024, replacing the 2012 Law; the latest consolidated text is **VBHN 101/VBHN-VPQH** (2026), which only replaces “law on bankruptcy” with “law on rehabilitation and bankruptcy” following the 2025 Law. Registration follows **Decree 295/2026/ND-CP**, in force from 23 July 2026, replacing Decree 92/2024/ND-CP.*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Điều 4 Luật Hợp tác xã. Khoản 7: “Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập”... Khoản 8:

“Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập”... Khoản 21: “Tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác do ít nhất 02 thành viên tự nguyện thành lập”...

Article 4, Law on Cooperatives. Clause 7: a cooperative is a legal entity voluntarily established by at least 05 official members... Clause 8: a union of cooperatives is a legal entity voluntarily established by at least 03 cooperatives as official members... Clause 21: a cooperative group has no legal personality and is formed under a cooperation contract by at least 02 members...

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Tổ hợp tác <i>Cooperative group</i>	Hợp tác xã <i>Cooperative</i>	Liên hiệp hợp tác xã <i>Union of cooperatives</i>
Số thành viên tối thiểu <i>Minimum members</i>	02 thành viên <i>02 members</i>	05 thành viên chính thức <i>05 official members</i>	03 hợp tác xã thành viên chính thức <i>03 member cooperatives</i>
Tư cách pháp nhân <i>Legal personality</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>
Cơ sở hình thành <i>Basis</i>	Hợp đồng hợp tác <i>Cooperation contract</i>	Điều lệ, hội nghị thành lập <i>Charter, founding meeting</i>	Điều lệ, hội nghị thành lập <i>Charter, founding meeting</i>
Vốn góp tối đa một thành viên <i>Cap per member</i>	Không quy định <i>None</i>	30% vốn điều lệ <i>30% of charter capital</i>	40% vốn điều lệ <i>40% of charter capital</i>
Căn cứ <i>Basis</i>	Điều 4 khoản 21, Điều 107 <i>Article 4(21), Article 107</i>	Điều 4 khoản 7, Điều 74 <i>Article 4(7), Article 74</i>	Điều 4 khoản 8, Điều 74 <i>Article 4(8), Article 74</i>

Bảy nguyên tắc tổ chức, hoạt động (Điều 8): tự nguyện tham gia và mở rộng kết nạp thành viên; dân chủ, bình đẳng trong tổ chức, quản lý; trách nhiệm tham gia hoạt động kinh tế của thành viên; tự chủ và tự chịu trách nhiệm; chú trọng giáo dục, đào tạo và thông tin; tăng cường hợp tác, liên kết; quan tâm phát triển cộng đồng. Nguyên tắc thứ hai thể hiện ở cách biểu quyết: thành viên chính thức tham gia quản lý “không phụ thuộc vào phần vốn góp”.

The seven principles (Article 8): voluntary and open membership; democratic and equal management; members' economic participation; autonomy and self-responsibility; education, training and information; cooperation and linkage; concern for community. The second shows in voting: official members take part in management “regardless of their capital contribution”.

Thành viên hợp tác xã — *Members of a cooperative*

Loại thành viên <i>Category</i>	Đặc điểm <i>Features</i>	Biểu quyết tại Đại hội <i>Votes at the general meeting</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Thành viên chính thức <i>Official member</i>	Góp vốn và sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc góp sức lao động (hoặc cả hai) <i>Contributes capital and uses services or contributes labour (or both)</i>	Có, mỗi người một phiếu <i>Yes, one vote each</i>	Điều 4 khoản 17; Điều 31 khoản 1 <i>Article 4(17); Article 31(1)</i>
Thành viên liên kết góp vốn <i>Associate contributing member</i>	Chỉ góp vốn; tổng vốn của nhóm này không quá 30% vốn điều lệ hợp tác xã <i>Capital only; this group's total may not exceed 30% of charter capital</i>	Được phát biểu khi được mời, không biểu quyết <i>May speak if invited, no vote</i>	Điều 4 khoản 18; Điều 31 khoản 2; Điều 74 khoản 2 <i>Article 4(18); Article 31(2); Article 74(2)</i>
Thành viên liên kết không góp vốn <i>Associate non-contributing member</i>	Không góp vốn, chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc góp sức lao động; nộp phí thành viên <i>No capital; uses services or contributes labour; pays a membership fee</i>	Được phát biểu khi được mời, không biểu quyết <i>May speak if invited, no vote</i>	Điều 4 khoản 19; Điều 31 khoản 3; Điều 32 khoản 3 <i>Article 4(19); Article 31(3); Article 32(3)</i>

Thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn có thể là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức không có tư cách pháp nhân (cử người đại diện); pháp nhân Việt Nam (Điều 30 khoản 1). Thành viên chính thức là nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải chiếm dưới 35% tổng số thành viên chính thức (khoản 7). Thành viên chính thức có nghĩa vụ: “Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp vào hợp tác xã” (Điều 32 khoản 1 điểm c).

Official and associate contributing members may be Vietnamese citizens aged 18 or over with full civil capacity; foreign individual investors holding an investment registration certificate; households, cooperative groups and organisations without legal personality (through a representative); and Vietnamese legal entities (Article 30(1)). Foreign investors and foreign-invested entities must make up less than 35% of official members (clause 7). An official member is liable for the cooperative's debts and financial obligations up to its capital contribution (Article 32(1)(c)).

Nội dung <i>Matter</i>	Quy định <i>Rule</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Vốn góp tối đa <i>Maximum contribution</i>	Không quá 30% vốn điều lệ hợp tác xã, 40% vốn điều lệ liên hiệp hợp tác xã <i>No more than 30% of a cooperative's or 40% of a union's charter capital</i>	Điều 74 khoản 1 <i>Article 74(1)</i>
Thời hạn góp đủ <i>Deadline</i>	Chậm nhất 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc ngày được kết nạp <i>At most 06 months from registration or admission</i>	Điều 74 khoản 4 <i>Article 74(4)</i>
Góp dưới mức tối thiểu <i>Below the minimum</i>	Chấm dứt tư cách thành viên <i>Membership ends</i>	Điều 74 khoản 6 điểm a <i>Article 74(6)(a)</i>
Phân phối thu nhập nội bộ <i>Distributing internal income</i>	Tối thiểu 51% cho thành viên chính thức theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ và góp sức lao động; phần còn lại theo vốn góp <i>At least 51% to official members by use of services and labour; the rest by capital</i>	Điều 86 khoản 3 điểm a <i>Article 86(3)(a)</i>

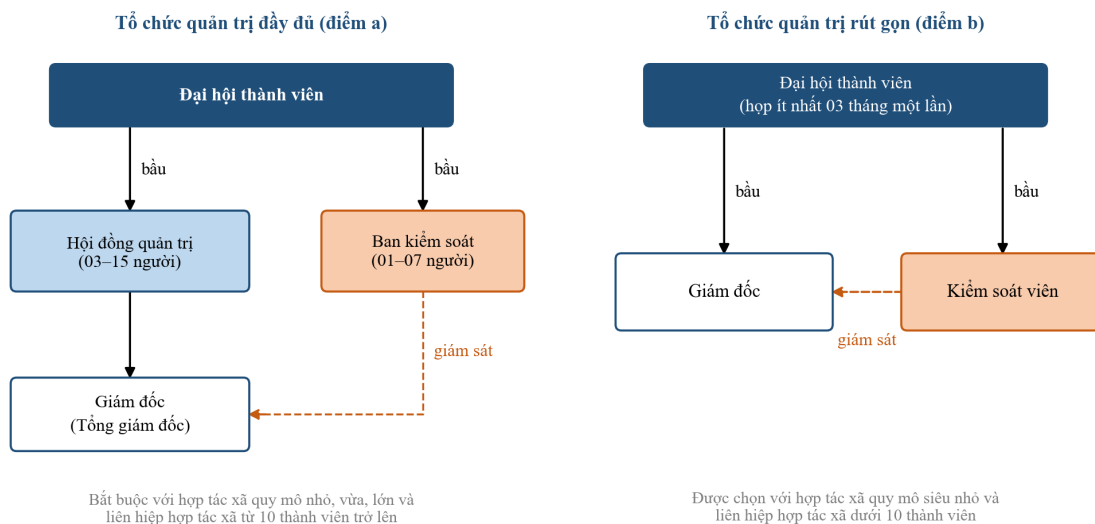
Đăng ký và tổ chức quản trị — *Registration and governance*

Trước khi hoạt động, người được ủy quyền đăng ký thành lập tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính; hồ sơ gồm giấy đề nghị, Điều lệ, nghị quyết hội nghị thành lập, danh sách thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn, danh sách người đại diện theo pháp luật (Điều 42 khoản 1, 2). Cơ quan đăng ký xem xét và cấp Giấy chứng nhận trong 03 ngày làm việc (khoản 4). Theo Nghị định 295/2026, cơ quan này ở **cấp xã** (Điều 5): “Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì cơ quan đăng ký kinh doanh giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là Ủy ban nhân dân cấp xã.”

*Before operating, the authorised person registers with the business registration authority where the head office is; the file contains the request, the charter, the founding resolution, lists of official and associate contributing members and of legal representatives (Article 42(1), (2)). The authority decides within 03 working days (clause 4). Under Decree 295/2026 that authority sits at **commune level** (Article 5): where the commune has no specialised office, the commune people's committee itself handles the registration of cooperative groups, cooperatives and unions.*

Điều 56 khoản 1 Luật Hợp tác xã quy định hai loại tổ chức quản trị: **đầy đủ** gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát (Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc); **rút gọn** gồm Đại hội thành viên, Giám đốc, kiểm soát viên. Hợp tác xã quy mô nhỏ, vừa, lớn và liên hiệp từ 10 thành viên trở lên phải theo tổ chức đầy đủ; hợp tác xã quy mô siêu nhỏ, liên hiệp dưới 10 thành viên được chọn (khoản 2, 3). “Đại hội thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.” (Điều 57 khoản 1).

Article 56(1) provides two governance structures: **full**, with a general meeting of members, a management board, a director (general director) and a supervisory board (the board chair may also be director); **simplified**, with a general meeting, a director and a controller. Small, medium and large cooperatives and unions with 10 or more members must use the full structure; micro cooperatives and unions with fewer than 10 members may choose (clauses 2, 3). The general meeting of members is the highest decision-making body (Article 57(1)).



Hình 2.3. Hai loại tổ chức quản trị hợp tác xã (Điều 56, 65, 69, 71, 72 Luật Hợp tác xã)
Figure 2.3. The two governance structures of a cooperative (Articles 56, 65, 69, 71 and 72, Law on Cooperatives)

Cơ quan <i>Body</i>	Quy định chính <i>Main rules</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Đại hội thành viên <i>General meeting</i>	Họp thường niên mỗi năm một lần, trong 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; rút gọn thì ít nhất 03 tháng một lần; từ 50 thành viên chính thức có thể họp đại hội đại biểu <i>Annual meeting within 04 months of year-end; at least every 03 months under the simplified structure; 50 or more official members may hold a delegate meeting</i>	Điều 57, 59 <i>Articles 57, 59</i>
Biểu quyết <i>Voting</i>	Ít nhất 65% phiếu: sửa Điều lệ; đầu tư, bán tài sản chung được chia từ 20% tổng tài sản hoặc tài sản chung không chia; đổi tổ chức quản trị; tổ chức lại, giải thể, phá sản. Việc khác: trên 50% <i>At least 65%: charter changes; investing in or selling divisible assets of 20% of total assets or indivisible assets; changing governance; reorganisation, dissolution, bankruptcy. Others: over 50%</i>	Điều 61 khoản 2, 3 <i>Article 61(2), (3)</i>

Cơ quan <i>Body</i>	Quy định chính <i>Main rules</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Hội đồng quản trị <i>Management board</i>	03–15 người, nhiệm kỳ tối đa 05 năm; họp khi có ít nhất 2/3 thành viên; quyết định theo đa số, ngang phiếu theo bên Chủ tịch <i>3 to 15 members, term up to 05 years; quorum 2/3; majority decisions, the chair breaks ties</i>	Điều 65 <i>Article 65</i>
Ban kiểm soát, kiểm soát viên <i>Supervisory board, controller</i>	Ban kiểm soát 01–07 người (đầy đủ); kiểm soát viên (rút gọn); nhiệm kỳ tối đa 05 năm, bầu bằng phiếu kín <i>Board of 1 to 7 members (full); a controller (simplified); term up to 05 years, secret ballot</i>	Điều 69, 72 <i>Articles 69, 72</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Một thành viên một phiếu (Điều 61 khoản 4): “mỗi thành viên chính thức tham dự đại hội toàn thể có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau, không phụ thuộc vào phần vốn góp hay chức vụ thành viên”. Vốn góp tối đa (Điều 74 khoản 1): “Vốn góp tối đa không quá 30% vốn điều lệ đối với hợp tác xã và không quá 40% vốn điều lệ đối với liên hiệp hợp tác xã.”

One member, one vote (Article 61(4)): at a full general meeting each official member has one vote of equal value regardless of capital or position. Maximum contribution (Article 74(1)): no more than 30% of charter capital for a cooperative and no more than 40% for a union.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Tình huống xuyên chương. 12 nông hộ cung cấp cà phê nhân cho xưởng của anh Khải lập Hợp tác xã Nông nghiệp Thanh Bình, vốn điều lệ 1.200 triệu đồng, chọn tổ chức quản trị rút gọn vì thuộc quy mô siêu nhỏ.

Running case. 12 farming households supplying green coffee to Mr Khải's roastery form Thanh Bình Agricultural Cooperative with charter capital of VND 1,200 million and, as a micro cooperative, choose the simplified structure.

- Mỗi thành viên góp tối đa $1.200 \times 30\% = 360$ triệu đồng (Điều 74 khoản 1). Một hộ muốn góp 500 triệu đồng để “nắm quyền” không được chấp nhận; góp nhiều cũng chỉ có một phiếu (Điều 61 khoản 4).

Each member may contribute at most $1,200 \times 30\% = \text{VND } 360 \text{ million}$ (Article 74(1)). A household wanting to put in VND 500 million “to take control” is refused; a larger stake still carries one vote (Article 61(4)).

- Đại hội đủ 12 thành viên biểu quyết sửa Điều lệ: cần ít nhất $[12 \times 65\%] = [7,8] = 8$ phiếu (Điều 61 khoản 2 điểm a). Thông qua kế hoạch thu mua: trên 50%, tức ít nhất 7 phiếu (khoản 3).

With all 12 members voting on a charter amendment: at least $[12 \times 65\%] = [7.8] = 8$ votes (Article 61(2)(a)). Approving a purchasing plan: over 50%, i.e. at least 7 votes (clause 3).

- Thu nhập còn lại từ giao dịch nội bộ năm đầu 500 triệu đồng: ít nhất 51% = 255 triệu đồng chia theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ và góp sức lao động; phần còn lại chia theo vốn góp (Điều 86 khoản 3 điểm a).

Remaining internal-transaction income in year one is VND 500 million: at least 51% = VND 255 million goes by use of services and labour; the rest by capital (Article 86(3)(a)).

4. Đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính (Điều 42 Luật Hợp tác xã; Điều 5 Nghị định 295/2026), không phải tại Sở Tài chính.
Register with the commune-level authority where the head office is (Article 42, Law on Cooperatives; Article 5, Decree 295/2026), not with the provincial Department of Finance.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba lỗi về hợp tác xã: (1) ghi số thành viên tối thiểu là 07 — Luật 2023 quy định **05 thành viên chính thức** (Điều 4 khoản 7); (2) cho rằng thành viên góp nhiều vốn có nhiều phiếu — tại đại hội toàn thể mỗi thành viên chính thức **một phiếu** (Điều 61 khoản 4); (3) cho thành viên liên kết góp vốn biểu quyết — nhóm này chỉ được phát biểu khi được mời (Điều 31 khoản 2 điểm b).

*Three cooperative errors: (1) giving the minimum as 07 members — the 2023 Law requires **05 official members** (Article 4(7)); (2) assuming larger contributors get more votes — at a full meeting each official member has **one vote** (Article 61(4)); (3) letting associate contributing members vote — they may only speak when invited (Article 31(2)(b)).*

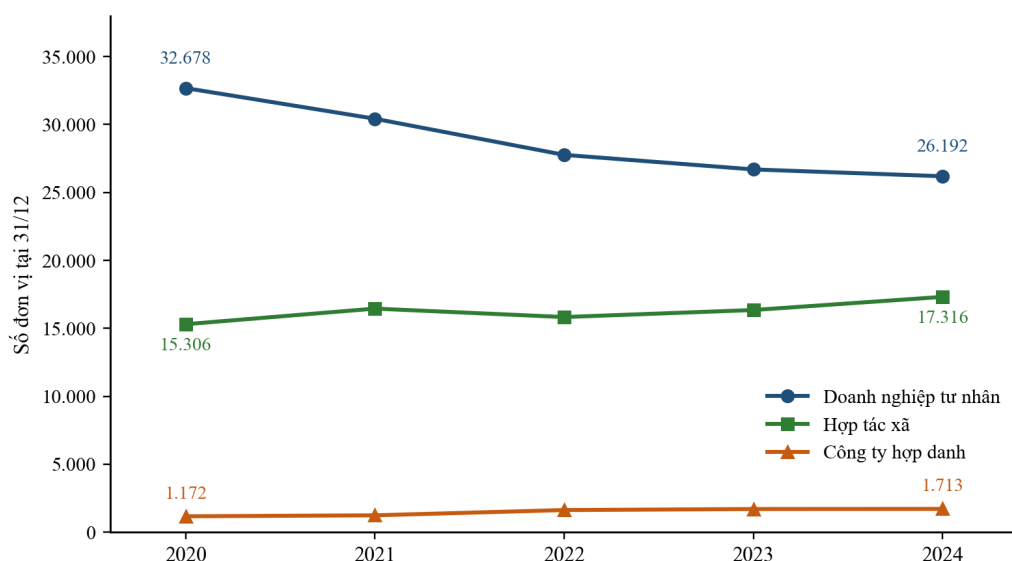
2.5. So sánh bốn loại chủ thể kinh doanh — Comparing the four types of business entity

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hộ kinh doanh <i>Household business</i>	Doanh nghiệp tư nhân <i>Private enterprise</i>	Công ty hợp danh <i>Partnership</i>	Hợp tác xã <i>Cooperative</i>
Văn bản <i>Law</i>	NĐ 168/2025 (sửa 2026), Điều 82–116 <i>Decree 168/2025, Arts. 82–116</i>	LDN, Điều 188–193 <i>LOE, Arts. 188–193</i>	LDN, Điều 177–187 <i>LOE, Arts. 177–187</i>	Luật HTX 2023; NĐ 295/2026 <i>Law on Cooperatives 2023; Decree 295/2026</i>
Số chủ, thành viên <i>Owners, members</i>	Một cá nhân hoặc thành viên hộ gia đình <i>One individual or household members</i>	Một cá nhân <i>One individual</i>	Ít nhất 02 thành viên hợp danh (cá nhân), có thể có thành viên góp vốn <i>At least 02 general partners, may add limited partners</i>	Ít nhất 05 thành viên chính thức <i>At least 05 official members</i>
Tư cách pháp nhân <i>Legal personality</i>	Không <i>No</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>	Có <i>Yes</i>
Trách nhiệm <i>Liability</i>	Vô hạn, liên đới giữa các thành viên hộ <i>Unlimited, joint among members</i>	Vô hạn <i>Unlimited</i>	Thành viên hợp danh vô hạn, liên đới; góp vốn hữu hạn <i>General partners unlimited and joint; limited partners limited</i>	Thành viên chịu trong phạm vi phần vốn góp <i>Members up to their contribution</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Hộ kinh doanh <i>Household business</i>	Doanh nghiệp tư nhân <i>Private enterprise</i>	Công ty hợp danh <i>Partnership</i>	Hợp tác xã <i>Cooperative</i>
Biểu quyết <i>Voting</i>	Thành viên hộ thông qua nội dung đăng ký <i>Members approve registration details</i>	Chủ quyết định <i>Owner decides</i>	Theo đầu người thành viên hợp danh (3/4, 2/3) <i>Per general partner (3/4, 2/3)</i>	Mỗi thành viên chính thức một phiếu (65%, trên 50%) <i>One vote per official member (65%, over 50%)</i>
Chứng khoán <i>Securities</i>	Không <i>No</i>	Không được phát hành <i>May not issue</i>	Không được phát hành <i>May not issue</i>	Không <i>No</i>
Cơ quan đăng ký <i>Registration</i>	Cấp xã <i>Commune</i>	Cấp tỉnh <i>Province</i>	Cấp tỉnh <i>Province</i>	Cấp xã <i>Commune</i>

Số liệu thống kê cho thấy cơ cấu thực tế. Tại 31/12/2024 cả nước có 26.192 doanh nghiệp tư nhân và 1.713 công ty hợp danh đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, lần lượt chiếm 3,12% và 0,20% trong tổng số 838.753 doanh nghiệp; số hợp tác xã là 17.316 (Cục Thống kê, Niên giám thống kê tóm tắt 2025, Biểu 88 và Biểu 130). Từ 2020 đến 2024 số doanh nghiệp tư nhân giảm 19,8%, số hợp tác xã tăng 13,1%.

Statistics show the actual mix. At 31 December 2024 there were 26,192 private enterprises and 1,713 partnerships operating with business results, 3.12% and 0.20% of all 838,753 enterprises; there were 17,316 cooperatives (National Statistics Office, Statistical Summary Book 2025, Tables 88 and 130). From 2020 to 2024 private enterprises fell by 19.8% while cooperatives rose by 13.1%.



Hình 2.4. Số doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại 31/12, 2020–2024

Figure 2.4. Active private enterprises, partnerships and cooperatives with business results at 31 December, 2020–2024

Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính, Niên giám thống kê tóm tắt 2025, Biểu 88 (doanh nghiệp theo loại hình) và Biểu 130 (hợp tác xã).

Source: National Statistics Office – Ministry of Finance, Statistical Summary Book 2025, Table 88 (enterprises by type) and Table 130 (cooperatives).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Tình huống xuyên chương: chọn loại hình cho từng nhu cầu của nhóm anh Khải.

Running case: choosing a form for each need of Mr Khải's group.

1. Ba người trong gia đình, quy mô nhỏ, muốn thủ tục gọn: **hộ kinh doanh** tại cấp xã; chấp nhận cả ba liên đới chịu trách nhiệm vô hạn.
*Three family members, small scale, simple formalities: a **household business** at commune level, accepting joint unlimited liability.*
2. Một mình anh Khải muốn là doanh nghiệp để ký hợp đồng với siêu thị, giữ toàn quyền quyết định: **doanh nghiệp tư nhân**, nhưng anh chịu vô hạn một mình. Nếu muốn giới hạn rủi ro trong số vốn đã góp, cân nhắc công ty TNHH một thành viên (Chương 3).
*Mr Khải alone wants an enterprise to contract with supermarkets and keep full control: a **private enterprise**, but he bears unlimited liability alone. To cap risk at the capital, consider a single-member LLC (Chapter 3).*
3. Mấy người bạn có chuyên môn, tin nhau, muốn có tư cách pháp nhân và thêm nhà đầu tư chỉ góp tiền: **công ty hợp danh**, với thành viên hợp danh chịu vô hạn và nhà đầu tư là thành viên góp vốn.
*Friends with expertise who trust each other, want legal personality and an investor who only contributes money: a **partnership**, with unlimited general partners and the investor as limited partner.*
4. Nông hộ muốn mua chung phân bón, bán chung cà phê, quyết định dân chủ: **hợp tác xã**; mỗi hộ một phiếu, chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp.
*Farming households wanting joint input purchasing, joint sales and democratic control: a **cooperative**; one vote per household, liability up to the contribution.*

2.6. Trách nhiệm tài sản và cách tính số nợ phải trả bằng tài sản riêng — *Liability and computing debts payable from personal assets*

Bốn loại chủ thể khác nhau ở câu hỏi: khi tài sản kinh doanh không đủ trả nợ, chủ nợ có được đòi tiếp vào tài sản riêng của chủ, thành viên hay không.

The four types differ on one question: when business assets do not cover the debts, may creditors go on to the personal assets of the owner or members?

Chủ thể <i>Entity</i>	Ai chịu phần thiếu <i>Who bears the shortfall</i>	Phạm vi <i>Extent</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Hộ kinh doanh <i>Household business</i>	Chủ hộ và các thành viên hộ, liên đới <i>The head and household members, jointly</i>	Toàn bộ tài sản <i>All assets</i>	Điều 82 khoản 1, Điều 84 khoản 1, 2 NĐ 168 <i>Arts. 82(1), 84(1), (2), Decree 168</i>
Doanh nghiệp tư nhân <i>Private enterprise</i>	Chủ doanh nghiệp <i>The owner</i>	Toàn bộ tài sản <i>All assets</i>	Điều 188 khoản 1, Điều 191, 192 LDN <i>Arts. 188(1), 191, 192, LOE</i>
Công ty hợp danh <i>Partnership</i>	Các thành viên hợp danh, liên đới; thành viên góp vốn chỉ góp nốt vốn cam kết <i>General partners, jointly; limited partners only pay up committed capital</i>	Toàn bộ tài sản / vốn cam kết <i>All assets / committed capital</i>	Điều 177 khoản 1, 178 khoản 3, 181 khoản 2 LDN <i>Arts. 177(1), 178(3), 181(2), LOE</i>
Hợp tác xã <i>Cooperative</i>	Không ai; thành viên chỉ chịu trong phạm vi phần vốn góp <i>No one; members only up to their contribution</i>	Phần vốn góp <i>Contribution</i>	Điều 32 khoản 1 điểm c Luật HTX <i>Art. 32(1)(c), Law on Cooperatives</i>

Với công ty hợp danh, thành viên hợp danh có nghĩa vụ: “Liên đới chịu trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại của công ty nếu tài sản của công ty không đủ để trang trải số nợ của công ty” (Điều 181 khoản 2 điểm đ). “Liên đới” hiểu theo Bộ luật Dân sự: “Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.” (Điều 288 khoản 1). Người đã trả toàn bộ có quyền yêu cầu những người liên đới khác trả phần của họ (khoản 2).

In a partnership, general partners are jointly liable to pay off the company's remaining debts if its assets are insufficient (Article 181(2)(đ)). “Joint” follows the Civil Code: a joint obligation is one that several persons must perform, and the obligee may require any of them to perform the whole (Article 288(1)). Whoever pays the whole may claim the others' shares (clause 2).

Công thức và các bước tính — *Formulae and steps*

$$\text{Nợ trả bằng tài sản riêng} = \max(0; \text{Tổng nợ} - \text{Tài sản dùng vào kinh doanh} - \text{Vốn cam kết còn phải góp}) \quad (2.2)$$

$$\text{Phần nội bộ của thành viên hợp danh } i = \text{Phần thiếu} \times v_i / \Sigma v \quad (2.3)$$

Trong (2.2), “vốn cam kết còn phải góp” chỉ có ở công ty hợp danh có thành viên góp vốn chưa góp đủ (Điều 178 khoản 3); với doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh số hạng này bằng 0. Trong (2.3), v_i là phần vốn góp của thành viên hợp danh i , áp dụng khi Điều lệ không quy định tỷ lệ chịu lỗ khác (Điều 181 khoản 2 điểm e). Công thức (2.3) chỉ chia

trách nhiệm **giữa các thành viên với nhau**; với chủ nợ, mỗi thành viên hợp danh vẫn có thể bị đòi toàn bộ.

*In (2.2), “committed capital still to be paid” arises only in a partnership whose limited partner has not paid in full (Article 178(3)); for a private enterprise or household business it is zero. In (2.3), v_i is general partner i ’s contribution, used when the charter sets no other loss ratio (Article 181(2)(e)). Formula (2.3) splits liability **among the partners only**; towards creditors each general partner may still be sued for the whole.*

1. Lập danh mục nợ, ghi ngày phát sinh (để áp dụng Điều 185 khoản 5, Điều 186 khoản 3, Điều 192 khoản 2) và thứ tự ưu tiên khi giải thể (Điều 208 khoản 5: lương, bảo hiểm của người lao động; nợ thuế; các khoản nợ khác).

List the debts with their dates (to apply Articles 185(5), 186(3) and 192(2)) and the order of priority on dissolution (Article 208(5): employees’ wages and insurance; taxes; other debts).

2. Cộng tài sản dùng vào kinh doanh đã ghi sổ (Điều 189 khoản 2) và vốn cam kết còn phải góp.

Add up booked business assets (Article 189(2)) and any committed capital still to be paid.

3. Tính phần thiếu theo (2.2); xác định người phải trả bằng tài sản riêng theo loại hình và theo mốc thời gian.

Compute the shortfall with (2.2); identify who pays from personal assets by entity type and by date.

4. Nếu có nhiều thành viên hợp danh, chia nội bộ theo (2.3) hoặc theo Điều lệ.

With several general partners, split internally with (2.3) or as the charter provides.

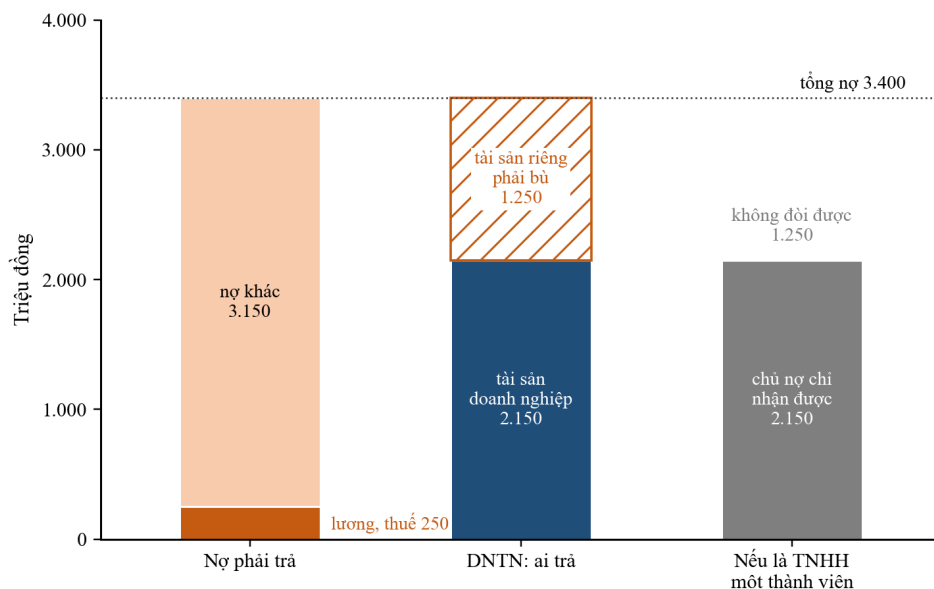
VÍ DỤ / EXAMPLE — Tình huống xuyên chương. Năm 2026 Doanh nghiệp tư nhân Khải Hưng (chủ là anh Khải) thua lỗ; anh quyết định giải thể (Điều 207 khoản 1 điểm b). Sổ kế toán và danh mục nợ như sau (triệu đồng).

Running case. In 2026 Khải Hưng Private Enterprise (owned by Mr Khải) makes losses and he decides to dissolve it (Article 207(1)(b)). Its books and debts are as follows (VND million).

Tài sản doanh nghiệp <i>Business assets</i>	Triệu đồng <i>VND million</i>	Nợ phải trả <i>Debts</i>	Triệu đồng <i>VND million</i>
Tiền mặt, tiền gửi <i>Cash and deposits</i>	180	Lương, bảo hiểm xã hội của người lao động <i>Wages and social insurance of employees</i>	170
Hàng tồn kho (cà phê nhân, cà phê rang) <i>Inventory (green and roasted coffee)</i>	620	Nợ thuế <i>Tax debt</i>	80
Máy rang, máy xay <i>Roasting and grinding machines</i>	900	Nợ vay ngân hàng <i>Bank loan</i>	2.400 2,400
Xe tải giao hàng <i>Delivery truck</i>	450	Nợ nhà cung cấp cà phê nhân <i>Debt to green-coffee suppliers</i>	750

Tài sản doanh nghiệp <i>Business assets</i>	Triệu đồng <i>VND million</i>	Nợ phải trả <i>Debts</i>	Triệu đồng <i>VND million</i>
Cộng <i>Total</i>	2.150 <i>2,150</i>	Cộng <i>Total</i>	3.400 <i>3,400</i>

- Theo thứ tự Điều 208 khoản 5: trả lương, bảo hiểm 170 và thuế 80 trước (250); còn $2.150 - 250 = 1.900$ trả các khoản nợ khác (3.150).
By the order in Article 208(5): wages and insurance 170 and tax 80 first (250); the remaining $2,150 - 250 = 1,900$ goes to other debts (3,150).
- Theo (2.2): $3.400 - 2.150 - 0 = \mathbf{1.250 \text{ triệu đồng}}$ anh Khải phải trả bằng tài sản riêng (Điều 188 khoản 1); doanh nghiệp chỉ được giải thể khi trả hết nợ (Điều 207 khoản 2).
By (2.2): $3,400 - 2,150 - 0 = \mathbf{VND 1,250 \text{ million}}$ Mr Khải must pay from personal assets (Article 188(1)); the enterprise may be dissolved only after all debts are paid (Article 207(2)).
- Tài sản riêng: căn hộ được tặng cho riêng 2.600 và sổ tiết kiệm 300, cộng 2.900. Sau khi trả còn $2.900 - 1.250 = \mathbf{1.650 \text{ triệu đồng}}$.
Personal assets: a flat received as a personal gift 2,600 and savings 300, total 2,900. After paying, $2,900 - 1,250 = \mathbf{VND 1,650 \text{ million}}$ remain.
- So sánh: nếu là công ty TNHH một thành viên đã góp đủ vốn và bị phá sản, chủ sở hữu chỉ chịu trong phạm vi vốn điều lệ (Điều 74 khoản 1); các chủ nợ khác chỉ thu được $1.900/3.150 = 60,3\%$ và mất 1.250 triệu đồng.
Comparison: had it been a fully paid single-member LLC that went bankrupt, the owner would answer only up to the charter capital (Article 74(1)); other creditors would recover $1,900/3,150 = 60.3\%$ and lose VND 1,250 million.



Hình 2.5. Doanh nghiệp tư nhân Khải Hưng: tổng nợ so với tài sản doanh nghiệp và phần chủ phải bù bằng tài sản riêng (triệu đồng)

Figure 2.5. Khải Hưng Private Enterprise: total debts against business assets and the part the owner covers from personal assets (VND million)

Khi doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh bị tuyên bố phá sản, Luật Phục hồi, phá sản 2025 đưa vào tài sản phá sản cả “Tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh không trực tiếp dùng vào hoạt động kinh doanh” (Điều 54 khoản 2 điểm b); quyết định tuyên bố phá sản “không miễn trừ nghĩa vụ về tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh đối với chủ nợ chưa được thanh toán nợ” (Điều 66 khoản 1). Thủ tục phá sản học ở Chương 7.

When a private enterprise or partnership is declared bankrupt, the Law on Bankruptcy and Rehabilitation 2025 brings into the estate the assets of the owner or general partners not directly used in business (Article 54(2)(b)); the bankruptcy decision does not release the owner or general partners from their property obligations to unpaid creditors (Article 66(1)). Bankruptcy procedure is covered in Chapter 7.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Tính phần chủ doanh nghiệp tư nhân phải bù theo “vốn đầu tư đã đăng ký”. Vốn đăng ký chỉ là con số kê khai (Điều 189 khoản 1). Phần phải bù = tổng nợ – tài sản **thực có** dùng vào kinh doanh; nếu tài sản riêng không đủ, chủ nợ vẫn được đòi tiếp, kể cả sau khi doanh nghiệp đã bán (Điều 192 khoản 2) hoặc phá sản (Điều 66 khoản 1 Luật Phục hồi, phá sản).

*Computing the owner's share from the “registered investment capital”. Registered capital is only a declared figure (Article 189(1)). The amount to cover = total debts – assets **actually** used in business; if personal assets fall short, creditors may still claim later, even after a sale (Article 192(2)) or bankruptcy (Article 66(1), Law on Bankruptcy and Rehabilitation).*

Thuật ngữ Việt – Anh — Vietnamese–English glossary

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Hộ kinh doanh	household business	Do một cá nhân hoặc thành viên hộ gia đình đăng ký, chịu trách nhiệm vô hạn <i>Registered by an individual or household members, unlimited liability</i>
Chủ hộ kinh doanh	head of a household business	Người đại diện, thực hiện thủ tục và nghĩa vụ thuế của hộ <i>Represents the business, files and pays its taxes</i>
Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	household business registration certificate	Do cơ quan cấp xã cấp, đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký thuế <i>Issued at commune level, also the tax certificate</i>
Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	commune-level business registration authority	Đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã <i>Registers household businesses and cooperatives</i>

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Doanh nghiệp tư nhân	private enterprise (sole proprietorship)	Một cá nhân làm chủ, chịu trách nhiệm vô hạn, không có tư cách pháp nhân <i>One owner, unlimited liability, no legal personality</i>
Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	owner's investment capital	Vốn chủ tự đăng ký, ghi sổ kế toán <i>Capital declared by the owner and booked</i>
Cho thuê doanh nghiệp	lease of an enterprise	Chủ vẫn chịu trách nhiệm với tư cách chủ sở hữu <i>The owner stays liable as owner</i>
Bán doanh nghiệp	sale of an enterprise	Người bán chịu nợ phát sinh trước ngày chuyển giao <i>Seller bears debts before handover</i>
Trách nhiệm vô hạn	unlimited liability	Chịu bằng toàn bộ tài sản, kể cả tài sản riêng <i>Answering with all assets, including personal ones</i>
Trách nhiệm hữu hạn	limited liability	Chịu trong phạm vi vốn đã góp hoặc cam kết góp <i>Answering up to capital paid or committed</i>
Trách nhiệm liên đới	joint and several liability	Chủ nợ được đòi bất kỳ người nào toàn bộ nghĩa vụ <i>The creditor may claim the whole from any obligor</i>
Tư cách pháp nhân	legal personality	Có tài sản độc lập, tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó <i>Own independent assets and liability</i>
Công ty hợp danh	partnership	Ít nhất 02 thành viên hợp danh, có tư cách pháp nhân <i>At least 02 general partners, legal personality</i>
Thành viên hợp danh	general partner	Cá nhân, chịu trách nhiệm vô hạn, liên đới, quản lý công ty <i>Individual, unlimited joint liability, manages</i>
Thành viên góp vốn	limited partner	Chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn cam kết, không quản lý <i>Liable up to committed capital, no management</i>

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Hội đồng thành viên	members' council	Gồm tất cả thành viên công ty hợp danh <i>All members of the partnership</i>
Rút vốn	withdrawal of capital	Thành viên hợp danh rời công ty, còn chịu nợ cũ 02 năm <i>Partner leaves, liable for old debts for 02 years</i>
Hợp tác xã	cooperative	Ít nhất 05 thành viên chính thức, có tư cách pháp nhân <i>At least 05 official members, legal entity</i>
Liên hiệp hợp tác xã	union of cooperatives	Ít nhất 03 hợp tác xã thành viên chính thức <i>At least 03 member cooperatives</i>
Tổ hợp tác	cooperative group	Ít nhất 02 thành viên, theo hợp đồng hợp tác, không có tư cách pháp nhân <i>At least 02 members, contract-based, no legal personality</i>
Thành viên chính thức	official member	Góp vốn và sử dụng dịch vụ hoặc góp sức lao động; được biểu quyết <i>Contributes and uses services or labour; votes</i>
Thành viên liên kết góp vốn	associate contributing member	Chỉ góp vốn, không biểu quyết <i>Capital only, no vote</i>
Đại hội thành viên	general meeting of members	Cơ quan quyết định cao nhất của hợp tác xã <i>Highest body of a cooperative</i>
Tổ chức quản trị rút gọn	simplified governance structure	Đại hội thành viên, Giám đốc, kiểm soát viên <i>General meeting, director, controller</i>
Quỹ chung không chia	indivisible common fund	Quỹ không chia cho thành viên trong quá trình hoạt động <i>Not distributed to members while operating</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Áp tỷ lệ biểu quyết của công ty hợp danh theo vốn góp hoặc theo số người dự họp. Điều 182 khoản 3, 4 tính trên **tổng số thành viên hợp danh**: công ty 4 thành viên hợp danh, một người góp 70% vốn, vẫn cần 3 người tán thành khoản vay từ 50% vốn điều lệ.

*Applying a partnership's voting ratios by capital or by those present. Article 182(3) and (4) count **all general partners**: in a 4-partner firm where one holds 70% of capital, a loan of 50% of charter capital still needs 3 approvals.*

2.7. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Chủ doanh nghiệp tư nhân cho thuê rồi bán doanh nghiệp — *Exercise 1. A private enterprise owner leases, then sells the enterprise*

Ông Hồ Minh Trí là chủ Doanh nghiệp tư nhân Gỗ mỹ nghệ Trí Tín (tỉnh Đồng Nai). Tháng 3/2025 doanh nghiệp vay ngân hàng 1.600 triệu đồng. Từ 01/7/2025 đến 30/6/2026 ông Trí cho bà Lâm Thu Hương thuê toàn bộ doanh nghiệp; hợp đồng thuê có công chứng, đã thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, trong đó ghi bên thuê tự chịu các khoản nợ phát sinh trong thời gian thuê. Tháng 11/2025 bà Hương nhân danh doanh nghiệp mua gỗ chịu 540 triệu đồng. Ngày 01/8/2026 ông Trí bán doanh nghiệp cho ông Quách Văn Định với giá 2.000 triệu đồng, chuyển giao ngay trong ngày; không có thỏa thuận nào giữa ông Trí, ông Định và các chủ nợ. Tháng 9/2026 ông Định nhân danh doanh nghiệp nợ tiền vận chuyển 300 triệu đồng. Tháng 10/2026 các chủ nợ đồng loạt đòi tiền. Ngoài 2.000 triệu đồng tiền bán doanh nghiệp, ông Trí có sổ tiết kiệm riêng 400 triệu đồng. Xác định ai trả khoản nào, số tiền ông Trí phải trả bằng tài sản riêng và số ông chịu sau cùng.

Mr Hồ Minh Trí owns Trí Tín Fine Woodcraft Private Enterprise (Đồng Nai province). In March 2025 the enterprise borrowed VND 1,600 million from a bank. From 1 July 2025 to 30 June 2026 Mr Trí leased the whole enterprise to Ms Lâm Thu Hương under a notarised lease notified to the business registration authority and the tax authority, which provides that the lessee bears debts arising during the lease. In November 2025 Ms Hương, in the enterprise's name, bought timber on credit for VND 540 million. On 1 August 2026 Mr Trí sold the enterprise to Mr Quách Văn Định for VND 2,000 million, handed over the same day; there was no agreement among Mr Trí, Mr Định and the creditors. In September 2026 Mr Định, in the enterprise's name, incurred a VND 300 million haulage debt. In October 2026 all creditors demand payment. Besides the VND 2,000 million sale price, Mr Trí has personal savings of VND 400 million. Determine who pays which debt, how much Mr Trí must pay from his own assets and how much he finally bears.

1. Địa vị pháp lý: doanh nghiệp tư nhân không có tài sản tách khỏi chủ, chủ doanh nghiệp chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình (Điều 188 khoản 1 Luật Doanh nghiệp). Từ ngày 01/8/2026 tài sản doanh nghiệp đã chuyển cho ông Định; 2.000 triệu đồng tiền bán là tài sản riêng của ông Trí.

Legal status: a private enterprise has no assets separate from its owner, who answers with all his property (Article 188(1), Law on Enterprises). From 1 August 2026 the business assets belong to Mr Định; the VND 2,000 million sale price is Mr Trí's own property.

2. Khoản vay 1.600 triệu đồng (03/2025): phát sinh trước ngày chuyển giao, không có thỏa thuận ba bên, nên ông Trí vẫn chịu (Điều 192 khoản 2).

The VND 1,600 million loan (March 2025) arose before the handover and there is no three-party agreement, so Mr Trí remains liable (Article 192(2)).

3. Khoản 540 triệu đồng do bà Hương ký trong thời hạn thuê: với chủ nợ, ông Trí vẫn chịu trách nhiệm với tư cách chủ sở hữu (Điều 191); khoản nợ cũng phát sinh trước ngày chuyển giao (Điều 192 khoản 2). Điều khoản bên thuê tự chịu nợ chỉ ràng buộc ông Trí và bà Hương.

The VND 540 million debt signed by Ms Hương during the lease: towards the creditor Mr

Trí is still liable as owner (Article 191); the debt also arose before the handover (Article 192(2)). The lease clause binds only Mr Trí and Ms Hương.

4. Khoản 300 triệu đồng (09/2026) phát sinh sau chuyển giao: ông Định, chủ doanh nghiệp mới, chịu. Ông Định phải đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân (Điều 192 khoản 4).

The VND 300 million debt (September 2026) arose after the handover: Mr Định, the new owner, is liable. He must register the change of owner (Article 192(4)).

5. Số ông Trí phải trả bằng tài sản riêng: $1.600 + 540 = \mathbf{2.140 \text{ triệu đồng}}$. Tài sản riêng $2.000 + 400 = 2.400$ triệu đồng, đủ trả, còn lại **260 triệu đồng**.

*Amount Mr Trí must pay from his own assets: $1,600 + 540 = \mathbf{VND 2,140 \text{ million}}$. His assets $2,000 + 400 = \mathbf{VND 2,400 \text{ million}}$ suffice, leaving **VND 260 million**.*

6. Sau khi trả, ông Trí yêu cầu bà Hương hoàn lại 540 triệu đồng theo hợp đồng thuê. Số ông chịu sau cùng: $2.140 - 540 = \mathbf{1.600 \text{ triệu đồng}}$. Nếu là công ty TNHH, chủ sở hữu chỉ chịu trong phạm vi vốn điều lệ (Điều 74 khoản 1), không phải trả bằng tiết kiệm riêng.

After paying, Mr Trí claims VND 540 million back from Ms Hương under the lease. His final burden: $2,140 - 540 = \mathbf{VND 1,600 \text{ million}}$. Had it been an LLC, the owner would answer only up to the charter capital (Article 74(1)), not with personal savings.

Bài 2. Thành viên hợp danh trả nợ khi công ty giải thể — Exercise 2. General partners paying debts on dissolution

Công ty Hợp danh Kiểm định Xây dựng An Khang (TP. Hồ Chí Minh) có ba thành viên hợp danh: ông Lê Quốc Bảo góp 1.200 triệu đồng, bà Trần Mai Anh góp 900 triệu đồng, ông Vũ Thanh Tùng góp 300 triệu đồng (gia nhập ngày 01/3/2026, không có thỏa thuận riêng về nợ cũ); thành viên góp vốn là Công ty TNHH Thương mại Phú An, cam kết góp 1.500 triệu đồng, mới góp 1.000 triệu đồng. Ông Phan Đức Long là thành viên hợp danh đã rút vốn hợp lệ, chấm dứt tư cách ngày 31/12/2025. Tháng 9/2026 Hội đồng thành viên quyết định giải thể. Tài sản công ty hiện có 3.100 triệu đồng. Nợ gồm: khoản A vay ngân hàng 3.000 triệu đồng phát sinh tháng 6/2025; khoản B nợ nhà cung cấp thiết bị 1.800 triệu đồng phát sinh tháng 4/2026. Hội đồng thành viên quyết định dùng tài sản công ty trả hai chủ nợ theo tỷ lệ số nợ. Tính số nợ còn thiếu, xác định ai phải trả bằng tài sản riêng và phân chia nội bộ giữa các thành viên hợp danh hiện tại theo tỷ lệ vốn góp (Điều lệ không quy định khác).

An Khang Construction Inspection Partnership (Ho Chi Minh City) has three general partners: Mr Lê Quốc Bảo contributed VND 1,200 million, Ms Trần Mai Anh VND 900 million and Mr Vũ Thanh Tùng VND 300 million (admitted on 1 March 2026 with no special agreement on old debts); the limited partner is Phú An Trading Co., Ltd., which committed VND 1,500 million and has paid VND 1,000 million. Mr Phan Đức Long, a general partner, withdrew lawfully and ceased to be a member on 31 December 2025. In September 2026 the members' council resolved to dissolve the company. Company assets are VND 3,100 million. Debts: A, a VND 3,000 million bank loan incurred in June 2025; B, VND 1,800 million owed to an equipment supplier incurred in April 2026. The council decided to pay both creditors pro rata from company assets. Compute

the shortfall, identify who must pay it from personal assets and the internal split among the current general partners in proportion to capital (the charter is silent).

1. Thu phần vốn còn thiếu: số vốn Phú An chưa góp là khoản nợ của Phú An đối với công ty (Điều 178 khoản 3): $1.500 - 1.000 = 500$ triệu đồng. Tài sản dùng trả nợ: $3.100 + 500 = \mathbf{3.600 \text{ triệu đồng}}$. Phú An không chịu thêm (Điều 177 khoản 1 điểm c).

Collect the unpaid capital: Phú An's unpaid amount is a debt it owes the company (Article 178(3)): $1,500 - 1,000 = \text{VND } 500 \text{ million}$. Assets available: $3,100 + 500 = \mathbf{\text{VND } 3,600 \text{ million}}$. Phú An bears nothing more (Article 177(1)(c)).

2. Trả theo tỷ lệ: $3.600 / 4.800 = 75\%$. Khoản A nhận 2.250, thiếu **750**; khoản B nhận 1.350, thiếu **450**; tổng thiếu **1.200 triệu đồng**.

*Pro rata payment: $3,600 / 4,800 = 75\%$. Debt A receives 2,250, short **750**; debt B receives 1,350, short **450**; total shortfall **VND 1,200 million**.*

3. Ai trả phần thiếu: các thành viên hợp danh liên đới trả hết số nợ còn lại (Điều 181 khoản 2 điểm đ); chủ nợ được đòi bất kỳ người nào toàn bộ (Điều 288 khoản 1 Bộ luật Dân sự). Ông Tùng là thành viên mới nhưng vẫn chịu cả khoản A phát sinh trước khi ông gia nhập (Điều 186 khoản 3).

Who pays the shortfall: the general partners are jointly liable for the remaining debts (Article 181(2)(đ)); a creditor may claim the whole from any of them (Article 288(1), Civil Code). Mr Tùng is new but still answers for debt A, incurred before he joined (Article 186(3)).

4. Ông Long: khoản A phát sinh trước ngày ông chấm dứt tư cách và còn trong 02 năm (đến hết 31/12/2027), nên chủ nợ A được đòi ông 750 triệu đồng (Điều 185 khoản 5). Khoản B phát sinh sau ngày 31/12/2025, ông không chịu.

Mr Long: debt A arose before he ceased to be a member and is within 02 years (to the end of 31 December 2027), so creditor A may claim VND 750 million from him (Article 185(5)). Debt B arose after 31 December 2025; he is not liable for it.

5. Chia nội bộ giữa ba thành viên hiện tại theo vốn góp (2.400 triệu đồng; Điều 181 khoản 2 điểm e): Lê Quốc Bảo $1.200 \times 1.200/2.400 = \mathbf{600}$; Trần Mai Anh $1.200 \times 900/2.400 = \mathbf{450}$; Vũ Thanh Tùng $1.200 \times 300/2.400 = \mathbf{150}$ triệu đồng. Người đã trả thay có quyền đòi người khác phần của họ (Điều 288 khoản 2).

Internal split among the three current partners by capital (VND 2,400 million; Article 181(2)(e)): Lê Quốc Bảo $1,200 \times 1,200/2,400 = \mathbf{600}$; Trần Mai Anh $1,200 \times 900/2,400 = \mathbf{450}$; Vũ Thanh Tùng $1,200 \times 300/2,400 = \mathbf{150}$ million. Anyone who paid more may recover the others' shares (Article 288(2)).

6. Hệ quả: chỉ khi trả hết nợ công ty mới được giải thể (Điều 207 khoản 2). Nếu công ty bị tuyên bố phá sản, tài sản riêng của thành viên hợp danh không trực tiếp dùng vào kinh doanh cũng thuộc tài sản phá sản (Điều 54 khoản 2 Luật Phục hồi, phá sản 2025).

Consequence: the company may dissolve only after paying all debts (Article 207(2)). If it is declared bankrupt, the general partners' assets not used directly in business also form part of the estate (Article 54(2), Law on Bankruptcy and Rehabilitation 2025).

2.8. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Trình bày khái niệm, quyền thành lập và thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo Nghị định 168/2025/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 296/2026/NĐ-CP). Phân biệt hộ kinh doanh với doanh nghiệp tư nhân.

Question 1. Present the concept, the right to establish and the registration of household businesses under Decree 168/2025/ND-CP (as amended by Decree 296/2026/ND-CP).

Distinguish a household business from a private enterprise.

- **Khái niệm:** do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản (Điều 82 khoản 1); hộ gia đình thì ủy quyền bằng văn bản có công chứng, chứng thực cho một thành viên đại diện.
Concept: set up by one individual or household members, liable with all their assets (Article 82(1)); a household authorises one member in a notarised or certified document.
- **Quyền thành lập:** công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ hai nhóm ở Điều 82 khoản 2; mỗi người chỉ đăng ký một hộ trong toàn quốc (Điều 83 khoản 1); các hộ ở Điều 82 khoản 3 không phải đăng ký, trừ ngành nghề có điều kiện.
Right to establish: Vietnamese citizens with full civil capacity, except the two groups in Article 82(2); one household business per person nationwide (Article 83(1)); those in Article 82(3) need not register unless the trade is conditional.
- **Thủ tục:** nộp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bằng ba phương thức (Điều 94); điều kiện cấp ở Điều 85 khoản 2; kết quả trong 03 ngày làm việc (Điều 99 khoản 3); đăng ký qua mạng theo Điều 112, 113 đã sửa bởi Nghị định 296/2026, Điều 111 bị bãi bỏ.
Procedure: file with the commune-level authority by one of three methods (Article 94); conditions in Article 85(2); result within 03 working days (Article 99(3)); online filing under Articles 112 and 113 as amended by Decree 296/2026, Article 111 repealed.
- **Hoạt động sau đăng ký:** thay đổi trong 10 ngày (Điều 100); tạm ngừng từ 15 ngày trở lên phải đăng ký, mỗi lần không quá một năm (Điều 103); chấm dứt sau khi trả hết nợ (Điều 104); sáu trường hợp thu hồi (Điều 105).
After registration: changes within 10 days (Article 100); suspension of 15 days or more must be registered, at most one year each time (Article 103); termination after paying all debts (Article 104); six grounds for revocation (Article 105).
- **Phân biệt với doanh nghiệp tư nhân:** văn bản điều chỉnh (nghị định – Luật Doanh nghiệp); chủ thể (một người hoặc hộ gia đình – chỉ một cá nhân); cơ quan đăng ký (cấp xã – cấp tỉnh); trách nhiệm liên đới của các thành viên hộ (Điều 84 khoản 1). Hai loại giống nhau ở trách nhiệm vô hạn và không có tư cách pháp nhân.
Versus a private enterprise: governing instrument (decree – Law on Enterprises); owner (one person or a household – one individual only); registration authority (commune – province); joint liability of household members (Article 84(1)). Both carry unlimited liability and lack legal personality.

Câu 2. Phân tích địa vị pháp lý của thành viên hợp danh và thành viên góp vốn trong công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp.

Question 2. Analyse the legal status of general partners and limited partners in a partnership under the Law on Enterprises.

- Điều 177 khoản 1: ít nhất 02 thành viên hợp danh là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản; thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân, chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn đã cam kết góp. Công ty có tư cách pháp nhân, không phát hành chứng khoán (khoản 2, 3).

Article 177(1): at least 02 general partners, individuals with unlimited liability; limited partners are organisations or individuals liable up to the capital they committed. The company has legal personality and may not issue securities (clauses 2, 3).

- Quyền của thành viên hợp danh (Điều 181 khoản 1): biểu quyết, nhân danh công ty kinh doanh, được chia lợi nhuận; nghĩa vụ (khoản 2): liên đới trả hết nợ khi tài sản công ty không đủ, chịu lỗ theo phần vốn góp.

General partners' rights (Article 181(1)): vote, do business in the company's name, share profits; duties (clause 2): joint liability for any shortfall of company assets, bearing losses in proportion to capital.

- Hạn chế (Điều 180): không làm chủ doanh nghiệp tư nhân; không làm thành viên hợp danh công ty khác nếu không được thành viên hợp danh còn lại nhất trí; không chuyển phần vốn góp nếu không được chấp thuận.

Restrictions (Article 180): may not own a private enterprise; may not be a general partner elsewhere without the other partners' consent; may not transfer capital without approval.

- Thành viên góp vốn (Điều 187): biểu quyết những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của mình; được chuyển nhượng phần vốn góp, kinh doanh cùng ngành nghề; không được quản lý, không nhân danh công ty.

Limited partners (Article 187): vote on matters directly affecting their rights; may transfer capital and trade in the same line; may not manage or act in the company's name.

- Trách nhiệm theo thời gian: thành viên rút vốn còn chịu 02 năm với nợ cũ (Điều 185 khoản 5); thành viên hợp danh mới chịu cả nợ trước khi gia nhập trừ thỏa thuận khác (Điều 186 khoản 3).

Liability over time: a withdrawing partner remains liable for 02 years for earlier debts (Article 185(5)); a new general partner answers for prior debts unless otherwise agreed (Article 186(3)).

Câu 3. Trình bày khái niệm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã 2023; các loại thành viên và hai loại tổ chức quản trị. So sánh hợp tác xã với công ty.

Question 3. Present the concepts of cooperative and union of cooperatives under the Law on Cooperatives 2023, the member categories and the two governance structures. Compare a cooperative with a company.

- Khái niệm (Điều 4 khoản 7, 8, 21): hợp tác xã ít nhất 05 thành viên chính thức; liên hiệp ít nhất 03 hợp tác xã; tổ hợp tác ít nhất 02 thành viên, không có tư cách pháp nhân.

Concepts (Article 4(7), (8), (21)): a cooperative has at least 05 official members; a union at least 03 cooperatives; a cooperative group at least 02 members and no legal personality.

- Thành viên (Điều 4 khoản 17–19; Điều 30–32): chính thức, liên kết góp vốn, liên kết không góp vốn; chỉ thành viên chính thức biểu quyết; thành viên chịu trách nhiệm trong phạm vi phần vốn góp.
Members (Article 4(17)–(19); Articles 30–32): official, associate contributing and associate non-contributing; only official members vote; members are liable up to their contribution.
- Vốn và phân phối (Điều 74, 86): vốn góp tối đa 30% vốn điều lệ hợp tác xã, 40% liên hiệp; thu nhập từ giao dịch nội bộ chia tối thiểu 51% theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ và góp sức lao động.
Capital and distribution (Articles 74, 86): a member's contribution is capped at 30% of a cooperative's charter capital, 40% for a union; at least 51% of internal-transaction income goes by use of services and labour.
- Tổ chức quản trị (Điều 56): đầy đủ (Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát) hoặc rút gọn (Đại hội thành viên, Giám đốc, kiểm soát viên); thông qua ít nhất 65% với bốn nhóm việc, trên 50% với việc khác (Điều 61).
Governance (Article 56): full (general meeting, management board, director, supervisory board) or simplified (general meeting, director, controller); at least 65% for four classes of matters, over 50% for others (Article 61).
- So sánh với công ty: mục đích tương trợ thành viên; mỗi thành viên chính thức một phiếu, không theo vốn (Điều 61 khoản 4); đăng ký ở cấp xã theo Nghị định 295/2026 (công ty đăng ký ở cấp tỉnh); có quỹ chung không chia.
Versus a company: purpose of mutual support; one vote per official member regardless of capital (Article 61(4)); registration at commune level under Decree 295/2026 (companies at provincial level); indivisible common fund.

2.9. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

9. Theo Nghị định 168/2025/NĐ-CP (sửa đổi năm 2026), cơ quan nào cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh?
Under Decree 168/2025/ND-CP (amended in 2026), which body issues the household business registration certificate?
- A. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã / *The commune-level business registration authority*
 - B. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính / *The business registration office of the provincial Department of Finance*
 - C. Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện / *The finance and planning office of the district people's committee*
 - D. Sở Công Thương / *The provincial Department of Industry and Trade*

- 10.** Hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh đủ điều kiện thì được cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn nào?
Within what time is a household business certificate issued once a complete application qualifies?
- A.** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ / *02 working days from receipt*
 - B.** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ / *03 working days from receipt*
 - C.** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ / *05 working days from receipt*
 - D.** 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ / *15 days from receipt*
- 11.** Ông An là chủ một doanh nghiệp tư nhân. Ông còn được đồng thời làm gì sau đây?
Mr An owns a private enterprise. Which of the following may he also be?
- A.** Thành viên hợp danh của một công ty hợp danh / *A general partner of a partnership*
 - B.** Chủ một hộ kinh doanh / *The head of a household business*
 - C.** Thành viên góp vốn của công ty hợp danh, với tư cách cá nhân / *A limited partner of a partnership, as an individual*
 - D.** Chủ một doanh nghiệp tư nhân thứ hai / *The owner of a second private enterprise*
- 12.** Công ty hợp danh có 4 thành viên hợp danh, Điều lệ không quy định khác. Quyết định vay vốn bằng 60% vốn điều lệ cần ít nhất bao nhiêu thành viên hợp danh tán thành?
A partnership has 4 general partners and the charter is silent. How many must approve a loan equal to 60% of charter capital?
- A.** 2
 - B.** 4
 - C.** 1
 - D.** 3
- 13.** Thành viên góp vốn của công ty hợp danh có quyền nào sau đây?
Which right does a limited partner of a partnership have?
- A.** Nhân danh công ty ký hợp đồng mua bán / *Signing sale contracts in the company's name*
 - B.** Tham gia điều hành công việc kinh doanh hằng ngày / *Taking part in day-to-day management*
 - C.** Chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác / *Transferring its capital contribution to another person*
 - D.** Được bầu làm Chủ tịch Hội đồng thành viên / *Being elected chair of the members' council*

- 14.** Theo Luật Hợp tác xã 2023, hợp tác xã phải có tối thiểu bao nhiêu thành viên chính thức?

Under the Law on Cooperatives 2023, what is the minimum number of official members of a cooperative?

- A.** 03 thành viên / *03 members*
- B.** 05 thành viên / *05 members*
- C.** 07 thành viên / *07 members*
- D.** 02 thành viên / *02 members*

- 15.** Ông Long chấm dứt tư cách thành viên hợp danh do rút vốn ngày 31/12/2025. Với khoản nợ công ty phát sinh trước ngày đó, ông phải liên đới chịu trách nhiệm đến khi nào?

Mr Long ceased to be a general partner by withdrawal on 31 December 2025. Until when is he jointly liable for company debts incurred before that date?

- A.** Không phải chịu kể từ ngày rút vốn / *Not liable from the withdrawal date*
- B.** Đến hết ngày 31/12/2026 / *Until the end of 31 December 2026*
- C.** Đến hết ngày 31/12/2030 / *Until the end of 31 December 2030*
- D.** Đến hết ngày 31/12/2027 / *Until the end of 31 December 2027*

- 16.** Đại hội toàn thể của một hợp tác xã có 20 thành viên chính thức tham dự và biểu quyết. Nghị quyết sửa đổi Điều lệ được thông qua khi có ít nhất bao nhiêu phiếu tán thành?

At a full general meeting of a cooperative, 20 official members attend and vote. At least how many votes must approve an amendment to the charter?

- A.** 13 phiếu / *13 votes*
- B.** 11 phiếu / *11 votes*
- C.** 15 phiếu / *15 votes*
- D.** 14 phiếu / *14 votes*

Chương 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn — Chapter 3. Limited liability companies

Mục tiêu chương — Chapter objectives

- Nêu đặc điểm pháp lý của công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty TNHH một thành viên theo Luật Doanh nghiệp hiện hành (văn bản hợp nhất 67/VBHN-VPQH).
State the legal features of multi-member and single-member limited liability companies under the current Law on Enterprises (consolidated text 67/VBHN-VPQH).
- Tính thời hạn góp vốn và xác định hậu quả khi thành viên, chủ sở hữu không góp hoặc góp thiếu vốn đã cam kết.
Compute the contribution period and determine the consequences when a member or owner fails to pay, or underpays, the committed capital.
- Áp dụng quy định về chuyển nhượng, mua lại phần vốn góp và tăng, giảm vốn điều lệ vào tình huống cụ thể.
Apply the rules on transfer and redemption of capital contributions and on increasing and reducing charter capital to concrete cases.
- Kiểm tra điều kiện tiến hành họp, tính tỷ lệ biểu quyết và kết luận nghị quyết của Hội đồng thành viên có được thông qua hay không.
Check the quorum, compute voting percentages and decide whether a members' council resolution is adopted.
- Vẽ và giải thích cơ cấu tổ chức quản lý của từng loại công ty TNHH.
Draw and explain the management structure of each type of limited liability company.

Tình huống xuyên chương. Ông Nguyễn Văn Hòa kinh doanh nông sản sấy tại Cần Thơ dưới hình thức hộ kinh doanh Phú An. Năm 2026, để mở rộng phân phối, ông cùng bà Trần Thị Mai, ông Lê Quốc Bảo, bà Phạm Thu Hà và Công ty CP Đầu tư Minh Khang (trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh) thành lập **Công ty TNHH Thương mại Phú An**, vốn điều lệ đăng ký 9,2 tỷ đồng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp ngày 12/3/2026. Các ví dụ trong chương lần lượt xử lý việc góp vốn, chuyển nhượng, họp Hội đồng thành viên, tăng, giảm vốn của Phú An; mục 3.5 theo ông Hòa lập thêm một công ty TNHH một thành viên.

Running case. Mr Nguyễn Văn Hòa trades in dried farm produce in Cần Thơ as the Phú An household business. In 2026, to widen distribution, he joins Ms Trần Thị Mai, Mr Lê Quốc Bảo, Ms Phạm Thu Hà and Minh Khang Investment JSC (head office in Hồ Chí Minh City) to form **Phú An Trading Co., Ltd**, with registered charter capital of VND 9.2 billion. The enterprise registration certificate is issued on 12 March 2026. The examples in this chapter follow Phú An through capital contributions, transfers, members' council meetings and changes of capital; section 3.5 follows Mr Hòa as he forms a single-member company.

Thành viên <i>Member</i>	Vốn cam kết (tỷ đồng) <i>Committed (VND billion)</i>	Tỷ lệ cam kết <i>Committed ratio</i>	Tài sản cam kết góp <i>Asset committed</i>
Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr Nguyễn Văn Hòa</i>	4,0 <i>4.0</i>	43,48% <i>43.48%</i>	Tiền và kho hàng tại Cần Thơ <i>Cash and a warehouse in Cần Thơ</i>
Công ty CP Đầu tư Minh Khang <i>Minh Khang Investment JSC</i>	1,6 <i>1.6</i>	17,39% <i>17.39%</i>	Tiền <i>Cash</i>
Bà Trần Thị Mai <i>Ms Trần Thị Mai</i>	1,6 <i>1.6</i>	17,39% <i>17.39%</i>	Ô tô tải, định giá 1,6 tỷ đồng <i>A lorry valued at VND 1.6 billion</i>
Ông Lê Quốc Bảo <i>Mr Lê Quốc Bảo</i>	1,2 <i>1.2</i>	13,04% <i>13.04%</i>	Tiền <i>Cash</i>
Bà Phạm Thu Hà <i>Ms Phạm Thu Hà</i>	0,8 <i>0.8</i>	8,70% <i>8.70%</i>	Tiền <i>Cash</i>
Cộng <i>Total</i>	9,2 <i>9.2</i>	100%	

3.1. Khái niệm và đặc điểm công ty TNHH hai thành viên trở lên — *Concept and features of the multi-member limited liability company*

Điều 46 khoản 1 Luật Doanh nghiệp định nghĩa: “Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp có từ 02 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 47 của Luật này.” Câu cuối của khoản này giới hạn việc chuyển nhượng: phần vốn góp chỉ được chuyển nhượng theo các điều 51, 52 và 53.

Article 46(1) of the Law on Enterprises defines it: a multi-member limited liability company is an enterprise with 2 to 50 members, who may be organisations or individuals; members are liable for the debts and other property obligations of the enterprise up to the capital they have contributed, except as provided in Article 47(4). The last sentence of the clause restricts transfers: contributions may be transferred only under Articles 51, 52 and 53.

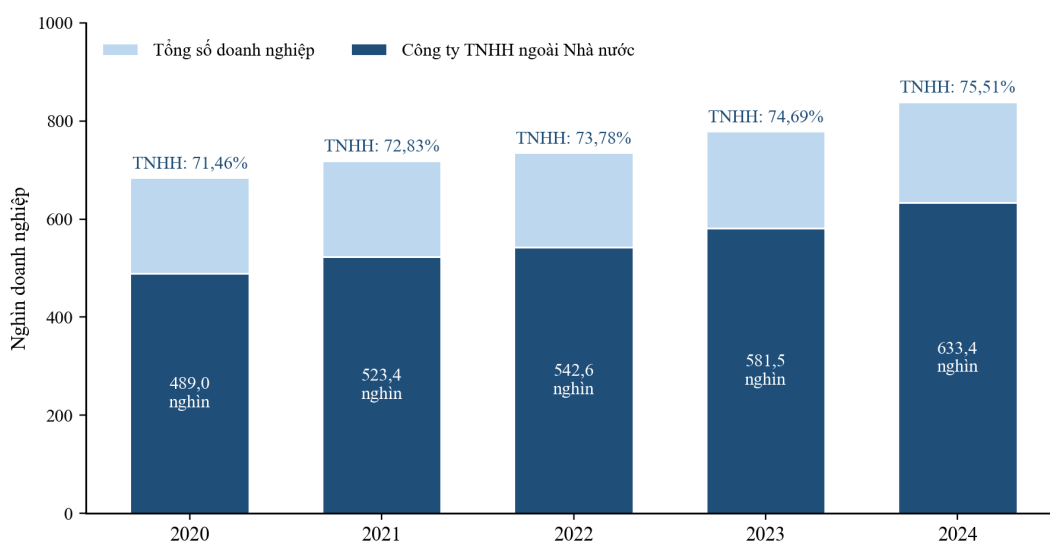
PHẢI THUỘC / MEMORISE — Năm đặc điểm (Điều 46): (1) **từ 02 đến 50 thành viên**, là tổ chức hoặc cá nhân; (2) thành viên chịu trách nhiệm **trong phạm vi số vốn đã góp**, trừ khoản 4 Điều 47; (3) **có tư cách pháp nhân** kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (khoản 2); (4) **không được phát hành cổ phần**, trừ trường hợp để chuyển đổi thành công ty cổ phần (khoản 3); (5) **được phát hành trái phiếu**; trái phiếu riêng lẻ theo Điều 128, 129 (khoản 4).

Five features (Article 46): (1) 2 to 50 members, organisations or individuals; (2) members are liable

up to the capital contributed, save under Article 47(4); (3) legal personality from the issue of the enterprise registration certificate (clause 2); (4) no issue of shares except to convert into a joint stock company (clause 3); (5) bonds may be issued; private placements follow Articles 128 and 129 (clause 4).

Ba khái niệm dùng suốt chương được Điều 4 định nghĩa. Khoản 27: “Phần vốn góp là tổng giá trị tài sản của một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh. Tỷ lệ phần vốn góp là tỷ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên và vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh.” Khoản 34: vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn. Khoản 18: “Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.”

Article 4 defines three notions used throughout the chapter. Clause 27: a capital contribution is the total value of assets a member has contributed or committed to a limited liability company or partnership; the contribution ratio is the ratio between a member's contribution and the company's charter capital. Clause 34: charter capital is the total value of assets the members have contributed or committed on formation. Clause 18: contributing capital means contributing assets to form charter capital, on formation or as an increase.



Hình 3.1. Số công ty TNHH ngoài Nhà nước đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại 31/12, so với tổng số doanh nghiệp, 2020–2024

Figure 3.1. Active non-state limited liability companies with business results at 31 December, against all enterprises, 2020–2024

Theo Niên giám thống kê tóm tắt 2025 (Cục Thống kê, Biểu 88–89), tại 31/12/2024 có 633.367 công ty TNHH ngoài Nhà nước trên tổng số 838.753 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, chiếm **75,51%**; số công ty TNHH tăng 29,5% so với năm 2020. Số liệu này chưa tính công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước và công ty TNHH có vốn đầu tư nước ngoài, vốn được thống kê ở nhóm doanh nghiệp Nhà nước và nhóm doanh nghiệp FDI.

According to the Statistical Summary Book 2025 (National Statistics Office, Tables 88–89), at 31 December 2024 there were 633,367 non-state limited liability companies out of 838,753 active enterprises with business results, or 75.51%; their number grew by 29.5% from 2020. The figure excludes wholly state-owned single-member companies and foreign-invested limited liability companies, which are counted in the state-owned and FDI groups.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Phú An có năm thành viên, trong đó một thành viên là tổ chức: số thành viên nằm trong khoảng 02–50. Minh Khang tham gia Hội đồng thành viên qua người đại diện theo ủy quyền (Điều 55 khoản 1). Nếu sau này các thành viên khác chuyển nhượng hết cho ông Hòa, công ty chỉ còn một thành viên và phải tổ chức quản lý theo loại hình TNHH một thành viên, đăng ký thay đổi trong 15 ngày (Điều 52 khoản 3).

Phú An has five members, one of them an organisation: within the 2–50 range. Minh Khang sits on the members' council through an authorised representative (Article 55(1)). If the others later transfer all their contributions to Mr Hòa, the company is left with one member and must be run as a single-member company, registering the change within 15 days (Article 52(3)).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng công ty TNHH hai thành viên trở lên kết nạp được thành viên thứ 51 nếu Điều lệ cho phép. Giới hạn **50 thành viên** là quy định bắt buộc của Điều 46 khoản 1, Điều lệ không thay đổi được. Muốn có trên 50 chủ sở hữu thì phải chuyển đổi thành công ty cổ phần (Điều 202).

Believing that the company may admit a 51st member if the charter allows. The 50-member cap in Article 46(1) is mandatory and cannot be altered by the charter. A company wanting more than 50 owners must convert into a joint stock company (Article 202).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Dẫn Luật Doanh nghiệp 2014 (Luật 68/2014/QH13). Luật này hết hiệu lực từ 01/01/2021, khi Luật 59/2020/QH14 có hiệu lực. Bài làm hiện nay dẫn Luật 59/2020/QH14 theo văn bản hợp nhất **67/VBHN-VPQH ngày 15/8/2025**, đã gồm các sửa đổi của Luật 03/2022/QH15 và Luật 76/2025/QH15 (hiệu lực 01/7/2025).

Citing the Law on Enterprises 2014 (Law 68/2014/QH13). It ceased to have effect on 1 January 2021, when Law 59/2020/QH14 came into force. Cite Law 59/2020/QH14 in the consolidated text 67/VBHN-VPQH of 15 August 2025, which includes the amendments by Law 03/2022/QH15 and Law 76/2025/QH15 (in force 1 July 2025).

3.2. Góp vốn thành lập công ty, thời hạn góp vốn và xử lý góp thiếu — *Capital contributions on formation, the contribution period and shortfalls*

Thời hạn 90 ngày và quyền của thành viên trong thời hạn góp vốn — *The 90-day period and members' rights during it*

Điều 47 khoản 1: “Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.” Khoản 2: “Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản.” “Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ

phần vốn góp đã cam kết.” “Thành viên công ty chỉ được góp vốn cho công ty bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại.”

Article 47(1): the charter capital of a multi-member company on registration is the total value of the contributions the members commit and record in the charter. Clause 2: members must contribute the full amount and the type of asset committed within 90 days of the issue of the enterprise registration certificate, excluding time for transporting or importing the assets and for the administrative formalities of transferring ownership. During this period members have rights and obligations matching their committed ratios. A member may contribute an asset different from the one committed only with the consent of more than 50% of the remaining members.

Luật Doanh nghiệp không tự quy định cách tính thời hạn, nên áp dụng Bộ luật Dân sự. Điều 147 khoản 3: “Khi thời hạn bắt đầu bằng một sự kiện thì ngày xảy ra sự kiện không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày xảy ra sự kiện đó.” Điều 148 khoản 1: thời hạn tính bằng ngày kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng; khoản 5: “Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.”

The Law on Enterprises does not say how to count periods, so the Civil Code applies. Article 147(3): where a period starts with an event, the day of the event is not counted and counting starts the next day. Article 148(1): a period in days ends at the end of its last day; clause 5: if the last day is a weekend or public holiday, the period ends at the end of the next working day.

Ngày cuối cùng góp vốn = ngày cấp Giấy chứng nhận + 90 ngày (gặp ngày nghỉ thì dời sang ngày làm việc kế tiếp) (3.1)

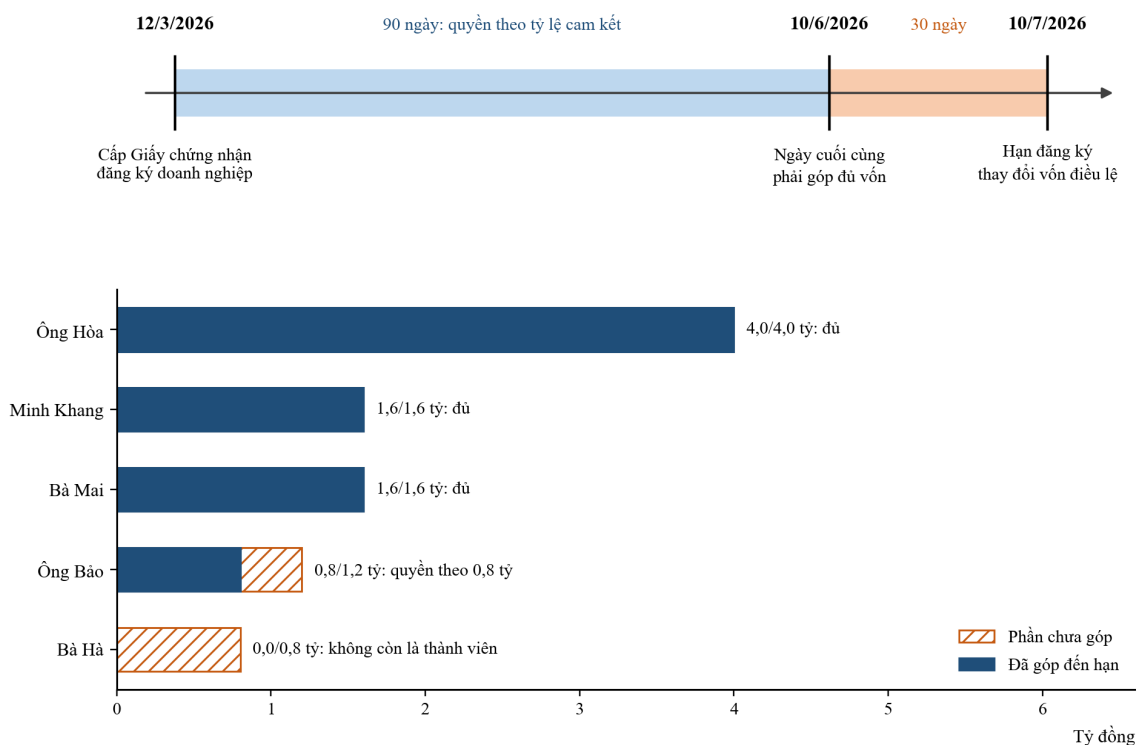
Hậu quả khi hết hạn mà chưa góp đủ — *Consequences of non-payment at the end of the period*

Trường hợp <i>Situation</i>	Hậu quả pháp lý <i>Legal consequence</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Thành viên chưa góp đồng nào <i>Member has paid nothing</i>	Đương nhiên không còn là thành viên của công ty <i>Automatically ceases to be a member</i>	Điều 47 khoản 3 điểm a <i>Art. 47(3)(a)</i>
Thành viên góp chưa đủ <i>Member has paid in part</i>	Chỉ có các quyền tương ứng với phần vốn đã góp <i>Has only the rights matching the amount paid</i>	Điều 47 khoản 3 điểm b <i>Art. 47(3)(b)</i>
Phần vốn chưa góp <i>Unpaid portion</i>	Được chào bán theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên <i>Offered for sale under a members' council resolution or decision</i>	Điều 47 khoản 3 điểm c <i>Art. 47(3)(c)</i>
Vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp <i>Charter capital and ratios</i>	Công ty đăng ký thay đổi bằng số vốn đã góp trong 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ <i>The company registers the paid-up figures within 30 days of the last contribution day</i>	Điều 47 khoản 4 <i>Art. 47(4)</i>

Trường hợp <i>Situation</i>	Hậu quả pháp lý <i>Legal consequence</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Nghĩa vụ tài chính phát sinh trước khi đăng ký thay đổi <i>Financial obligations arising before the change is registered</i>	Thành viên chưa góp, góp thiếu chịu trách nhiệm theo tỷ lệ đã cam kết <i>Defaulting members are liable according to their committed ratios</i>	Điều 47 khoản 4 <i>Art. 47(4)</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Con số của Điều 47: **90 ngày** góp vốn (không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu, làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản) – **30 ngày** đăng ký thay đổi vốn điều lệ – đổi loại tài sản góp cần **trên 50% số thành viên còn lại** (đếm theo người, không theo vốn). Trong 90 ngày, quyền biểu quyết theo tỷ lệ **cam kết** (Điều 49 khoản 1 điểm b dẫn chiếu khoản 2 Điều 47).

The figures in Article 47: 90 days to contribute (excluding transport, import and ownership-transfer time) – 30 days to register the change of charter capital – a change of asset needs more than 50% of the other members (counted per head, not per capital). During the 90 days, votes follow the committed ratio (Article 49(1)(b), referring to Article 47(2)).



Hình 3.2. Thời hạn góp vốn và kết quả góp vốn của các thành viên Phú An

Figure 3.2. Contribution period and contributions made by Phú An's members

VÍ DỤ / EXAMPLE — Xử lý góp vốn của Phú An. Giấy chứng nhận cấp ngày 12/3/2026; hết ngày 10/6/2026, ông Bảo mới góp 0,8/1,2 tỷ đồng, bà Hà chưa góp.

Phú An's contributions. The certificate was issued on 12 March 2026; at the end of 10 June 2026 Mr Bảo had paid only 0.8/1.2 billion and Ms Hà nothing.

1. Ngày cuối cùng: ngày 12/3 không tính; ngày thứ 90 là **10/6/2026**, thứ Tư, không phải ngày nghỉ.
*Last day: 12 March is not counted; day 90 is **10 June 2026**, a Wednesday, not a holiday.*
2. Bà Hà đương nhiên không còn là thành viên; ông Bảo chỉ có quyền tương ứng 0,8 tỷ đồng (Điều 47 khoản 3 điểm a, b).
Ms Hà automatically ceases to be a member; Mr Bảo has rights for VND 0.8 billion only (Article 47(3)(a), (b)).
3. Hội đồng thành viên ra nghị quyết chào bán 1,2 tỷ đồng chưa góp (điểm c); không ai mua.
The members' council resolves to offer the unpaid VND 1.2 billion (point c); nobody buys.
4. Công ty đăng ký vốn điều lệ **8,0 tỷ đồng** chậm nhất ngày **10/7/2026** (khoản 4).
*The company registers charter capital of **VND 8.0 billion** by **10 July 2026** (clause 4).*
5. Nghĩa vụ tài chính phát sinh trước ngày đăng ký thay đổi: ông Bảo chịu theo tỷ lệ 13,04%, bà Hà theo tỷ lệ 8,70% (tỷ lệ cam kết).
For financial obligations arising before the change is registered, Mr Bảo is liable at 13.04% and Ms Hà at 8.70% (committed ratios).

Thành viên <i>Member</i>	Cam kết (tỷ đồng) <i>Committed (VND bn)</i>	Đã góp (tỷ đồng) <i>Paid (VND bn)</i>	Tỷ lệ mới <i>New ratio</i>	Tư cách <i>Status</i>
Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr Nguyễn Văn Hòa</i>	4,0 <i>4.0</i>	4,0 <i>4.0</i>	50%	Thành viên <i>Member</i>
Công ty CP Đầu tư Minh Khang <i>Minh Khang Investment JSC</i>	1,6 <i>1.6</i>	1,6 <i>1.6</i>	20%	Thành viên <i>Member</i>
Bà Trần Thị Mai <i>Ms Trần Thị Mai</i>	1,6 <i>1.6</i>	1,6 <i>1.6</i>	20%	Thành viên <i>Member</i>
Ông Lê Quốc Bảo <i>Mr Lê Quốc Bảo</i>	1,2 <i>1.2</i>	0,8 <i>0.8</i>	10%	Thành viên <i>Member</i>
Bà Phạm Thu Hà <i>Ms Phạm Thu Hà</i>	0,8 <i>0.8</i>	0,0 <i>0.0</i>	—	Không còn là thành viên <i>No longer a member</i>
Vốn điều lệ <i>Charter capital</i>	9,2 <i>9.2</i>	8,0 <i>8.0</i>	100%	

VÍ DỤ / EXAMPLE — Bà Mai cam kết góp một ô tô tải nhưng muốn góp tiền thay thế. Số thành viên còn lại là 4, nên cần **ít nhất 3 thành viên** tán thành (trên 50% số thành viên còn lại, Điều 47 khoản 2). Ông Hòa nắm 4,0 tỷ đồng vốn cam kết nhưng một mình ông tán thành thì chưa đủ.

*Ms Mai committed a lorry but wants to pay cash instead. There are 4 other members, so **at least 3 members** must consent (more than 50% of the other members, Article 47(2)). Mr Hòa's VND 4.0 billion commitment does not make his consent alone sufficient.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Hội đồng thành viên họp ngày 20/4/2026, còn trong thời hạn góp vốn. Bà Hà chưa góp đồng nào vẫn có phiếu biểu quyết tương ứng tỷ lệ cam kết **8,70%**, ông Bảo 13,04% (Điều 47 khoản 2; Điều 49 khoản 1 điểm b). Sau ngày cuối cùng phải góp, phiếu của ông Bảo chỉ còn tương ứng phần đã góp.

The members' council meets on 20 April 2026, within the contribution period. Ms Hà, having paid nothing, still votes at her committed ratio of 8.70%, Mr Bảo at 13.04% (Article 47(2); Article 49(1)(b)). After the last contribution day Mr Bảo votes only for what he has paid.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Tính 90 ngày từ ngày nộp hồ sơ, hoặc tính cả ngày được cấp giấy chứng nhận. Mốc là **ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** và ngày đó không tính (Điều 147 khoản 3 Bộ luật Dân sự).

*Counting the 90 days from filing, or including the issue date. The starting point is the **issue of the enterprise registration certificate** and that day is not counted (Article 147(3), Civil Code).*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng thành viên chưa góp đồng nào vẫn là thành viên và chỉ “nợ” công ty phần vốn cam kết. Hết hạn, người đó **đương nhiên không còn là thành viên**; trách nhiệm còn lại chỉ là phần theo tỷ lệ cam kết với nghĩa vụ tài chính phát sinh trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

*Thinking that a member who paid nothing remains a member who merely “owes” the company. On expiry that person **automatically ceases to be a member**; what remains is liability at the committed ratio for financial obligations arising before the change of capital is registered.*

Giấy chứng nhận phần vốn góp và sổ đăng ký thành viên — *Certificate of capital contribution and register of members*

- Điều 47 khoản 5: “Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, công ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên tương ứng với giá trị phần vốn đã góp.” Giấy chứng nhận ghi tên, mã số doanh nghiệp, vốn điều lệ, thông tin thành viên, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp, chữ ký người đại diện theo pháp luật (khoản 6).

Article 47(5): when a member has paid in full, the company must issue a certificate of capital contribution for the value paid. It states the company's name and number, charter capital, member details, the contribution and ratio, the certificate number and date, and the legal representative's signature (clause 6).

- Điều 48 khoản 1: “Công ty phải lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.” Sổ có thể là văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử, lưu tại trụ sở chính (khoản 1, 4). Người góp vốn trở thành thành viên từ khi đã thanh toán và thông tin được ghi đủ vào sổ (Điều 47 khoản 5).

Article 48(1): the company must open a register of members immediately after receiving its registration certificate. It may be on paper or electronic and is kept at the head office (clauses 1, 4). A contributor becomes a member once payment is made and the details are fully entered (Article 47(5)).

3.3. Quyền, nghĩa vụ của thành viên; chuyển nhượng, mua lại và xử lý phần vốn góp — *Members' rights and duties; transfer, redemption and special handling of contributions*

Quyền và nghĩa vụ của thành viên — *Members' rights and duties*

Nhóm <i>Group</i>	Nội dung <i>Content</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Quyền của mọi thành viên <i>Rights of every member</i>	Dự họp, biểu quyết theo phần vốn góp; chia lợi nhuận và tài sản còn lại khi giải thể, phá sản theo phần vốn góp; ưu tiên góp thêm khi tăng vốn; chuyển nhượng, tặng cho phần vốn góp; khởi kiện người quản lý <i>Attend and vote by contribution; share profits and residual assets by contribution; pre-emption on capital increases; transfer or give away the contribution; sue managers</i>	Điều 49 khoản 1 <i>Art. 49(1)</i>
Quyền của thành viên, nhóm từ 10% vốn điều lệ <i>Rights of a member or group with 10%</i>	Yêu cầu triệu tập họp; xem sổ kế toán, báo cáo tài chính, sổ đăng ký thành viên, biên bản, nghị quyết; yêu cầu Tòa án hủy nghị quyết trong 90 ngày <i>Require a meeting; inspect accounts, financial statements, the register, minutes, resolutions; ask the court to annul a resolution within 90 days</i>	Điều 49 khoản 2 <i>Art. 49(2)</i>
Thành viên thiểu số khi có người trên 90% <i>Minority where one member holds over 90%</i>	Nhóm thành viên còn lại đương nhiên có các quyền của khoản 2 <i>The remaining members automatically have the clause 2 rights</i>	Điều 49 khoản 3 <i>Art. 49(3)</i>
Nghĩa vụ <i>Duties</i>	Góp đủ, đúng hạn; không rút vốn trừ các điều 51, 52, 53, 68; tuân thủ Điều lệ, chấp hành nghị quyết; chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty vi phạm pháp luật, giao dịch không vì lợi ích công ty <i>Pay in full and on time; no withdrawal save under Articles 51, 52, 53, 68; obey the charter and resolutions; personal liability for unlawful acts or self-serving dealings in the company's name</i>	Điều 50 <i>Art. 50</i>

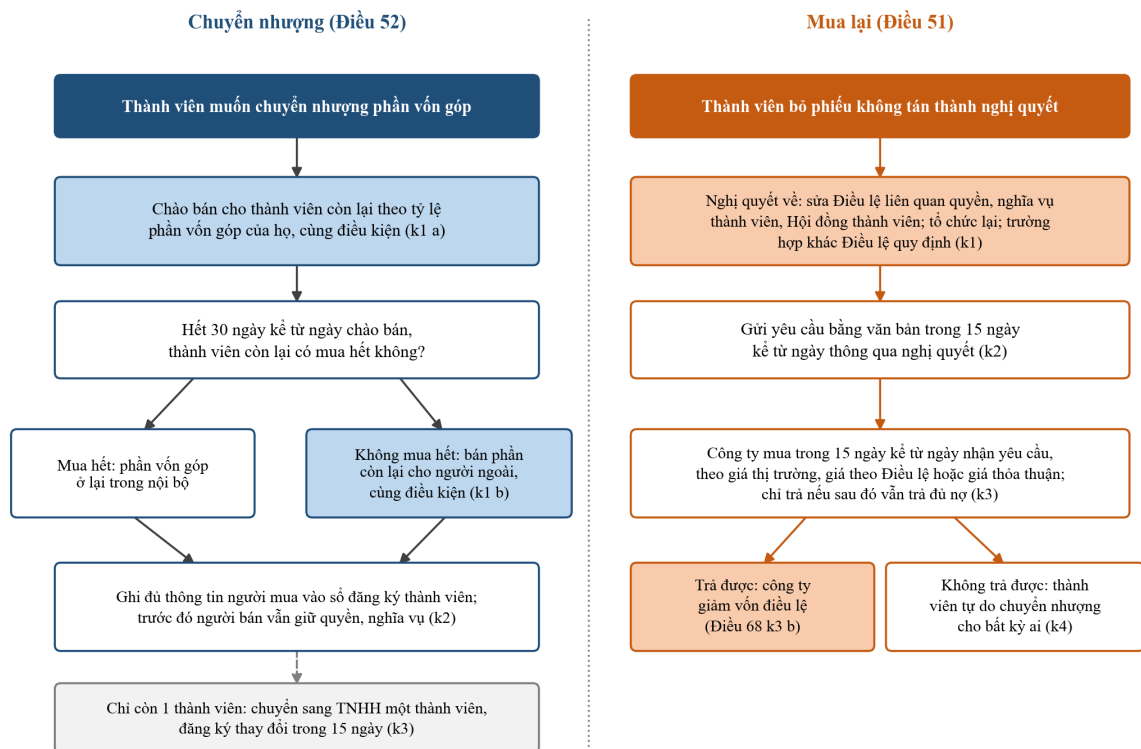
Điều 50 khoản 2 đặt nguyên tắc: “Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các điều 51, 52, 53 và 68 của Luật này.” Như vậy thành viên muốn ra khỏi công ty chỉ có các con đường: chuyển nhượng (Điều 52), yêu cầu mua lại (Điều 51), các trường hợp đặc biệt (Điều 53) hoặc được hoàn trả khi công ty giảm vốn điều lệ (Điều 68).

Article 50(2) lays down the principle: members may not withdraw contributed capital in any form, except under Articles 51, 52, 53 and 68. A member who wants to leave therefore has these routes only: transfer (Article 52), redemption (Article 51), the special cases (Article 53) or a return of capital on a reduction (Article 68).

Chuyển nhượng phần vốn góp (Điều 52) — *Transfer of capital contributions (Article 52)*

Điều 52 khoản 1 cho phép thành viên chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo trình tự: điểm a — “Chào bán phần vốn góp đó cho thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của thành viên còn lại trong công ty với cùng điều kiện chào bán”; điểm b — “Chuyển nhượng với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại quy định tại điểm a khoản này cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán.” Điểm a được sửa bởi khoản 15 Điều 1 Luật 76/2025/QH15, hiệu lực từ 01/7/2025. Khoản 2: “Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 48 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên.”

Article 52(1) lets a member transfer part or all of a contribution in this order: point a — offer it to the remaining members in proportion to their contributions on the same terms; point b — transfer it on the same terms to a non-member if the remaining members do not buy, or do not buy all, within 30 days of the offer. Point a was amended by Article 1(15) of Law 76/2025/QH15, in force from 1 July 2025. Clause 2: the transferor keeps the rights and duties attached to the contribution until the buyer's details are fully entered in the register of members.



Hình 3.3. Trình tự chuyển nhượng và mua lại phần vốn góp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên

Figure 3.3. Steps for transferring and redeeming capital contributions in a multi-member limited liability company

VÍ DỤ / EXAMPLE — Ngày 1/9/2026 bà Mai chào bán toàn bộ 1,6 tỷ đồng phần vốn góp với giá 2,0 tỷ đồng, thanh toán một lần. Ba thành viên còn lại được mua theo tỷ lệ phần vốn góp của họ (4,0 : 1,6 : 0,8).

On 1 September 2026 Ms Mai offers her whole VND 1.6 billion contribution for VND 2.0 billion, payable at once. The three other members may buy in proportion to their holdings (4.0 : 1.6 : 0.8).

Thành viên được chào bán <i>Offeree</i>	Tỷ lệ trong phần còn lại <i>Share of the rest</i>	Phần vốn được mua (tỷ đồng) <i>Contribution offered (VND bn)</i>	Giá phải trả (tỷ đồng) <i>Price (VND bn)</i>	Quyết định trong 30 ngày <i>Decision within 30 days</i>
Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr Nguyễn Văn Hòa</i>	10/16	1,0 <i>1.0</i>	1,25 <i>1.25</i>	Mua <i>Buys</i>
Công ty CP Đầu tư Minh Khang <i>Minh Khang Investment JSC</i>	4/16	0,4 <i>0.4</i>	0,5 <i>0.5</i>	Không mua <i>Declines</i>
Ông Lê Quốc Bảo <i>Mr Lê Quốc Bảo</i>	2/16	0,2 <i>0.2</i>	0,25 <i>0.25</i>	Không mua <i>Declines</i>

1. Thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán kết thúc ngày **1/10/2026**. Chỉ ông Hòa mua 1,0 tỷ đồng với giá 1,25 tỷ đồng.

*The 30-day period from the offer ends on **1 October 2026**. Only Mr Hòa buys VND 1.0 billion for VND 1.25 billion.*

2. Phần còn lại 0,6 tỷ đồng được bán cho Công ty TNHH Nông sản Sông Hậu với **cùng điều kiện**: giá 0,75 tỷ đồng, trả một lần (Điều 52 khoản 1 điểm b). Bán cho người ngoài với giá thấp hơn giá đã chào cho thành viên là trái luật.

*The remaining VND 0.6 billion goes to Sông Hậu Farm Produce Co., Ltd on **the same terms**: VND 0.75 billion, payable at once (Article 52(1)(b)). Selling to an outsider below the price offered to members would be unlawful.*

3. Cơ cấu sau chuyển nhượng: ông Hòa 62,5%, Minh Khang 20%, ông Bảo 10%, Sông Hậu 7,5%; vốn điều lệ vẫn 8,0 tỷ đồng. Bà Mai giữ quyền, nghĩa vụ đến khi thông tin Sông Hậu được ghi đủ vào sổ đăng ký thành viên.

Structure after transfer: Mr Hòa 62.5%, Minh Khang 20%, Mr Bảo 10%, Sông Hậu 7.5%; charter capital stays VND 8.0 billion. Ms Mai keeps her rights and duties until Sông Hậu is fully entered in the register.

Mua lại phần vốn góp (Điều 51) — *Redemption of capital contributions (Article 51)*

Điều 51 khoản 1: “Thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về vấn đề sau đây: a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên; b) Tổ chức lại công ty; c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.” Khoản 2: “Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này.” Khoản 3: công ty

phải mua trong 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, theo giá thị trường hoặc giá xác định theo nguyên tắc của Điều lệ, trừ khi hai bên thỏa thuận được giá; “Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.” Khoản 4: “Trường hợp công ty không thanh toán được phần vốn góp được yêu cầu mua lại theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thành viên đó có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người không phải là thành viên công ty.”

Article 51(1): a member may require the company to buy back his contribution if he voted against a resolution or decision of the members' council on: (a) amending charter provisions on the rights and duties of members or of the council; (b) reorganising the company; (c) other cases set by the charter. Clause 2: the request must be in writing and reach the company within 15 days of the resolution. Clause 3: the company must buy within 15 days of receiving it, at market price or a price set by the charter's formula, unless a price is agreed; payment is allowed only if the company can still pay all its debts and other property obligations afterwards. Clause 4: if the company cannot pay, the member may transfer freely to another member or a non-member.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng thành viên vắng mặt, bỏ phiếu trắng hoặc bỏ phiếu tán thành cũng được yêu cầu mua lại. Chỉ thành viên **đã bỏ phiếu không tán thành** mới có quyền này, và chỉ với ba nhóm vấn đề của Điều 51 khoản 1. Nghị quyết bán tài sản lớn hay giải thể không thuộc danh sách đó nếu Điều lệ không bổ sung.

*Thinking that absent members, abstainers or members who voted in favour may also demand redemption. Only a member who **voted against** has this right, and only for the three groups in Article 51(1). Resolutions to sell major assets or to dissolve are outside the list unless the charter adds them.*

Xử lý phần vốn góp trong trường hợp đặc biệt (Điều 53) — *Contributions in special situations (Article 53)*

Sự kiện <i>Event</i>	Cách xử lý <i>Treatment</i>	Khoản <i>Clause</i>
Thành viên là cá nhân chết <i>Individual member dies</i>	Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là thành viên; không muốn thì phần vốn góp được mua lại hoặc chuyển nhượng <i>The heir becomes a member; if unwilling, the contribution is redeemed or transferred</i>	1, 4 a <i>1, 4(a)</i>
Không có người thừa kế, từ chối, bị truất quyền <i>No heir, renunciation or disinheritance</i>	Giải quyết theo pháp luật dân sự <i>Governed by civil law</i>	5
Bị Tòa án tuyên bố mất tích <i>Declared missing by a court</i>	Quyền, nghĩa vụ thực hiện qua người quản lý tài sản <i>Exercised through the property administrator</i>	2

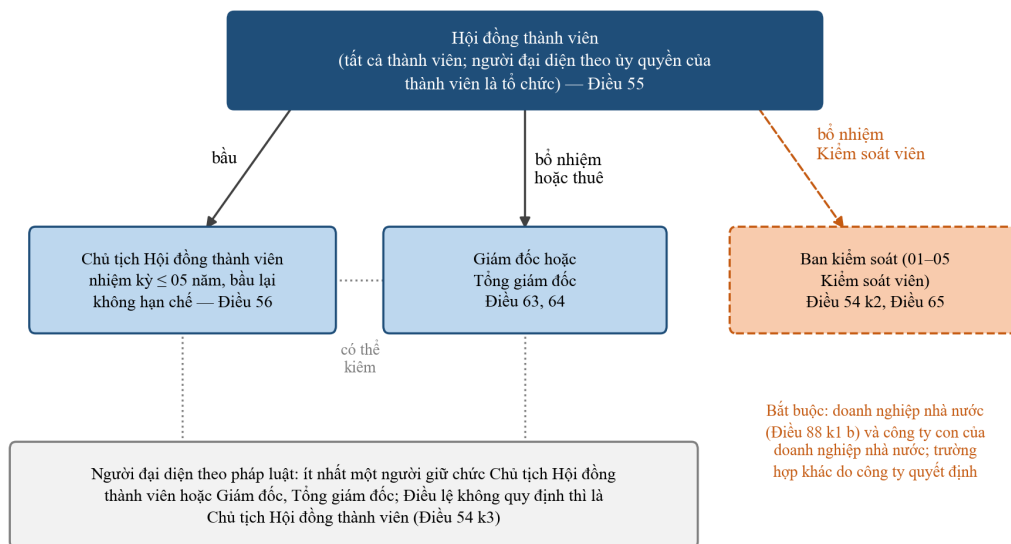
Sự kiện <i>Event</i>	Cách xử lý <i>Treatment</i>	Khoản <i>Clause</i>
Hạn chế, mất năng lực hành vi dân sự; khó khăn trong nhận thức <i>Restricted or lost capacity, cognitive difficulty</i>	Thực hiện qua người đại diện <i>Exercised through a representative</i>	3
Tặng cho phần vốn góp <i>Gift of a contribution</i>	Người được tặng cho thuộc diện thừa kế theo pháp luật đương nhiên là thành viên; người khác cần Hội đồng thành viên chấp thuận <i>A donee who is an heir at law becomes a member automatically; others need council approval</i>	6
Dùng phần vốn góp trả nợ <i>Contribution used to pay a debt</i>	Người nhận thành thành viên nếu Hội đồng thành viên chấp thuận, hoặc chào bán theo Điều 52 <i>The creditor becomes a member with council approval, or offers it under Article 52</i>	7
Bị tạm giam, chấp hành án phạt tù <i>In custody or serving a prison sentence</i>	Ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ <i>Authorises another person to act</i>	8
Thành viên là tổ chức giải thể, phá sản <i>Corporate member dissolved or bankrupt</i>	Phần vốn góp được mua lại hoặc chuyển nhượng <i>Contribution redeemed or transferred</i>	4 c 4(c)

VÍ DỤ / EXAMPLE — Ông Bảo tặng 0,2 tỷ đồng phần vốn góp cho cháu ruột gọi ông là chú ruột, và 0,1 tỷ đồng cho một người bạn. Người cháu thuộc hàng thừa kế thứ ba của ông Bảo (Điều 651 khoản 1 điểm c Bộ luật Dân sự) nên đương nhiên là thành viên; người bạn chỉ trở thành thành viên khi Hội đồng thành viên chấp thuận (Điều 53 khoản 6).
Mr Bảo gives VND 0.2 billion of his contribution to his nephew (Mr Bảo being the nephew's paternal uncle) and VND 0.1 billion to a friend. The nephew is in Mr Bảo's third line of heirs (Article 651(1)(c), Civil Code) and becomes a member automatically; the friend becomes a member only if the members' council approves (Article 53(6)).

3.4. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty TNHH hai thành viên trở lên — *Management structure of the multi-member limited liability company*

Điều 54 khoản 1: “Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.” Ban kiểm soát bắt buộc với công ty là doanh nghiệp nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 88 và công ty con của doanh nghiệp nhà nước; trường hợp khác do công ty quyết định (khoản 2). Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc, Tổng giám đốc; “Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của công ty.” (khoản 3).

Article 54(1): a multi-member company has a members' council, a chair of the members' council and a director or general director. A supervisory board is compulsory for companies that are state-owned enterprises under Article 88(1)(b) and for subsidiaries of state-owned enterprises; otherwise the company decides (clause 2). At least one legal representative must hold the post of chair or director/general director; if the charter is silent, the chair is the legal representative (clause 3).



Hình 3.4. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty TNHH hai thành viên trở lên (Điều 54)
Figure 3.4. Management structure of a multi-member limited liability company (Article 54)

Hội đồng thành viên — *The members' council*

Điều 55 khoản 1: “Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên công ty là tổ chức.” “Điều lệ công ty quy định kỳ họp Hội đồng thành viên, nhưng ít nhất mỗi năm phải họp một lần.” Khoản 2 liệt kê thẩm quyền; bảng dưới gom thành bốn nhóm.

Article 55(1): the members' council is the company's highest decision-making body, consisting of all individual members and the authorised representatives of corporate members. The charter sets the meeting cycle, but the council must meet at least once a year. Clause 2 lists its powers; the table groups them.

Nhóm <i>Group</i>	Thẩm quyền của Hội đồng thành viên (Điều 55 khoản 2) <i>Powers of the council (Article 55(2))</i>
Chiến lược, đầu tư <i>Strategy and investment</i>	Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm; dự án đầu tư phát triển; thị trường, tiếp thị, chuyển giao công nghệ (điểm a, c) <i>Development strategy and annual business plan; investment projects; market, marketing and technology transfer (points a, c)</i>

Nhóm <i>Group</i>	Thẩm quyền của Hội đồng thành viên (Điều 55 khoản 2) <i>Powers of the council (Article 55(2))</i>
Vốn, tài sản <i>Capital and assets</i>	Tăng, giảm vốn điều lệ, huy động vốn, phát hành trái phiếu; hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên hoặc tỷ lệ nhỏ hơn theo Điều lệ (điểm b, d) <i>Increase or reduction of charter capital, fund-raising, bonds; loans and asset sales worth 50% of total assets or a lower charter threshold (points b, d)</i>
Nhân sự quản lý <i>Management appointments</i>	Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch; bổ nhiệm, ký hợp đồng với Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên; lương, thưởng người quản lý (điểm đ, e) <i>Electing and removing the chair; appointing and contracting the director, chief accountant and supervisors; managers' pay (points đ, e)</i>
Tổ chức, tồn tại của công ty <i>Organisation and existence</i>	Báo cáo tài chính, phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ; cơ cấu tổ chức; công ty con, chi nhánh; sửa Điều lệ; tổ chức lại; giải thể, yêu cầu phá sản (điểm g–m) <i>Financial statements, profit distribution, losses; structure; subsidiaries and branches; charter amendments; reorganisation; dissolution or bankruptcy petition (points g–m)</i>

Triệu tập họp Hội đồng thành viên (Điều 57) — *Calling members' council meetings (Article 57)*

- Người có quyền yêu cầu triệu tập: Chủ tịch Hội đồng thành viên; thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ hoặc tỷ lệ nhỏ hơn theo Điều lệ; nhóm thành viên còn lại khi có một thành viên sở hữu trên 90% vốn điều lệ (khoản 1; Điều 49 khoản 2, 3). “Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên.”

Who may require a meeting: the chair; a member or group holding 10% of charter capital or a lower charter figure; the remaining members where one member holds more than 90% (clause 1; Article 49(2) and (3)). If the chair fails to call the meeting within 15 days of the request, the requesting member or group may call it.

- Yêu cầu đủ nội dung: Chủ tịch phải triệu tập trong 15 ngày; yêu cầu thiếu nội dung: thông báo bằng văn bản việc không triệu tập trong 07 ngày làm việc (khoản 7). Không triệu tập đúng quy định thì chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại (khoản 8).

A complete request must be acted on within 15 days; an incomplete one must be refused in writing within 07 working days (clause 7). A chair who fails to comply is personally liable for resulting damage (clause 8).

- “Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua chiến lược phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày họp.” (khoản 5). Kiến nghị bổ sung chương trình gửi đến trụ sở chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp (khoản 3).

Papers for charter amendments, the development strategy, annual financial statements,

reorganisation or dissolution must reach members at least 07 working days before the meeting (clause 5). Proposals to add agenda items must reach the head office at least 01 working day before the meeting (clause 3).

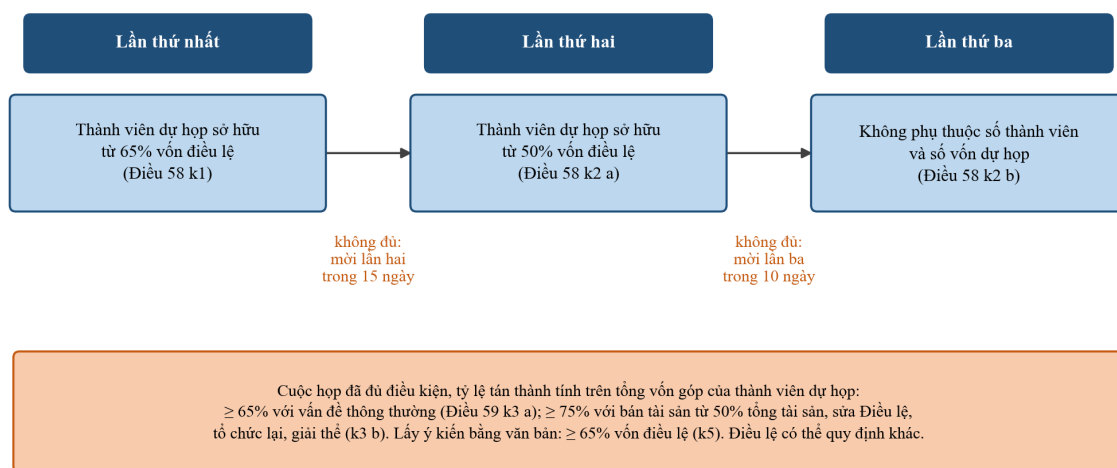
- Khoản 9 (bổ sung bởi Luật 76/2025/QH15): khi Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ theo Điều 56 khoản 4, việc mời họp, triệu tập áp dụng tương ứng các khoản 2–6; chi phí hợp lý được công ty hoàn lại.

Clause 9 (added by Law 76/2025/QH15): where the chair is absent or unable to act under Article 56(4), clauses 2–6 apply correspondingly to the notice and calling of the meeting; reasonable costs are reimbursed by the company.

Điều kiện tiến hành họp (Điều 58) — *Quorum (Article 58)*

Khoản 1: “Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.” Khoản 2 điểm a: “Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên”; điểm b: “thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.” Khoản 4: “Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến thì có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.”

Clause 1: a meeting proceeds when those present hold 65% of charter capital or more; the charter sets the exact figure. Clause 2(a): notice of the second meeting must be sent within 15 days of the intended date of the first; the second meeting proceeds when those present hold 50% or more. Point b: notice of the third meeting must be sent within 10 days of the intended date of the second; the third meeting proceeds regardless of attendance or capital represented. Clause 4: a quorate meeting that does not finish its agenda may be extended, but by no more than 30 days from its opening.



Hình 3.5. Điều kiện tiến hành họp Hội đồng thành viên và ngưỡng thông qua nghị quyết
Figure 3.5. *Quorum for members' council meetings and adoption thresholds*

Tỷ lệ thông qua nghị quyết (Điều 59, 62) — Adoption thresholds (Articles 59 and 62)

Khoản 2 Điều 59: nếu Điều lệ không quy định khác, năm nhóm vấn đề phải biểu quyết tại cuộc họp: sửa Điều lệ; phương hướng phát triển; bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc; báo cáo tài chính hằng năm; tổ chức lại, giải thể. Khoản 3 điểm a: “Được các thành viên dự họp sở hữu từ 65% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự họp trở lên tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này”; điểm b: “Được các thành viên dự họp sở hữu từ 75% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự họp trở lên tán thành đối với nghị quyết, quyết định bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.” Khoản 5: “Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.”

Article 59(2): unless the charter says otherwise, five groups of matters must be voted on at a meeting: charter amendments; development direction; electing or removing the chair and appointing or removing the director; annual financial statements; reorganisation and dissolution. Clause 3(a): adoption needs members present holding 65% or more of the total capital of all members present, except under point b; point b: 75% or more for selling assets worth 50% or more of total assets in the latest financial statements (or a lower charter figure), amending the charter, reorganisation and dissolution. Clause 5: a written resolution is adopted when members holding 65% or more of charter capital approve; the charter sets the exact figure.

$$\text{Tỷ lệ tán thành} = \frac{\text{vốn góp của thành viên tán thành}}{\text{tổng vốn góp của thành viên dự họp}} \times 100\% \quad (3.2)$$

VÍ DỤ / EXAMPLE — Ngày 15/12/2026 Hội đồng thành viên Phú An họp đủ bốn thành viên (ông Hòa 50%, Minh Khang 20%, bà Mai 20%, ông Bảo 10%). Cơ sở tính là toàn bộ 8,0

tỷ đồng vì mọi thành viên đều dự họp.

On 15 December 2026 Phú An's council meets with all four members present (Mr Hòa 50%, Minh Khang 20%, Ms Mai 20%, Mr Bảo 10%). The base is the whole VND 8.0 billion because every member attends.

Vấn đề <i>Item</i>	Tán thành <i>In favour</i>	Tỷ lệ <i>Share</i>	Ngưỡng <i>Threshold</i>	Kết quả <i>Result</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Kế hoạch kinh doanh năm 2027 <i>2027 business plan</i>	ông Hòa, ông Bảo <i>Mr Hòa, Mr Bảo</i>	60%	65%	Không thông qua <i>Rejected</i>	Điều 59 khoản 3 điểm a <i>Art. 59(3)(a)</i>
Bầu ông Hòa làm Chủ tịch Hội đồng thành viên <i>Electing Mr Hòa chair of the members' council</i>	ông Hòa, bà Mai <i>Mr Hòa, Ms Mai</i>	70%	65%	Thông qua <i>Adopted</i>	Điều 59 khoản 2 điểm c, khoản 3 điểm a <i>Art. 59(2)(c), (3)(a)</i>
Báo cáo tài chính năm 2026 <i>2026 annual financial statements</i>	ông Hòa, Minh Khang, ông Bảo <i>Mr Hòa, Minh Khang, Mr Bảo</i>	80%	65%	Thông qua <i>Adopted</i>	Điều 59 khoản 2 điểm d, khoản 3 điểm a <i>Art. 59(2)(d), (3)(a)</i>
Bán kho lạnh trị giá 55% tổng giá trị tài sản <i>Selling a cold store worth 55% of total assets</i>	ông Hòa, Minh Khang <i>Mr Hòa, Minh Khang</i>	70%	75%	Không thông qua <i>Rejected</i>	Điều 59 khoản 3 điểm b <i>Art. 59(3)(b)</i>
Sửa Điều lệ: thu hẹp quyền xem sổ kế toán của thành viên <i>Charter amendment narrowing members' access to the accounts</i>	ông Hòa, Minh Khang, ông Bảo <i>Mr Hòa, Minh Khang, Mr Bảo</i>	80%	75%	Thông qua <i>Adopted</i>	Điều 59 khoản 3 điểm b <i>Art. 59(3)(b)</i>
Mở chi nhánh tại Đồng Tháp <i>Opening a branch in Đồng Tháp</i>	Minh Khang, bà Mai, ông Bảo <i>Minh Khang, Ms Mai, Mr Bảo</i>	50%	65%	Không thông qua <i>Rejected</i>	Điều 59 khoản 3 điểm a <i>Art. 59(3)(a)</i>

Hai kết quả cần chú ý. Vấn đề bán kho lạnh đạt 70%, vượt ngưỡng thông thường nhưng dưới 75% nên không thông qua. Nghị quyết sửa Điều lệ đạt 80% nên được thông qua, nhưng bà Mai đã bỏ phiếu không tán thành một nội dung liên quan quyền của thành viên, nên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp (Bài tập 2 cuối chương).

Two results deserve attention. The cold-store sale reaches 70%, above the ordinary threshold but below 75%, so it fails. The charter amendment reaches 80% and passes, but Ms Mai voted

against a change affecting members' rights and may therefore demand redemption (Exercise 2 at the end of the chapter).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Nếu kế hoạch kinh doanh được lấy ý kiến bằng văn bản và chỉ ông Hòa, ông Bảo tán thành, tỷ lệ là 60% **vốn điều lệ**, dưới 65% nên không thông qua (Điều 59 khoản 5). Cũng hai người đó, nếu là hai thành viên duy nhất có mặt ở cuộc họp lần thứ ba, sẽ thông qua được với 100% vốn góp dự họp. Cơ sở tính của hai hình thức khác nhau.

*If the business plan is put to a written resolution and only Mr Hòa and Mr Bảo approve, they hold 60% of **charter capital**, below 65%, so it fails (Article 59(5)). The same two, if they were the only members at a third meeting, would carry it with 100% of the capital present. The two procedures use different bases.*

Hiệu lực. Điều 62 khoản 1: nghị quyết có hiệu lực từ ngày thông qua hoặc ngày ghi trong nghị quyết. Khoản 2: “Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua bằng 100% tổng số vốn điều lệ là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng quy định.” Khoản 3: khi có yêu cầu Tòa án, Trọng tài hủy bỏ, nghị quyết vẫn được thi hành cho đến khi có quyết định hủy có hiệu lực, trừ khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Effect. Article 62(1): a resolution takes effect on adoption or on the date it states. Clause 2: a resolution adopted by 100% of charter capital is lawful and effective even if the adoption procedure was not followed. Clause 3: if a court or arbitral tribunal is asked to annul it, the resolution remains enforceable until an annulment decision takes effect, unless interim measures are ordered.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Lẫn hai con số 65%. **65% vốn điều lệ** ở Điều 58 khoản 1 là điều kiện để cuộc họp lần thứ nhất được tiến hành; **65% tổng vốn góp của thành viên dự họp** ở Điều 59 khoản 3 điểm a là ngưỡng thông qua. Chỉ khi lấy ý kiến bằng văn bản (khoản 5) mới tính 65% trên vốn điều lệ.

*Mixing up the two 65% figures. 65% of **charter capital** in Article 58(1) is the quorum for the first meeting; 65% of **the capital of those present** in Article 59(3)(a) is the adoption threshold. Only written resolutions (clause 5) use 65% of charter capital.*

Chủ tịch Hội đồng thành viên (Điều 56) — Chair of the members' council (Article 56)

Khoản 1: “Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty.” Khoản 3: “Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên do Điều lệ công ty quy định nhưng không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.” Chủ tịch chuẩn bị chương trình, triệu tập, chủ tọa cuộc họp hoặc tổ chức lấy ý kiến, giám sát việc thực hiện và thay mặt Hội đồng thành viên ký nghị quyết (khoản 2). Chủ tịch vắng mặt phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên; không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch chết, mất tích, bị tạm giam... thì một thành viên triệu tập các thành viên còn lại bầu Chủ tịch tạm thời theo nguyên tắc đa số (khoản 4).

Clause 1: the council elects one member as chair, who may also be the director or general director. Clause 3: the term is set by the charter but may not exceed 05 years, with unlimited re-election. The chair prepares the agenda, calls and chairs meetings or written consultations,

supervises implementation and signs resolutions on the council's behalf (clause 2). An absent chair must authorise a member in writing; if no one is authorised, or the chair dies, goes missing, is detained and so on, one member convenes the others to elect an interim chair by majority (clause 4).

Giám đốc, Tổng giám đốc (Điều 63, 64) — *Director or general director (Articles 63 and 64)*

Điều 63 khoản 1: “Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.” Khoản 2 giao quyền tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định công việc kinh doanh hằng ngày, ban hành quy chế quản lý nội bộ (trừ khi Điều lệ quy định khác), bổ nhiệm người quản lý không thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên, ký hợp đồng nhân danh công ty (trừ thẩm quyền của Chủ tịch), trình báo cáo tài chính, tuyển dụng lao động. Điều 64: Giám đốc không thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 17, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản trị kinh doanh và điều kiện khác theo Điều lệ.

Article 63(1): the director or general director runs the company's day-to-day business and answers to the members' council. Clause 2 empowers him to implement resolutions, decide day-to-day matters, issue internal rules (unless the charter says otherwise), appoint managers outside the council's remit, sign contracts in the company's name (except those reserved to the chair), submit financial statements and hire staff. Article 64: the director must not fall under Article 17(2) and must have the expertise, management experience and other qualifications the charter requires.

Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (Điều 54 khoản 2, Điều 65) — *Supervisory board (Articles 54(2) and 65)*

Điều 65 khoản 1: “Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.” Ban chỉ có một Kiểm soát viên thì người đó đồng thời là Trưởng Ban và phải đủ tiêu chuẩn Trưởng Ban. Tiêu chuẩn theo khoản 2 Điều 168 và Điều 169; quyền, nghĩa vụ theo các điều 106, 170–174 (khoản 2, 3). Phú An không phải doanh nghiệp nhà nước nên tự quyết định có lập Ban kiểm soát hay không.

Article 65(1): a supervisory board has 01 to 05 supervisors, each serving up to 05 years and reappointable without limit. A sole supervisor is also head of the board and must meet the head's criteria. Criteria follow Articles 168(2) and 169; powers and duties follow Articles 106 and 170–174 (clauses 2, 3). Phú An is not a state-owned enterprise and decides for itself whether to have a board.

Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận (Điều 67) — *Contracts requiring council approval (Article 67)*

Hợp đồng giữa công ty với thành viên, người đại diện theo ủy quyền, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, người quản lý công ty mẹ và người có liên quan của họ phải được Hội đồng thành viên chấp thuận trong 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo, theo tỷ lệ của khoản 3 Điều 59 (Điều 67 khoản 1, 2). “Thành viên Hội đồng thành viên có liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.” Ký sai quy định

thì hợp đồng bị Tòa án tuyên vô hiệu; người ký và người có liên quan phải bồi thường, hoàn trả lợi ích (khoản 3).

Contracts between the company and its members, authorised representatives, director, legal representative, managers of the parent company or their related persons need council approval within 15 days of notice, using the thresholds of Article 59(3) (Article 67(1), (2)). A council member related to a party is not counted in the vote. A contract signed in breach is declared void by the court; the signatory and related persons must compensate and return the benefits (clause 3).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Phú An định thuê kho của một công ty do vợ ông Hòa làm chủ. Vợ là người có liên quan của ông Hòa (Điều 4 khoản 23), nên ông Hòa không được tính vào biểu quyết. Cơ sở tính chỉ còn vốn của Minh Khang, bà Mai, ông Bảo: 4,0 tỷ đồng. Minh Khang và bà Mai tán thành: $3,2 : 4,0 = 80\%$, đạt 65%, hợp đồng được chấp thuận.

Phú An plans to lease a warehouse from a company owned by Mr Hòa's wife. The wife is Mr Hòa's related person (Article 4(23)), so he is not counted in the vote. The base is the capital of Minh Khang, Ms Mai and Mr Bảo: VND 4.0 billion. Minh Khang and Ms Mai approve: $3.2 : 4.0 = 80\%$, above 65%, so the contract is approved.

3.5. Công ty TNHH một thành viên — The single-member limited liability company

Điều 74 khoản 1: “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty). Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.” Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không được phát hành cổ phần trừ để chuyển đổi thành công ty cổ phần, được phát hành trái phiếu (khoản 2–4).

Article 74(1): a single-member limited liability company is an enterprise owned by one organisation or one individual (the company owner), who is liable for its debts and other property obligations up to the charter capital. It has legal personality from the issue of the registration certificate, may not issue shares except to convert into a joint stock company, and may issue bonds (clauses 2–4).

Góp vốn của chủ sở hữu (Điều 75) — The owner's capital contribution (Article 75)

Chủ sở hữu góp đủ, đúng loại tài sản trong 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận (khoản 2). Khoản 3: “Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, chủ sở hữu công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ bằng giá trị số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ.” Trong trường hợp đó chủ sở hữu chịu trách nhiệm tương ứng phần vốn đã cam kết với nghĩa vụ tài chính phát sinh trước ngày đăng ký thay đổi. Khoản 4: “Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ theo quy định tại Điều này.”

The owner must contribute the full amount and type of assets within 90 days of the certificate (clause 2). Clause 3: if the charter capital is not fully paid in time, the owner must register the reduced figure within 30 days of the last contribution day, remaining liable up to the committed

amount for financial obligations arising before that registration. Clause 4: the owner is liable with all personal assets for the company's financial obligations and damage caused by failing to pay, paying short or paying late.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Ông Hòa lập Công ty TNHH Chế biến Phú An, vốn điều lệ cam kết 3,0 tỷ đồng, Giấy chứng nhận cấp ngày 18/5/2026.

Mr Hòa forms Phú An Processing Co., Ltd with committed charter capital of VND 3.0 billion; the certificate is issued on 18 May 2026.

1. Ngày thứ 90 là 16/8/2026, Chủ nhật. Theo Điều 148 khoản 5 Bộ luật Dân sự, thời hạn kết thúc vào cuối ngày làm việc tiếp theo: **17/8/2026**.

*Day 90 is 16 August 2026, a Sunday. Under Article 148(5) of the Civil Code the period ends at the end of the next working day: **17 August 2026**.*

2. Đến hạn ông Hòa góp 2,2 tỷ đồng. Công ty phải đăng ký vốn điều lệ 2,2 tỷ đồng chậm nhất **16/9/2026** (Điều 75 khoản 3).

*By the deadline Mr Hòa has paid VND 2.2 billion. The company must register charter capital of VND 2.2 billion by **16 September 2026** (Article 75(3)).*

3. Với nghĩa vụ tài chính phát sinh trước ngày đăng ký thay đổi, ông Hòa chịu trách nhiệm trong phạm vi 3,0 tỷ đồng đã cam kết; thiệt hại do góp thiếu, góp chậm thì chịu bằng toàn bộ tài sản (khoản 3, 4).

For financial obligations arising before the change is registered, Mr Hòa is liable up to the VND 3.0 billion committed; for damage caused by short or late payment he is liable with all his assets (clauses 3, 4).

Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu (Điều 76, 77) — The owner's rights and duties (Articles 76 and 77)

Nội dung <i>Matter</i>	Chủ sở hữu là tổ chức <i>Corporate owner</i>	Chủ sở hữu là cá nhân <i>Individual owner</i>
Phạm vi quyền <i>Scope of rights</i>	15 nhóm quyền liệt kê tại Điều 76 khoản 1 điểm a–o <i>The 15 groups in Article 76(1)(a)–(o)</i>	Các điểm a, h, l, m, n, o khoản 1; quyết định đầu tư, kinh doanh, quản trị nội bộ, trừ khi Điều lệ quy định khác (khoản 2) <i>Points a, h, l, m, n, o of clause 1; decides investment, business and internal governance unless the charter says otherwise (clause 2)</i>
Tách bạch tài sản <i>Separation of assets</i>	Tách tài sản của chủ sở hữu với tài sản công ty (Điều 77 khoản 3) <i>Keep owner's and company's assets apart (Article 77(3))</i>	Thêm: tách chi tiêu cá nhân, gia đình với chi tiêu của Chủ tịch công ty, Giám đốc <i>Also keep personal and family spending apart from that of the company president and director</i>

Nội dung <i>Matter</i>	Chủ sở hữu là tổ chức <i>Corporate owner</i>	Chủ sở hữu là cá nhân <i>Individual owner</i>
Rút vốn <i>Withdrawal of capital</i>	Chỉ bằng cách chuyển nhượng vốn điều lệ; rút cách khác thì liên đới chịu trách nhiệm về nợ (Điều 77 khoản 5) <i>Only by transferring charter capital; any other withdrawal brings joint liability for debts (Article 77(5))</i>	Như chủ sở hữu tổ chức <i>As for a corporate owner</i>
Rút lợi nhuận <i>Taking profits</i>	Không được rút khi công ty chưa trả đủ nợ đến hạn (Điều 77 khoản 6) <i>Not while due debts are unpaid (Article 77(6))</i>	Như chủ sở hữu tổ chức <i>As for a corporate owner</i>
Giao dịch với người có liên quan <i>Related-party contracts</i>	Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên chấp thuận trong 10 ngày, giá thị trường (Điều 86 khoản 1–4) <i>Approval by the council or president, director and supervisor within 10 days, at market price (Article 86(1)–(4))</i>	Ghi chép, lưu thành hồ sơ riêng của công ty (Điều 86 khoản 6) <i>Recorded and kept in a separate company file (Article 86(6))</i>

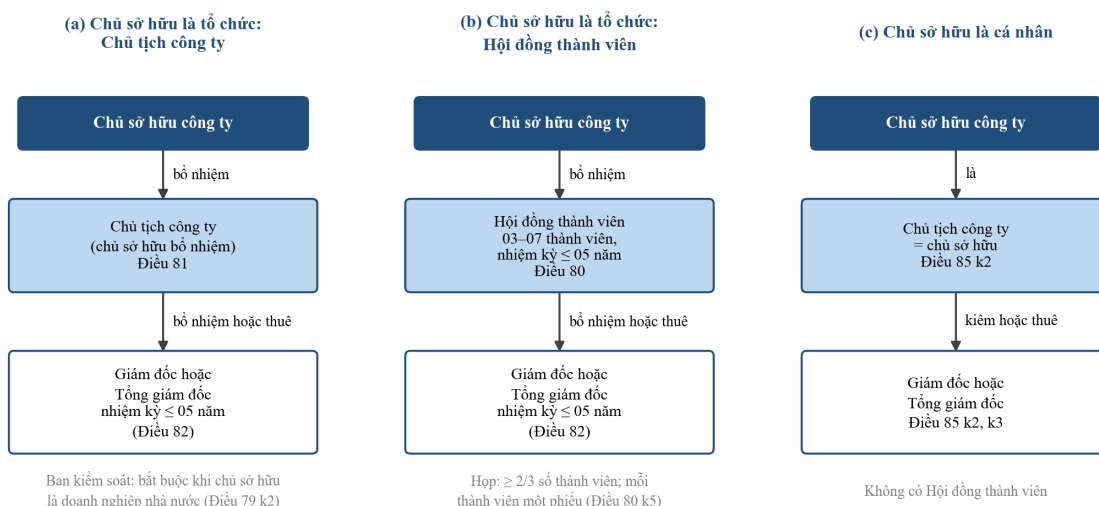
Cơ cấu tổ chức quản lý (Điều 79–85) — *Management structure (Articles 79–85)*

Chủ sở hữu là tổ chức. Điều 79 khoản 1: “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu được tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây: a) Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; b) Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.” Ban kiểm soát bắt buộc khi chủ sở hữu là doanh nghiệp nhà nước (khoản 2). Người đại diện theo pháp luật giữ một trong các chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc; Điều lệ không quy định thì là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (khoản 3). Điều 80 khoản 1: “Hội đồng thành viên có từ 03 đến 07 thành viên. Thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm.” Điều 81 khoản 1: “Chủ tịch công ty do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm.” Điều 82 khoản 1: “Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.”

Corporate owner. Article 79(1): the company is managed under one of two models: (a) company president and director or general director; (b) members' council and director or general director. A supervisory board is compulsory where the owner is a state-owned enterprise (clause 2). The legal representative holds the post of council chair, company president or director; if the charter is silent, the council chair or company president (clause 3). Article 80(1): the council has 3 to 7 members appointed and removed by the owner for terms of up to 05 years. Article 81(1): the company president is appointed by the owner. Article 82(1): the council or president appoints or hires the director for a term of up to 05 years to run day-to-day business.

Chủ sở hữu là cá nhân. Điều 85 khoản 1: “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.” Khoản 2: “Chủ sở hữu công ty là Chủ tịch công ty và có thể kiêm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.” Quyền, nghĩa vụ của Giám đốc do Điều lệ và hợp đồng lao động quy định (khoản 3).

Individual owner. Article 85(1): the company has a company president and a director or general director. Clause 2: the owner is the company president and may also act as, or hire, the director. The director's rights and duties are set by the charter and the employment contract (clause 3).



Hình 3.6. Ba mô hình quản lý công ty TNHH một thành viên (Điều 79, 85)

Figure 3.6. The three management models of a single-member limited liability company (Articles 79 and 85)

Hợp và biểu quyết của Hội đồng thành viên. Điều 80 khoản 5: “Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên dự họp. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì mỗi thành viên Hội đồng thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau.” Khoản 6: “Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có trên 50% số thành viên dự họp tán thành hoặc số thành viên dự họp sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.” “Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty phải được ít nhất 75% số thành viên dự họp tán thành hoặc số thành viên dự họp sở hữu từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên tán thành.” Bảng dưới tính sẵn số người tối thiểu khi mọi thành viên dự họp.

Council meetings and voting. Article 80(5): a meeting proceeds when at least two thirds of the council members attend; unless the charter says otherwise, each member has one vote of equal weight. Clause 6: a resolution is adopted when more than 50% of the members present approve; charter amendments, reorganisation and transfers of part or all of the charter capital need at least 75% of the members present. The table gives the minimum head-counts when all members attend.

Số thành viên Hội đồng <i>Council size</i>	Tối thiểu dự họp ($\geq 2/3$) <i>Quorum ($\geq 2/3$)</i>	Tán thành vấn đề thông thường ($> 50\%$) <i>Ordinary items ($> 50\%$)</i>	Tán thành sửa Điều lệ, tổ chức lại, chuyển nhượng vốn ($\geq 75\%$) <i>Charter, reorganisation, capital transfer ($\geq 75\%$)</i>
3	2	2	3
4	3	3	3
5	4	3	4
6	4	4	5
7	5	4	6

VÍ DỤ / EXAMPLE — Minh Khang lập Công ty TNHH Kho vận Minh Khang theo mô hình Hội đồng thành viên gồm 5 người. Cuộc họp cần ít nhất 4 người. Ngày họp có 4 người dự: nghị quyết thông thường cần 3 phiếu (trên 50% của 4); sửa Điều lệ cần 3 phiếu (75% của 4). Nếu đủ 5 người dự, sửa Điều lệ cần 4 phiếu.

Minh Khang forms Minh Khang Logistics Co., Ltd with a 5-member council. A meeting needs at least 4. With 4 present, an ordinary resolution needs 3 votes (more than 50% of 4); a charter amendment needs 3 (75% of 4). With all 5 present, a charter amendment needs 4.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Tính biểu quyết của Hội đồng thành viên công ty TNHH một thành viên theo vốn như công ty hai thành viên. Các thành viên Hội đồng do chủ sở hữu bổ nhiệm, không góp vốn; nếu Điều lệ không quy định khác thì **mỗi người một phiếu ngang nhau** (Điều 80 khoản 5) và ngưỡng tính theo **số thành viên dự họp**.

Counting votes in a single-member company's council by capital, as in a multi-member company. Council members are appointed by the owner and contribute nothing; unless the charter says otherwise each has one equal vote (Article 80(5)) and thresholds use the number of members present.

Thay đổi chủ sở hữu (Điều 78) — *Changes of owner (Article 78)*

Điều 78 khoản 1: “Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới thì công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.” Chủ sở hữu là cá nhân chết thì người thừa kế là chủ sở hữu hoặc thành viên; công ty tổ chức lại theo loại hình tương ứng, đăng ký trong 10 ngày kể từ ngày giải quyết xong thừa kế (khoản 3). Chủ sở hữu bị tạm giam, chấp hành án phạt tù thì ủy quyền cho người khác (khoản 2).

Article 78(1): if the owner transfers or gives part of the charter capital to one or more others, or the company admits new members, it must be run as the corresponding type of enterprise and register the change within 10 days of completing the transfer, gift or admission. If an individual owner dies, the heirs become owner or members; the company reorganises accordingly and

registers within 10 days of the settlement of the estate (clause 3). An owner in custody or in prison authorises another person (clause 2).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Năm 2027 ông Hòa chuyển nhượng 30% vốn điều lệ của Công ty TNHH Chế biến Phú An (0,66 tỷ đồng) cho bà Mai. Công ty có hai chủ sở hữu nên phải tổ chức quản lý theo loại hình TNHH hai thành viên trở lên, có Hội đồng thành viên biểu quyết theo vốn, và đăng ký thay đổi trong 10 ngày kể từ ngày hoàn thành chuyển nhượng (Điều 78 khoản 1).

In 2027 Mr Hòa transfers 30% of the charter capital of Phú An Processing (VND 0.66 billion) to Ms Mai. With two owners the company must be run as a multi-member company, with a members' council voting by capital, and register the change within 10 days of completing the transfer (Article 78(1)).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên là cá nhân chịu trách nhiệm vô hạn như chủ doanh nghiệp tư nhân. Chủ sở hữu chỉ chịu trách nhiệm **trong phạm vi vốn điều lệ** (Điều 74 khoản 1). Ngoại lệ: không góp đủ, đúng hạn (Điều 75 khoản 4) hoặc rút vốn trái Điều 77 khoản 5.

*Thinking that an individual owner of a single-member company has unlimited liability like the owner of a private enterprise. Liability is **limited to the charter capital** (Article 74(1)). Exceptions: failure to pay in full and on time (Article 75(4)) or withdrawal contrary to Article 77(5).*

3.6. Tăng, giảm vốn điều lệ — Increasing and reducing charter capital

Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Điều 68) — Multi-member companies (Article 68)

Khoản 1: công ty tăng vốn điều lệ bằng cách tăng vốn góp của thành viên hoặc tiếp nhận vốn góp của thành viên mới. Khoản 2: vốn góp thêm chia cho các thành viên theo tỷ lệ phần vốn góp của họ; thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn theo Điều 52; “Trường hợp có thành viên không góp hoặc chỉ góp một phần phần vốn góp thêm thì số vốn còn lại của phần vốn góp thêm của thành viên đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.”

Clause 1: charter capital is increased by raising members' contributions or admitting new members. Clause 2: the additional capital is divided among members in proportion to their holdings; a member may transfer the right to contribute under Article 52; where a member does not take up, or only partly takes up, his share, the rest is divided among the other members in proportion to their holdings unless the members agree otherwise.

Khoản 3: công ty giảm vốn điều lệ khi (a) “Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên”; (b) mua lại phần vốn góp theo Điều 51; (c) vốn điều lệ không được thanh toán đủ, đúng hạn theo Điều 47. Khoản 4: trừ điểm c khoản 3, “trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ đã được thanh toán xong, công ty phải thông báo bằng văn bản về tăng, giảm vốn điều lệ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh”; khoản 6: Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật trong 03 ngày làm việc.

Clause 3: charter capital is reduced (a) by returning part of the contributions pro rata, if the company has traded continuously for 2 years or more since registration and can still pay its debts afterwards; (b) on redemption under Article 51; (c) where charter capital was not paid in full and on time under Article 47. Clause 4: except under clause 3(c), the company must notify the business registration authority in writing within 10 days of completing payment of the increase or reduction; clause 6: the authority updates the record within 03 working days.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Năm 2027 Hội đồng thành viên Phú An quyết định tăng vốn điều lệ thêm 1,8 tỷ đồng bằng vốn góp thêm của thành viên. Ông Bảo không góp phần của mình và các thành viên không có thỏa thuận khác.

In 2027 Phú An's council resolves to increase charter capital by VND 1.8 billion through additional member contributions. Mr Bảo does not take up his share and the members have no other agreement.

Thành viên <i>Member</i>	Vốn trước (tỷ đồng) <i>Before (VND bn)</i>	Phần được góp thêm <i>Pro rata share</i>	Nhận thêm phần ông Bảo <i>Share of Mr Bảo's part</i>	Vốn sau (tỷ đồng) <i>After (VND bn)</i>	Tỷ lệ sau <i>Ratio after</i>
Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr Nguyễn Văn Hòa</i>	4,0 <i>4.0</i>	0,9 <i>0.9</i>	0,1 <i>0.1</i>	5,0 <i>5.0</i>	51,02% <i>51.02%</i>
Công ty CP Đầu tư Minh Khang <i>Minh Khang Investment JSC</i>	1,6 <i>1.6</i>	0,36 <i>0.36</i>	0,04 <i>0.04</i>	2,0 <i>2.0</i>	20,41% <i>20.41%</i>
Bà Trần Thị Mai <i>Ms Trần Thị Mai</i>	1,6 <i>1.6</i>	0,36 <i>0.36</i>	0,04 <i>0.04</i>	2,0 <i>2.0</i>	20,41% <i>20.41%</i>
Ông Lê Quốc Bảo <i>Mr Lê Quốc Bảo</i>	0,8 <i>0.8</i>	0,18 <i>0.18</i>	Không góp <i>Declines</i>	0,8 <i>0.8</i>	8,16% <i>8.16%</i>
Cộng <i>Total</i>	8,0 <i>8.0</i>	1,8 <i>1.8</i>	0,18 <i>0.18</i>	9,8 <i>9.8</i>	100%

Phần 0,18 tỷ đồng ông Bảo bỏ chia cho ông Hòa, Minh Khang, bà Mai theo tỷ lệ 4,0 : 1,6 : 1,6. Sau tăng vốn, ông Bảo còn 8,16%, xuống dưới 10% nên mất các quyền của Điều 49 khoản 2 (nếu Điều lệ không quy định tỷ lệ thấp hơn); ông Hòa nắm 51,02%, vẫn dưới 65%. Công ty thông báo Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 10 ngày kể từ ngày các khoản góp thêm được thanh toán xong.

Mr Bảo's VND 0.18 billion is split among Mr Hòa, Minh Khang and Ms Mai in the ratio 4.0 : 1.6 : 1.6. After the increase Mr Bảo holds 8.16%, below 10%, and loses the rights in Article 49(2) unless the charter sets a lower figure; Mr Hòa holds 51.02%, still below 65%. The company notifies the business registration authority within 10 days of completing payment.

Công ty TNHH một thành viên (Điều 87) — *Single-member companies (Article 87)*

Khoản 1: “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở

hữu công ty quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.” Khoản 2: “Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần.” Nếu tổ chức quản lý theo loại hình hai thành viên trở lên, công ty thông báo thay đổi trong 10 ngày kể từ ngày hoàn thành thay đổi vốn điều lệ; nếu chuyển thành công ty cổ phần thì theo Điều 202. Khoản 3: giảm vốn khi hoàn trả một phần vốn cho chủ sở hữu (đã hoạt động liên tục từ 02 năm và vẫn trả đủ nợ) hoặc khi vốn điều lệ không được thanh toán đủ, đúng hạn theo Điều 75.

Clause 1: a single-member company increases charter capital by the owner contributing more or by raising contributions from others; the owner decides the form and amount. Clause 2: if capital is raised from others, the company must be run as a multi-member company or a joint stock company. As a multi-member company it notifies the change within 10 days of completing the change of capital; conversion into a joint stock company follows Article 202. Clause 3: capital is reduced by returning part of it to the owner (after 2 years' continuous trading and with solvency preserved) or where it was not paid in full and on time under Article 75.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hoàn trả vốn cho thành viên khi công ty chưa hoạt động đủ 02 năm, hoặc chia lợi nhuận khi chưa bảo đảm trả đủ nợ đến hạn (Điều 69). Thành viên phải hoàn trả số đã nhận và **liên đới chịu trách nhiệm** về nợ của công ty tương ứng phần chưa hoàn trả (Điều 70).

*Returning capital before the company has traded for 2 years, or distributing profits without ensuring that due debts can be paid (Article 69). Members must repay what they received and are **jointly liable** for the company's debts to the extent not repaid (Article 70).*

3.7. Bảng so sánh các khái niệm dễ nhầm — *Comparison of easily confused concepts*

Công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty TNHH một thành viên — *Multi-member and single-member limited liability companies*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	TNHH hai thành viên trở lên <i>Multi-member</i>	TNHH một thành viên <i>Single-member</i>
Chủ sở hữu <i>Owners</i>	02–50 tổ chức, cá nhân (Điều 46 k1) <i>2–50 organisations or individuals (Art. 46(1))</i>	01 tổ chức hoặc 01 cá nhân (Điều 74 k1) <i>One organisation or individual (Art. 74(1))</i>
Trách nhiệm <i>Liability</i>	Trong phạm vi vốn đã góp <i>Up to capital contributed</i>	Trong phạm vi vốn điều lệ <i>Up to charter capital</i>
Góp thiếu khi hết 90 ngày <i>Shortfall after 90 days</i>	Thành viên chưa góp mất tư cách; phần chưa góp được chào bán (Điều 47 k3) <i>Non-payer loses membership; unpaid part offered (Art. 47(3))</i>	Đăng ký giảm vốn; thiệt hại chịu bằng toàn bộ tài sản (Điều 75 k3, k4) <i>Register reduction; damage borne with all assets (Art. 75(3), (4))</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	TNHH hai thành viên trở lên <i>Multi-member</i>	TNHH một thành viên <i>Single-member</i>
Cơ quan quyết định cao nhất <i>Highest body</i>	Hội đồng thành viên gồm mọi thành viên <i>Members' council of all members</i>	Chủ sở hữu; Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu <i>The owner; the president or council acts for the owner</i>
Biểu quyết <i>Voting</i>	Theo phần vốn góp; 65% / 75% vốn dự họp (Điều 59) <i>By capital; 65% / 75% of capital present (Art. 59)</i>	Mỗi thành viên Hội đồng một phiếu; > 50% / ≥ 75% số người dự họp (Điều 80) <i>One vote per council member; > 50% / ≥ 75% of those present (Art. 80)</i>
Rút vốn <i>Withdrawal</i>	Chuyển nhượng, mua lại, Điều 53, giảm vốn (Điều 50 k2) <i>Transfer, redemption, Art. 53, reduction (Art. 50(2))</i>	Chỉ chuyển nhượng vốn điều lệ (Điều 77 k5) <i>Only by transferring charter capital (Art. 77(5))</i>
Kết nạp người mới <i>Admitting others</i>	Chào bán nội bộ trước (Điều 52); tối đa 50 thành viên <i>Internal offer first (Art. 52); 50-member cap</i>	Thành công ty hai thành viên hoặc cổ phần, đăng ký trong 10 ngày (Điều 78 k1, Điều 87 k2) <i>Becomes multi-member or JSC, register within 10 days (Arts. 78(1), 87(2))</i>

Phần vốn góp và cổ phần — *Capital contributions and shares*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Phần vốn góp (công ty TNHH) <i>Capital contribution (LLC)</i>	Cổ phần (công ty cổ phần) <i>Share (JSC)</i>
Khái niệm <i>Concept</i>	Tổng giá trị tài sản một thành viên đã góp hoặc cam kết góp (Điều 4 k27) <i>Total value a member has contributed or committed (Art. 4(27))</i>	Vốn điều lệ chia thành nhiều phần bằng nhau (Điều 111 k1 a) <i>Charter capital divided into equal parts (Art. 111(1)(a))</i>
Chứng từ <i>Evidence</i>	Giấy chứng nhận phần vốn góp (Điều 47 k5, k6) <i>Certificate of capital contribution (Art. 47(5), (6))</i>	Cổ phiếu <i>Share certificate</i>
Phát hành <i>Issue</i>	Không phát hành cổ phần, trừ để chuyển đổi (Điều 46 k3, Điều 74 k3) <i>No shares except to convert (Arts. 46(3), 74(3))</i>	Được phát hành cổ phần, trái phiếu, chứng khoán khác (Điều 111 k3) <i>May issue shares, bonds and other securities (Art. 111(3))</i>
Chuyển nhượng <i>Transfer</i>	Chào bán cho thành viên còn lại trước, 30 ngày (Điều 52) <i>Offer to members first, 30 days (Art. 52)</i>	Tự do, trừ Điều 120 k3 và Điều 127 k1 (Điều 111 k1 d) <i>Free, save under Arts. 120(3) and 127(1) (Art. 111(1)(d))</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Phản vốn góp (công ty TNHH) <i>Capital contribution (LLC)</i>	Cổ phần (công ty cổ phần) <i>Share (JSC)</i>
Số chủ sở hữu <i>Number of owners</i>	Tối đa 50 <i>At most 50</i>	Tối thiểu 03, không giới hạn tối đa (Điều 111 k1 b) <i>At least 3, no maximum (Art. 111(1)(b))</i>

Chủ tịch Hội đồng thành viên và Chủ tịch công ty — *Chair of the members' council and company president*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Chủ tịch Hội đồng thành viên <i>Chair of the members' council</i>	Chủ tịch công ty <i>Company president</i>
Có ở loại hình nào <i>Where it exists</i>	TNHH hai thành viên trở lên; TNHH một thành viên theo mô hình Hội đồng thành viên <i>Multi-member LLC; single-member LLC with a council</i>	TNHH một thành viên (chủ sở hữu tổ chức theo mô hình a, hoặc chủ sở hữu cá nhân) <i>Single-member LLC (model a for a corporate owner, or an individual owner)</i>
Cách có chức danh <i>How appointed</i>	Hội đồng thành viên bầu (Điều 56 k1); ở công ty một thành viên do chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc Hội đồng bầu (Điều 80 k3) <i>Elected by the council (Art. 56(1)); in a single-member company appointed by the owner or elected (Art. 80(3))</i>	Chủ sở hữu tổ chức bổ nhiệm (Điều 81 k1); chủ sở hữu cá nhân đương nhiên là Chủ tịch (Điều 85 k2) <i>Appointed by a corporate owner (Art. 81(1)); an individual owner is president by law (Art. 85(2))</i>
Nhiệm kỳ <i>Term</i>	Không quá 05 năm, bầu lại không hạn chế (Điều 56 k3) <i>Up to 5 years, re-electable without limit (Art. 56(3))</i>	Luật không ấn định; theo Điều lệ (Điều 81 k2) <i>Not fixed by law; per the charter (Art. 81(2))</i>
Đại diện theo pháp luật khi Điều lệ im lặng <i>Legal representative if charter silent</i>	Có (Điều 54 k3; Điều 79 k3) <i>Yes (Arts. 54(3), 79(3))</i>	Có (Điều 79 k3) <i>Yes (Art. 79(3))</i>

3.8. Thuật ngữ Việt – Anh — *Vietnamese – English glossary*

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Multi-member limited liability company	02–50 thành viên, trách nhiệm trong phạm vi vốn đã góp <i>2–50 members, liable up to capital contributed</i>

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Công ty TNHH một thành viên	Single-member limited liability company	Một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu <i>Owned by one organisation or individual</i>
Thành viên công ty	Member	Tổ chức, cá nhân sở hữu phần vốn góp <i>Holder of a capital contribution</i>
Chủ sở hữu công ty	Company owner	Người sở hữu toàn bộ vốn điều lệ công ty một thành viên <i>Sole holder of a single-member company's capital</i>
Vốn điều lệ	Charter capital	Tổng giá trị tài sản đã góp hoặc cam kết góp <i>Total assets contributed or committed</i>
Phần vốn góp	Capital contribution	Giá trị tài sản một thành viên góp hoặc cam kết góp <i>Assets one member has contributed or committed</i>
Tỷ lệ phần vốn góp	Contribution ratio	Phần vốn góp chia cho vốn điều lệ <i>Contribution divided by charter capital</i>
Góp vốn	Capital contribution (act of contributing)	Góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ <i>Providing assets to form charter capital</i>
Giấy chứng nhận phần vốn góp	Certificate of capital contribution	Cấp khi thành viên góp đủ <i>Issued once fully paid</i>
Sổ đăng ký thành viên	Register of members	Ghi nhận sở hữu phần vốn góp, lưu tại trụ sở <i>Record of holdings kept at the head office</i>
Hội đồng thành viên	Members' council	Cơ quan quyết định cao nhất của công ty TNHH <i>Highest body of an LLC</i>
Chủ tịch Hội đồng thành viên	Chair of the members' council	Do Hội đồng bầu, nhiệm kỳ ≤ 05 năm <i>Elected by the council, term ≤ 5 years</i>
Chủ tịch công ty	Company president	Người nhân danh chủ sở hữu ở công ty một thành viên <i>Acts for the owner of a single-member company</i>
Giám đốc, Tổng giám đốc	Director, general director	Điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày <i>Runs day-to-day business</i>

Thuật ngữ <i>Term (Vietnamese)</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Giải thích ngắn <i>Short definition</i>
Ban kiểm soát, Kiểm soát viên	Supervisory board, supervisor	01–05 Kiểm soát viên, nhiệm kỳ ≤ 05 năm <i>1–5 supervisors, term ≤ 5 years</i>
Người đại diện theo pháp luật	Legal representative	Nhân danh doanh nghiệp trong giao dịch, tố tụng <i>Acts for the enterprise in dealings and litigation</i>
Người đại diện theo ủy quyền	Authorised representative	Người thay thành viên là tổ chức dự Hội đồng <i>Sits on the council for a corporate member</i>
Chuyển nhượng phần vốn góp	Transfer of a capital contribution	Bán cho thành viên khác, người ngoài theo Điều 52 <i>Sale to members or outsiders under Art. 52</i>
Mua lại phần vốn góp	Redemption of a capital contribution	Công ty mua của thành viên phản đối <i>Company buys out a dissenting member</i>
Lấy ý kiến bằng văn bản	Written resolution	Thông qua không họp, cần 65% vốn điều lệ <i>Adopted without a meeting, 65% of charter capital</i>
Điều lệ công ty	Company charter	Văn bản quy định tổ chức, hoạt động của công ty <i>Document governing the company</i>
Người có liên quan	Related person	Cá nhân, tổ chức có quan hệ theo Điều 4 khoản 23 <i>Person linked as in Art. 4(23)</i>
Tăng, giảm vốn điều lệ	Increase, reduction of charter capital	Thay đổi vốn theo Điều 68, 87 <i>Change of capital under Arts. 68, 87</i>

3.9. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Góp vốn quá hạn và ba lần triệu tập họp Hội đồng thành viên — *Exercise 1. Late capital contributions and three calls of the members' council*

Công ty TNHH Thương mại Phú An được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 12/3/2026, vốn điều lệ 9,2 tỷ đồng do năm thành viên cam kết góp: ông Hòa 4,0 tỷ, Công ty CP Đầu tư Minh Khang 1,6 tỷ, bà Mai 1,6 tỷ, ông Bảo 1,2 tỷ, bà Hà 0,8 tỷ đồng. Hết thời hạn góp vốn, ông Bảo mới góp 0,8 tỷ đồng, bà Hà chưa góp; ba thành viên còn lại góp đủ. Không ai mua phần vốn chưa góp. Điều lệ không quy định khác Luật Doanh

nghiệp. Sau khi đăng ký lại vốn điều lệ, Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập họp ngày 5/11/2026 để thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2027 và một nội dung sửa Điều lệ; chỉ Minh Khang, bà Mai và ông Bảo dự họp. Cuộc họp mời lại ngày 24/11/2026 chỉ có bà Mai và ông Bảo dự; cuộc họp mời lần thứ ba ngày 10/12/2026 cũng chỉ có hai người này. Tại cuộc họp lần thứ ba, bà Mai tán thành cả hai nội dung, ông Bảo phản đối cả hai. Hãy (1) xác định ngày cuối cùng phải góp vốn và hạn đăng ký thay đổi vốn điều lệ; (2) xác định tư cách thành viên, vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp mới; (3) kiểm tra điều kiện tiến hành từng cuộc họp; (4) cho biết hai nội dung có được thông qua không.

Phú An Trading Co., Ltd received its enterprise registration certificate on 12 March 2026, with charter capital of VND 9.2 billion committed by five members: Mr Hòa VND 4.0 billion, Minh Khang Investment JSC 1.6, Ms Mai 1.6, Mr Bảo 1.2 and Ms Hà 0.8 billion. When the contribution period ended Mr Bảo had paid only VND 0.8 billion and Ms Hà nothing; the other three had paid in full. Nobody bought the unpaid portion. The charter contains no rules departing from the Law on Enterprises. After the charter capital was re-registered, the chair called a members' council meeting on 5 November 2026 to adopt the 2027 business plan and a charter amendment; only Minh Khang, Ms Mai and Mr Bảo attended. The reconvened meeting on 24 November 2026 was attended only by Ms Mai and Mr Bảo, and so was the third meeting on 10 December 2026. At the third meeting Ms Mai voted for both items and Mr Bảo against both. (1) Find the last day for contributing capital and the deadline for registering the change of charter capital; (2) determine membership, the new charter capital and the new ratios; (3) check whether each meeting could proceed; (4) state whether the two items were adopted.

1. Thời hạn góp vốn. Ngày cấp giấy 12/3/2026 không tính (Điều 147 khoản 3 Bộ luật Dân sự). Ngày thứ 90 là **10/6/2026** (thứ Tư, ngày làm việc), nên thời hạn góp vốn kết thúc lúc hết ngày đó (Điều 47 khoản 2 Luật Doanh nghiệp; Điều 148 khoản 1 Bộ luật Dân sự). Hạn đăng ký thay đổi vốn điều lệ là 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ: **10/7/2026** (Điều 47 khoản 4).

*Contribution period. The issue date 12 March 2026 is not counted (Article 147(3), Civil Code). Day 90 is **10 June 2026** (a Wednesday, a working day), so the period ends at the end of that day (Article 47(2), Law on Enterprises; Article 148(1), Civil Code). The change of charter capital must be registered within 30 days of the last contribution day: by **10 July 2026** (Article 47(4)).*

2. Tư cách thành viên. Bà Hà chưa góp nên “Thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty” (Điều 47 khoản 3 điểm a). Ông Bảo góp thiếu nên chỉ có quyền tương ứng 0,8 tỷ đồng (điểm b). Phần chưa góp $0,4 + 0,8 = 1,2$ tỷ đồng được chào bán theo nghị quyết Hội đồng thành viên (điểm c); không ai mua nên vốn điều lệ đăng ký lại là **8,0 tỷ đồng**: ông Hòa 50%, Minh Khang 20%, bà Mai 20%, ông Bảo 10%.

*Membership. Ms Hà paid nothing, so she automatically ceases to be a member (Article 47(3)(a)). Mr Bảo paid short, so his rights correspond to VND 0.8 billion only (point b). The unpaid $0.4 + 0.8 = \text{VND } 1.2$ billion is offered for sale under a members' council resolution (point c); nobody buys, so the re-registered charter capital is **VND 8.0 billion**: Mr Hòa 50%, Minh Khang 20%, Ms Mai 20%, Mr Bảo 10%.*

3. Trách nhiệm còn lại. Với nghĩa vụ tài chính phát sinh trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ, ông Bảo và bà Hà chịu trách nhiệm theo tỷ lệ **cam kết 13,04%** và

8,70%, không theo phần đã góp (Điều 47 khoản 4).

*Residual liability. For financial obligations arising before the company registers the change of charter capital, Mr Bảo and Ms Hà are liable according to their **committed** ratios of 13.04% and 8.70%, not according to what they paid (Article 47(4)).*

4. Lần thứ nhất (5/11/2026): thành viên dự họp sở hữu $20 + 20 + 10 = 50\%$ vốn điều lệ, dưới 65%, không tiến hành được (Điều 58 khoản 1). Thông báo mời họp lần thứ hai phải gửi trong 15 ngày, chậm nhất ngày 20/11/2026 (khoản 2 điểm a).

First meeting (5 November 2026): those present hold $20 + 20 + 10 = 50\%$ of charter capital, below 65%, so it cannot proceed (Article 58(1)). The notice of the second meeting must be sent within 15 days, by 20 November 2026 (clause 2(a)).

5. Lần thứ hai (24/11/2026): **30%**, dưới 50%, không tiến hành được. Thông báo mời họp lần thứ ba phải gửi trong 10 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, chậm nhất ngày 4/12/2026 (khoản 2 điểm b). Lần thứ ba (10/12/2026) được tiến hành không phụ thuộc số vốn dự họp.

*Second meeting (24 November 2026): **30%**, below 50%, so it cannot proceed. The notice of the third meeting must be sent within 10 days of the intended date of the second meeting, by 4 December 2026 (clause 2(b)). The third meeting (10 December 2026) proceeds whatever the capital present.*

6. Kết quả biểu quyết lần thứ ba. Cơ sở tính là tổng vốn góp của thành viên dự họp: $1,6 + 0,8 = 2,4$ tỷ đồng. Bà Mai tán thành: $1,6 : 2,4 = 66,67\%$. Kế hoạch kinh doanh cần từ 65%: **được thông qua** (Điều 59 khoản 3 điểm a). Sửa Điều lệ cần từ 75%: **không được thông qua** (điểm b). Ông Hòa vắng mặt vẫn bị ràng buộc bởi nghị quyết; nếu trình tự triệu tập sai (chẳng hạn tài liệu sửa Điều lệ không gửi trước 07 ngày làm việc, Điều 57 khoản 5), ông có quyền yêu cầu Tòa án hủy nghị quyết trong 90 ngày kể từ ngày kết thúc họp (Điều 49 khoản 2 điểm d).

*Result of the third meeting. The base is the capital held by those present: $1.6 + 0.8 = \text{VND } 2.4 \text{ billion}$. Ms Mai's vote in favour: $1.6 : 2.4 = 66.67\%$. The business plan needs 65%: **adopted** (Article 59(3)(a)). The charter amendment needs 75%: **not adopted** (point b). Mr Hòa, though absent, is bound by the resolution; if the calling procedure was defective (for example the amendment papers were not sent 07 working days in advance, Article 57(5)), he may ask the court to annul the resolution within 90 days of the end of the meeting (Article 49(2)(d)).*

Bài 2. Mua lại phần vốn góp của thành viên phản đối sửa Điều lệ — Exercise 2.

Redemption of a dissenting member's capital

Tại cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 15/12/2026 có đủ bốn thành viên của Phú An (vốn điều lệ 8,0 tỷ đồng: ông Hòa 50%, Minh Khang 20%, bà Mai 20%, ông Bảo 10%), nghị quyết sửa Điều lệ thu hẹp quyền xem sổ kế toán của thành viên được ông Hòa, Minh Khang và ông Bảo tán thành; bà Mai bỏ phiếu không tán thành. Ngày 22/12/2026 bà Mai gửi văn bản yêu cầu công ty mua lại toàn bộ phần vốn góp 1,6 tỷ đồng. Hai bên thỏa thuận giá 2,1 tỷ đồng. Báo cáo tài chính gần nhất: tổng tài sản 15,0 tỷ đồng, nợ phải trả 10,2 tỷ đồng. Hãy (1) cho biết nghị quyết có được thông qua không; (2) bà Mai có quyền yêu cầu mua lại không, yêu cầu có đúng hạn không; (3) công ty phải mua trước ngày nào

và có được thanh toán không; (4) xác định vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp sau khi mua lại và thủ tục thông báo, biết công ty trả tiền ngày 5/1/2027; (5) giải quyết lại nếu tổng tài sản chỉ còn 12,0 tỷ đồng.

At the members' council meeting of 15 December 2026, attended by all four members of Phú An (charter capital VND 8.0 billion: Mr Hòa 50%, Minh Khang 20%, Ms Mai 20%, Mr Bảo 10%), a charter amendment narrowing members' right to inspect the accounts was supported by Mr Hòa, Minh Khang and Mr Bảo; Ms Mai voted against. On 22 December 2026 Ms Mai sent a written request for the company to buy back her whole contribution of VND 1.6 billion. The parties agreed a price of VND 2.1 billion. The latest financial statements show total assets of VND 15.0 billion and liabilities of VND 10.2 billion. (1) Was the resolution adopted? (2) May Ms Mai demand redemption, and was her request in time? (3) By when must the company buy, and may it pay? (4) Determine the charter capital and ratios after redemption and the notification step, given that the company pays on 5 January 2027. (5) Resolve the case again if total assets are only VND 12.0 billion.

1. Nghị quyết. Tán thành: $50 + 20 + 10 = 80\%$ tổng vốn góp của thành viên dự họp, đạt ngưỡng 75% áp dụng cho sửa Điều lệ, nên **được thông qua** (Điều 59 khoản 3 điểm b). Sửa Điều lệ là vấn đề phải biểu quyết tại cuộc họp (Điều 59 khoản 2 điểm a); yêu cầu này đã được đáp ứng.

*The resolution. In favour: $50 + 20 + 10 = 80\%$ of the capital of those present, meeting the 75% threshold for charter amendments, so it is **adopted** (Article 59(3)(b)). A charter amendment must be voted on at a meeting (Article 59(2)(a)); that requirement was met.*

2. Quyền yêu cầu mua lại. Nội dung sửa đổi liên quan quyền của thành viên và bà Mai đã bỏ phiếu không tán thành, thuộc Điều 51 khoản 1 điểm a. Yêu cầu phải bằng văn bản, gửi trong 15 ngày kể từ ngày thông qua, chậm nhất **30/12/2026** (khoản 2). Bà Mai gửi ngày 22/12/2026: đúng hạn.

*Right to redemption. The amendment concerns members' rights and Ms Mai voted against it, which falls under Article 51(1)(a). The request must be in writing and sent within 15 days of adoption, by **30 December 2026** (clause 2). She sent it on 22 December 2026: in time.*

3. Hạn mua và điều kiện thanh toán. Công ty phải mua trong 15 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu, chậm nhất **6/1/2027**, theo giá thỏa thuận 2,1 tỷ đồng (Điều 51 khoản 3). Sau khi trả, tài sản còn $15,0 - 2,1 = 12,9$ tỷ đồng, không nhỏ hơn nợ phải trả 10,2 tỷ đồng, nên công ty **được thanh toán**: “Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.”

*Deadline and solvency test. The company must buy within 15 days of receiving the request, by **6 January 2027**, at the agreed price of VND 2.1 billion (Article 51(3)). After payment its assets are $15.0 - 2.1 =$ VND 12.9 billion, not less than liabilities of VND 10.2 billion, so the company **may pay**: payment is allowed only if the company can still pay all its debts and other property obligations afterwards.*

4. Vốn điều lệ sau mua lại. Công ty giảm vốn điều lệ theo Điều 68 khoản 3 điểm b: $8,0 - 1,6 = 6,4$ tỷ đồng; tỷ lệ mới: ông Hòa 62,5%, Minh Khang 25%, ông Bảo 12,5%. Trả xong ngày 5/1/2027 thì phải thông báo Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất **15/1/2027** (Điều 68 khoản 4), kèm nghị quyết, biên bản họp và báo cáo tài chính gần

nhất (khoản 5).

*Charter capital after redemption. The company reduces its charter capital under Article 68(3)(b): $8.0 - 1.6 = \text{VND } 6.4 \text{ billion}$; new ratios: Mr Hòa 62.5%, Minh Khang 25%, Mr Bảo 12.5%. Payment being completed on 5 January 2027, the business registration authority must be notified by **15 January 2027** (Article 68(4)), enclosing the resolution, the minutes and the latest financial statements (clause 5).*

5. Phương án tổng tài sản 12,0 tỷ đồng. Sau khi trả còn 9,9 tỷ đồng, nhỏ hơn nợ 10,2 tỷ đồng: công ty **không được thanh toán**. Bà Mai có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp cho thành viên khác hoặc người ngoài (Điều 51 khoản 4), không phải chào bán theo trình tự của Điều 52 khoản 1 (khoản 1 Điều 52 loại trừ trường hợp khoản 4 Điều 51).

*Total assets of VND 12.0 billion. After payment only VND 9.9 billion would remain, less than liabilities of VND 10.2 billion: the company **may not pay**. Ms Mai is then free to transfer her contribution to another member or an outsider (Article 51(4)) without following the offer procedure of Article 52(1), which expressly excludes the case in Article 51(4).*

6. Lưu ý cơ cấu mới. Ông Hòa 62,5% vẫn dưới 65%, nên ở cuộc họp đủ thành viên không tự thông qua được vấn đề thông thường; ông Hòa cùng ông Bảo nắm 75%, đủ thông qua cả vấn đề cần 75% mà không cần Minh Khang.

Note on the new structure. Mr Hòa's 62.5% is still below 65%, so at a fully attended meeting he cannot pass ordinary items alone; Mr Hòa and Mr Bảo together hold 75%, enough for items needing 75% without Minh Khang.

3.10. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Trình bày quy định về góp vốn thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên và hậu quả pháp lý khi thành viên không góp hoặc góp không đủ vốn đã cam kết. So sánh với công ty TNHH một thành viên.

Question 1. Present the rules on capital contributions when forming a multi-member limited liability company and the legal consequences where a member fails to contribute, or contributes less than, the committed capital. Compare with a single-member limited liability company.

- Vốn điều lệ khi đăng ký thành lập là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp và ghi trong Điều lệ (Điều 47 khoản 1); góp vốn là góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ (Điều 4 khoản 18).

Charter capital on registration is the total value of contributions the members commit and record in the charter (Article 47(1)); contributing capital means contributing assets to form charter capital (Article 4(18)).

- Thời hạn: 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu, làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản; trong thời hạn đó quyền, nghĩa vụ theo tỷ lệ cam kết; góp bằng tài sản khác cần trên 50% số thành viên còn lại tán thành (Điều 47 khoản 2).

Period: 90 days from the issue of the enterprise registration certificate, excluding time for transport, import and ownership-transfer formalities; during it rights and duties follow the committed ratio; contributing a different asset needs the consent of more than 50% of the other members (Article 47(2)).

- Hết hạn: thành viên chưa góp đương nhiên không còn là thành viên; góp thiếu có quyền theo phần đã góp; phần chưa góp được chào bán theo nghị quyết Hội đồng thành viên (Điều 47 khoản 3).
On expiry: a member who paid nothing automatically ceases to be a member; one who paid short has rights matching what was paid; the unpaid part is offered for sale under a members' council resolution (Article 47(3)).
- Công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp trong 30 ngày; người chưa góp, góp thiếu chịu trách nhiệm theo tỷ lệ cam kết với nghĩa vụ tài chính phát sinh trước ngày đăng ký thay đổi (Điều 47 khoản 4); giấy chứng nhận phần vốn góp cấp khi góp đủ (khoản 5).
The company registers the new charter capital and ratios within 30 days; defaulting members are liable in proportion to their committed ratios for financial obligations arising before that registration (Article 47(4)); a certificate of capital contribution is issued once payment is complete (clause 5).
- Công ty TNHH một thành viên: cùng thời hạn 90 ngày (Điều 75 khoản 2); không góp đủ thì đăng ký giảm vốn điều lệ trong 30 ngày, chủ sở hữu chịu trách nhiệm theo phần cam kết với nghĩa vụ phát sinh trước đó (khoản 3) và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản với thiệt hại do không góp đủ, đúng hạn (khoản 4). Không có cơ chế mất tư cách thành viên vì chỉ có một chủ sở hữu.
Single-member company: the same 90 days (Article 75(2)); if not fully paid, the reduced charter capital is registered within 30 days and the owner is liable up to the committed amount for earlier obligations (clause 3) and with all personal assets for damage caused by late or short payment (clause 4). Loss of membership does not arise, as there is only one owner.

Câu 2. Phân tích điều kiện tiến hành họp và tỷ lệ thông qua nghị quyết của Hội đồng thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên. Hội đồng thành viên của công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu biểu quyết khác ở điểm nào?

Question 2. *Analyse the quorum and voting thresholds of the members' council of a multi-member limited liability company. How does voting in the members' council of a single-member company owned by an organisation differ?*

- Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất, gồm mọi thành viên là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức, họp ít nhất mỗi năm một lần (Điều 55 khoản 1). Người triệu tập: Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên, nhóm thành viên từ 10% vốn điều lệ, nhóm còn lại khi có thành viên trên 90% (Điều 57 khoản 1; Điều 49 khoản 2, 3).
The members' council is the highest decision-making body, comprising all individual members and the authorised representatives of corporate members, and meets at least once a year (Article 55(1)). It is called by the chair or by a member or group holding 10% of charter capital, or by the minority where one member holds over 90% (Article 57(1); Article 49(2) and (3)).
- Điều kiện tiến hành: lần thứ nhất từ 65% vốn điều lệ; lần thứ hai (mời trong 15 ngày) từ 50%; lần thứ ba (mời trong 10 ngày) không phụ thuộc số vốn dự họp; Điều lệ có

thể quy định khác (Điều 58 khoản 1, 2).

Quorum: 65% of charter capital at the first meeting; 50% at the second (called within 15 days); none at the third (called within 10 days); the charter may provide otherwise (Article 58(1) and (2)).

- Tỷ lệ thông qua tại cuộc họp tính trên tổng vốn góp của thành viên dự họp: từ 65%, riêng bán tài sản từ 50% tổng giá trị tài sản, sửa Điều lệ, tổ chức lại, giải thể từ 75% (Điều 59 khoản 3). Năm nhóm vấn đề phải biểu quyết tại cuộc họp (khoản 2). Lấy ý kiến bằng văn bản: từ 65% vốn điều lệ (khoản 5).

At a meeting the threshold is computed on the capital of those present: 65%, or 75% for selling assets worth 50% or more of total assets, amending the charter, reorganisation and dissolution (Article 59(3)). Five groups of matters must be voted on at a meeting (clause 2). Written resolutions need 65% of charter capital (clause 5).

- Hiệu lực: từ ngày thông qua hoặc ngày ghi trong nghị quyết; nghị quyết được 100% vốn điều lệ thông qua là hợp pháp dù sai trình tự (Điều 62 khoản 1, 2); thành viên từ 10% có thể yêu cầu Tòa án hủy trong 90 ngày (Điều 49 khoản 2 điểm d).

Effect: from adoption or the date stated; a resolution passed by 100% of charter capital is valid even if the procedure was flawed (Article 62(1) and (2)); a 10% member may ask the court to annul within 90 days (Article 49(2)(d)).

- Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu: Hội đồng thành viên 03–07 người do chủ sở hữu bổ nhiệm; họp khi có ít nhất hai phần ba số thành viên; mỗi thành viên một phiếu ngang nhau (nếu Điều lệ không quy định khác); thông qua khi trên 50% số thành viên dự họp tán thành, từ 75% với sửa Điều lệ, tổ chức lại, chuyển nhượng vốn điều lệ (Điều 80 khoản 1, 5, 6). Biểu quyết theo đầu người, không theo vốn.

Single-member company owned by an organisation: a council of 3 to 7 persons appointed by the owner; quorum of two thirds of members; one equal vote each unless the charter says otherwise; adoption by more than 50% of those present, or 75% for charter amendments, reorganisation and transfers of charter capital (Article 80(1), (5), (6)). Voting is per head, not per capital.

Câu 3. Phân biệt chuyển nhượng phần vốn góp và mua lại phần vốn góp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên. Nêu cách xử lý phần vốn góp khi thành viên là cá nhân chết, khi thành viên tặng cho và khi dùng phần vốn góp để trả nợ.

Question 3. *Distinguish the transfer and the redemption of capital contributions in a multi-member limited liability company. Explain how a contribution is dealt with when an individual member dies, makes a gift of it or uses it to pay a debt.*

- Chuyển nhượng: thành viên chào bán cho thành viên còn lại theo tỷ lệ phần vốn góp của họ, cùng điều kiện; hết 30 ngày mà họ không mua hết thì bán phần còn lại cho người ngoài với cùng điều kiện (Điều 52 khoản 1; điểm a sửa bởi Luật 76/2025/QH15, hiệu lực 01/7/2025).

Transfer: the member offers the contribution to the other members in proportion to their holdings on the same terms; if they do not take it all within 30 days, the rest may go to an outsider on the same terms (Article 52(1); point a amended by Law 76/2025/QH15, in force 1 July 2025).

- Người chuyển nhượng giữ quyền, nghĩa vụ đến khi thông tin người mua được ghi đủ vào sổ đăng ký thành viên; nếu chỉ còn một thành viên thì chuyển sang mô hình TNHH một thành viên, đăng ký thay đổi trong 15 ngày (Điều 52 khoản 2, 3).
The transferor keeps rights and duties until the buyer is fully entered in the register of members; if only one member remains, the company becomes a single-member company and registers within 15 days (Article 52(2) and (3)).
- Mua lại: chỉ thành viên bỏ phiếu không tán thành nghị quyết về sửa Điều lệ liên quan quyền, nghĩa vụ thành viên, Hội đồng thành viên, tổ chức lại hoặc trường hợp Điều lệ quy định; yêu cầu bằng văn bản trong 15 ngày; công ty mua trong 15 ngày theo giá thị trường, giá theo Điều lệ hoặc giá thỏa thuận; chỉ trả khi vẫn trả đủ nợ (Điều 51 khoản 1–3); không trả được thì thành viên tự do chuyển nhượng (khoản 4).
Redemption: only for a member who voted against a resolution amending the charter on members' or council rights, on reorganisation or on other charter-listed matters; written request within 15 days; the company buys within 15 days at market price, a charter formula or an agreed price, and pays only if still solvent (Article 51(1)–(3)); otherwise the member may transfer freely (clause 4).
- Khác biệt chính: chuyển nhượng do thành viên chủ động, bên mua là thành viên khác hoặc người ngoài, vốn điều lệ không đổi; mua lại là nghĩa vụ của công ty, tiền lấy từ tài sản công ty và vốn điều lệ giảm (Điều 68 khoản 3 điểm b).
Key difference: a transfer is initiated by the member, the buyer is another member or an outsider and charter capital is unchanged; redemption is the company's obligation, paid from company assets, and charter capital falls (Article 68(3)(b)).
- Thành viên là cá nhân chết: người thừa kế là thành viên (Điều 53 khoản 1); người thừa kế không muốn làm thành viên thì phần vốn góp được mua lại hoặc chuyển nhượng (khoản 4 điểm a); không có người thừa kế thì theo pháp luật dân sự (khoản 5).
Death of an individual member: the heir becomes a member (Article 53(1)); if the heir does not want to, the contribution is redeemed or transferred (clause 4(a)); with no heir, civil law applies (clause 5).
- Tặng cho: người được tặng cho thuộc diện thừa kế theo pháp luật (Điều 651 Bộ luật Dân sự) đương nhiên là thành viên, người khác cần Hội đồng thành viên chấp thuận (Điều 53 khoản 6). Trả nợ: người nhận thanh toán thành thành viên nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận hoặc chào bán theo Điều 52 (khoản 7).
Gift: a donee who is an heir at law (Article 651, Civil Code) automatically becomes a member; any other donee needs the council's approval (Article 53(6)). Payment of a debt: the creditor becomes a member if the council approves, or offers and transfers the contribution under Article 52 (clause 7).

3.11. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

17. Theo Luật Doanh nghiệp hiện hành, công ty TNHH hai thành viên trở lên có tối đa bao nhiêu thành viên?

Under the current Law on Enterprises, what is the maximum number of members of a multi-member limited liability company?

- A. 30 thành viên / 30 members
- B. 50 thành viên / 50 members
- C. 100 thành viên / 100 members
- D. Không giới hạn nếu Điều lệ cho phép / No limit if the charter allows

18. Thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên phải góp đủ phần vốn đã cam kết trong thời hạn nào?

Within what period must a member of a multi-member limited liability company pay the committed capital?

- A. 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu, làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản / 90 days from the issue of the registration certificate, excluding transport, import and ownership-transfer time
- B. 90 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp / 90 days from filing the registration dossier
- C. 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / 30 days from the issue of the certificate
- D. Do Điều lệ công ty quy định, tối đa 03 năm / As set by the charter, up to 3 years

19. Công ty TNHH X có vốn điều lệ 10 tỷ đồng; Điều lệ không quy định khác. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ nhất không đủ điều kiện. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi thành viên dự họp sở hữu ít nhất:

Company X has charter capital of VND 10 billion; the charter is silent. The first members' council meeting fails for want of a quorum. The second meeting may proceed when those present hold at least:

- A. 6,5 tỷ đồng / VND 6.5 billion
- B. 7,5 tỷ đồng / VND 7.5 billion
- C. 5,0 tỷ đồng / VND 5.0 billion
- D. Không phụ thuộc số vốn dự họp / No minimum

- 20.** Tại cuộc họp Hội đồng thành viên đủ điều kiện, thành viên dự họp sở hữu 80% vốn điều lệ. Nghị quyết sửa Điều lệ được các thành viên sở hữu 58% vốn điều lệ tán thành. Điều lệ không quy định khác. Kết luận nào đúng?

At a quorate members' council meeting, those present hold 80% of charter capital. A charter amendment is supported by members holding 58% of charter capital. The charter is silent. Which conclusion is correct?

- A.** Được thông qua vì 58% vốn điều lệ là trên 50% / *Adopted, as 58% of charter capital exceeds 50%*
 - B.** Được thông qua vì tỷ lệ tán thành 72,5% đạt ngưỡng 65% / *Adopted, as the 72.5% in favour meets the 65% threshold*
 - C.** Không được thông qua vì 58% vốn điều lệ thấp hơn 65% vốn điều lệ / *Not adopted, as 58% of charter capital is below 65% of charter capital*
 - D.** Không được thông qua vì tỷ lệ tán thành 72,5% tổng vốn góp của thành viên dự họp thấp hơn 75% / *Not adopted, as 72.5% of the capital present is below 75%*
- 21.** Ông K sở hữu 30% vốn điều lệ một công ty TNHH ba thành viên và muốn bán toàn bộ phần vốn góp cho người ngoài công ty. Điều lệ không quy định khác. Ông K phải làm gì?
- Mr K holds 30% of a three-member limited liability company and wants to sell his whole contribution to an outsider. The charter is silent. What must he do?*
- A.** Chào bán cho hai thành viên còn lại theo tỷ lệ phần vốn góp của họ, cùng điều kiện; chỉ bán cho người ngoài phần họ không mua hết sau 30 ngày kể từ ngày chào bán / *Offer it to the other two members pro rata on the same terms; sell to the outsider only what they have not bought within 30 days*
 - B.** Bán ngay cho người ngoài, chỉ cần thông báo cho công ty trong 15 ngày / *Sell to the outsider at once and notify the company within 15 days*
 - C.** Yêu cầu công ty mua lại theo giá thị trường / *Require the company to buy it back at market price*
 - D.** Xin Hội đồng thành viên thông qua với tỷ lệ 75% vốn góp dự họp / *Obtain a members' council resolution passed by 75% of the capital present*
- 22.** Hội đồng thành viên của một công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu có 6 thành viên; Điều lệ không quy định khác. Cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất bao nhiêu thành viên dự họp?
- The members' council of a single-member company owned by an organisation has 6 members; the charter is silent. What is the minimum attendance for the meeting to proceed?*
- A.** 3 thành viên / *3 members*
 - B.** 4 thành viên / *4 members*
 - C.** 5 thành viên / *5 members*
 - D.** Cả 6 thành viên / *All 6 members*

- 23.** Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên được quy định thế nào?
What is the rule on the term of office of the chair of the members' council of a multi-member limited liability company?
- A.** Không quá 03 năm, được bầu lại tối đa hai nhiệm kỳ / *Up to 3 years, re-electable for at most two terms*
 - B.** Đúng 05 năm, không được bầu lại / *Exactly 5 years, not re-electable*
 - C.** Do Điều lệ quy định nhưng không quá 05 năm, được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế / *Set by the charter but not over 5 years, re-electable without limit*
 - D.** Do Điều lệ quy định, không có giới hạn về thời gian / *Set by the charter with no time limit*
- 24.** Công ty TNHH hai thành viên trở lên muốn giảm vốn điều lệ bằng cách hoàn trả một phần vốn góp cho các thành viên. Điều kiện nào là bắt buộc?
A multi-member limited liability company wishes to reduce its charter capital by returning part of the contributions to members. Which condition is mandatory?
- A.** Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 01 năm trở lên / *The company has traded continuously for 1 year*
 - B.** Được 100% số thành viên tán thành / *All members consent*
 - C.** Chỉ cần bảo đảm thanh toán đủ nợ, không có điều kiện về thời gian / *Only solvency is required, with no time condition*
 - D.** Đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập và bảo đảm thanh toán đủ nợ sau khi hoàn trả / *It has traded continuously for 2 years from registration and remains solvent after the return*

Chương 4. Công ty cổ phần — Chapter 4. Joint stock companies

Mục tiêu chương — Chapter objectives

- Nêu đặc điểm pháp lý, vốn và các loại cổ phần của công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp hiện hành.
State the legal features, capital and share classes of a joint stock company under the current Law on Enterprises.
- Xác định quyền của cổ đông theo loại cổ phần và tỷ lệ sở hữu; hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập.
Identify shareholders' rights by share class and ownership level, and the transfer restriction on founders.
- Tính điều kiện họp Đại hội đồng cổ đông qua ba lần triệu tập và tỷ lệ thông qua từng loại nghị quyết.
Calculate the quorum over three calls of a general meeting and the approval ratio for each type of resolution.
- Vẽ và phân tích hai mô hình quản lý của Điều 137; phân biệt Ban kiểm soát và Ủy ban kiểm toán.
Draw and analyse the two governance models of Article 137; distinguish the supervisory board from the audit committee.
- Xác định thẩm quyền chấp thuận giao dịch với người có liên quan, điều kiện mua lại cổ phần và trả cổ tức.
Determine who approves related-party transactions and the conditions for share buybacks and dividends.

Văn bản dùng trong chương là **Luật Doanh nghiệp, văn bản hợp nhất số 67/VBHN-VPQH ngày 15/8/2025** (Luật 59/2020/QH14, sửa đổi bởi Luật 03/2022/QH15 và Luật 76/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/7/2025), Chương V, Điều 111–176. Luật Doanh nghiệp 2014 (Luật 68/2014/QH13) đã hết hiệu lực từ 01/01/2021; sách, đề cương còn dẫn số Điều của luật đó là tài liệu cũ.

*This chapter uses the **Law on Enterprises, consolidated text No. 67/VBHN-VPQH of 15 August 2025** (Law 59/2020/QH14, as amended by Law 03/2022/QH15 and by Law 76/2025/QH15 in force from 1 July 2025), Chapter V, Articles 111–176. The 2014 Law on Enterprises (Law 68/2014/QH13) ceased to have effect on 1 January 2021; materials still citing its articles are out of date.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Tình huống xuyên chương. Ông Nguyễn Văn Hòa bắt đầu bằng hộ kinh doanh nông sản sây Phú An ở Cần Thơ, rồi cùng các thành viên lập Công ty TNHH Thương mại Phú An (Chương 3). Để xây xưởng chế biến, ông Hòa, bà Trần Thị Mai, anh Lê Quốc Bảo cùng Công ty CP Đầu tư Minh Khang và năm nhà đầu tư cá nhân thành lập mới **Công ty cổ phần Chế biến Nông sản Phú An**, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 15/6/2026. Vốn điều lệ 24 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng: 2.000.000 cổ phần phổ thông và 400.000 cổ phần ưu đãi cổ tức (Minh Khang mua toàn bộ, cổ tức cố định 9%/năm trên mệnh giá). Ông Hòa, bà Mai, anh Bảo là cổ đông sáng lập. Danh sách cổ đông ở Bảng 4.2; mọi ví dụ trong chương dùng số liệu này.

Running case. Mr Nguyễn Văn Hòa started with the Phu An dried-produce household business in Can Tho and then formed Phu An Trading Co., Ltd. with partners (Chapter 3). To build a processing plant, Mr Hòa, Ms Trần Thị Mai and Mr Lê Quốc Bảo, together with Minh Khang Investment JSC and five individual investors, set up a new company, **Phu An Agricultural Processing Joint Stock Company**, registered on 15 June 2026. Charter capital is VND 24 billion at a par value of VND 10,000: 2,000,000 ordinary shares and 400,000 dividend preference shares (all bought by Minh Khang, fixed dividend 9% a year on par). Mr Hòa, Ms Mai and Mr Bảo are the founding shareholders. The shareholder list is in Table 4.2; every example in this chapter uses these figures.

4.1. Khái niệm, đặc điểm và vốn của công ty cổ phần — Concept, features and capital of a joint stock company

Điều 111 khoản 1: “Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó: a) Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; b) Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa; c) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;” d) cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần, trừ khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127. Khoản 2: công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Khoản 3: công ty có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác.

Article 111(1): a joint stock company is an enterprise in which (a) charter capital is divided into equal parts called shares; (b) shareholders may be organisations or individuals, with a minimum of 03 and no maximum; (c) shareholders are liable for the company’s debts and other property obligations only up to the capital they have contributed; (d) shareholders may transfer their shares freely, except under Articles 120(3) and 127(1). Clause 2: the company has legal personality from the date of its enterprise registration certificate. Clause 3: it may issue shares, bonds and other securities.

Đặc điểm <i>Feature</i>	Nội dung <i>Content</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Vốn <i>Capital</i>	Chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần <i>Divided into equal parts called shares</i>	Điều 111 khoản 1 điểm a <i>Art. 111(1)(a)</i>
Cổ đông <i>Shareholders</i>	Tổ chức, cá nhân; tối thiểu 03, không hạn chế tối đa <i>Organisations or individuals; at least 3, no maximum</i>	Điều 111 khoản 1 điểm b <i>Art. 111(1)(b)</i>
Trách nhiệm <i>Liability</i>	Hữu hạn trong phạm vi vốn đã góp <i>Limited to capital contributed</i>	Điều 111 khoản 1 điểm c <i>Art. 111(1)(c)</i>
Chuyển nhượng <i>Transfer</i>	Tự do, trừ cổ đông sáng lập trong 03 năm và hạn chế ghi trong Điều lệ, cổ phiếu <i>Free, except founders for 3 years and charter restrictions printed on certificates</i>	Điều 120 khoản 3; Điều 127 khoản 1 <i>Arts. 120(3), 127(1)</i>

Đặc điểm <i>Feature</i>	Nội dung <i>Content</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
Tư cách pháp nhân <i>Legal personality</i>	Có, từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <i>Yes, from the date of registration</i>	Điều 111 khoản 2 <i>Art. 111(2)</i>
Huy động vốn <i>Raising capital</i>	Phát hành cổ phần, trái phiếu, chứng khoán khác <i>Shares, bonds and other securities</i>	Điều 111 khoản 3 <i>Art. 111(3)</i>

Vốn điều lệ, cổ phần được quyền chào bán, đã bán, chưa bán — *Charter capital; authorised, sold and unsold shares*

Điều 112 khoản 1: “Vốn điều lệ của công ty cổ phần là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán.” Khi đăng ký thành lập, vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và ghi trong Điều lệ. Cổ phần đã bán là cổ phần được quyền chào bán đã được thanh toán đủ (khoản 2); cổ phần được quyền chào bán là tổng số cổ phần các loại Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán (khoản 3); cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán chưa được thanh toán (khoản 4).

Article 112(1): the charter capital of a joint stock company is the total par value of all classes of shares sold. At registration it is the total par value of shares subscribed and recorded in the charter. Sold shares are authorised shares fully paid for (clause 2); authorised shares are all shares the general meeting decides to offer (clause 3); unsold shares are authorised shares not yet paid for (clause 4).

Công ty giảm vốn điều lệ khi (Điều 112 khoản 5): a) hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ, nếu đã kinh doanh từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập **không kể thời gian đăng ký tạm ngừng kinh doanh** và vẫn bảo đảm thanh toán đủ nợ; b) mua lại cổ phần theo Điều 132, 133; c) cổ đông không thanh toán đủ, đúng hạn theo Điều 113; d) **hoàn lại vốn cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại**. Điểm a và điểm d do Luật 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung; bản gốc Luật 59/2020 ghi “hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên” và chưa có điểm d.

*A company reduces charter capital (Article 112(5)) when it (a) returns part of the capital pro rata after at least 2 years of business since registration, **excluding registered suspension periods**, while remaining able to pay its debts; (b) buys back shares under Articles 132–133; (c) shareholders fail to pay in full and on time under Article 113; (d) **repays holders of redeemable preference shares**. Points (a) and (d) were amended and added by Law 76/2025/QH15; the original 2020 text required “2 years of continuous business” and had no point (d).*

Thanh toán cổ phần đã đăng ký mua — *Paying for subscribed shares*

Điều 113 khoản 1: “Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”, trừ trường hợp Điều lệ hoặc hợp đồng đăng ký mua quy định thời hạn ngắn hơn. Hết hạn mà chưa thanh toán (khoản 3): người chưa thanh toán đương nhiên không còn là cổ đông; người thanh toán một phần có quyền tương ứng phần đã thanh toán; cổ phần chưa thanh toán thành cổ phần chưa bán, Hội đồng quản trị được bán; trong 30 ngày công ty đăng ký

điều chỉnh vốn điều lệ. Cổ phần, trái phiếu có thể mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ... và “phải được thanh toán đủ một lần” (Điều 131).

Article 113(1): shareholders must pay in full for the shares subscribed within 90 days of the enterprise registration certificate, unless the charter or subscription contract sets a shorter period. After the deadline (clause 3): a subscriber who has paid nothing automatically ceases to be a shareholder; one who paid in part has rights for the paid part; unpaid shares become unsold and the board may sell them; within 30 days the company registers the adjusted charter capital. Shares and bonds may be paid for in VND, foreign currency, gold, land use rights, intellectual property and so on, and must be paid in full at one time (Article 131).

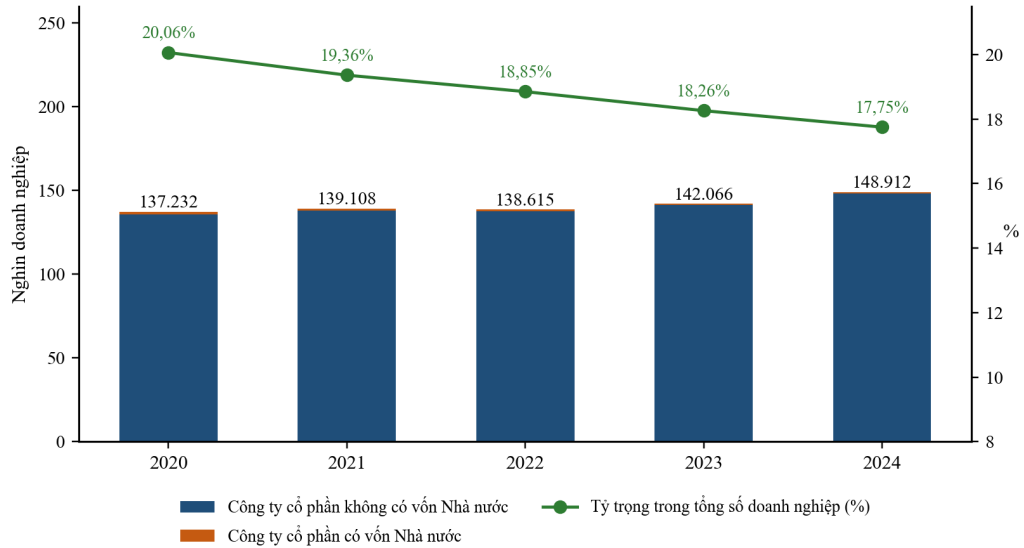
VÍ DỤ / EXAMPLE — Phú An nhận Giấy chứng nhận ngày 15/6/2026. Ngày đầu không tính, thời hạn 90 ngày kết thúc vào cuối ngày **13/9/2026** (Bộ luật Dân sự Điều 147 khoản 2, Điều 148 khoản 1). Nếu đến ngày đó bà Lan mới thanh toán 30.000 trong 60.000 cổ phần đã đăng ký, bà chỉ có quyền biểu quyết, nhận cổ tức với 30.000 cổ phần; 30.000 cổ phần còn lại thành cổ phần chưa bán, và trước khi công ty đăng ký điều chỉnh vốn bà vẫn chịu trách nhiệm tương ứng 60.000 cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính phát sinh trong thời gian đó (Điều 113 khoản 3, 4).

*Phu An received its certificate on 15 June 2026. The first day is not counted, so the 90-day period ends at the close of **13 September 2026** (Civil Code Articles 147(2), 148(1)). If by then Ms Lan has paid for only 30,000 of the 60,000 shares she subscribed, she votes and receives dividends on 30,000 shares; the other 30,000 become unsold shares, and until the company registers the adjusted capital she remains liable up to the 60,000 shares subscribed for financial obligations arising in that period (Article 113(3)–(4)).*

Công ty cổ phần trong số liệu doanh nghiệp — *Joint stock companies in enterprise statistics*

Tại thời điểm 31/12/2024 cả nước có 838.753 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh. Trong khu vực ngoài Nhà nước có 148.131 công ty cổ phần không có vốn Nhà nước (17,66%) và 781 công ty cổ phần có vốn Nhà nước (0,09%); doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thống kê riêng theo loại hình (Cục Thống kê, Niên giám thống kê tóm tắt 2025, Biểu 88–89, nso.gov.vn/wp-content/uploads/2026/09/Nien-giam-thong-ke-Tom-tat-2025.pdf). Số công ty cổ phần tăng nhưng tỷ trọng giảm, vì công ty TNHH tăng nhanh hơn.

At 31 December 2024 Viet Nam had 838,753 operating enterprises with business results. In the non-state sector there were 148,131 joint stock companies without state capital (17.66%) and 781 with state capital (0.09%); state-owned and foreign-invested enterprises are not broken down by legal form (National Statistics Office, Statistical Summary Book 2025, Tables 88–89, nso.gov.vn/wp-content/uploads/2026/09/Nien-giam-thong-ke-Tom-tat-2025.pdf). The number of joint stock companies rises while their share falls, because limited liability companies grow faster.



Hình 4.1. Công ty cổ phần khu vực ngoài Nhà nước tại thời điểm 31/12, giai đoạn 2020–2024
Figure 4.1. Non-state joint stock companies at 31 December, 2020–2024

Phản vốn góp và cổ phần — Capital contributions and shares

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Phản vốn góp (TNHH hai thành viên trở lên) <i>Capital contribution (multi-member LLC)</i>	Cổ phần (công ty cổ phần) <i>Share (joint stock company)</i>
Bản chất <i>Nature</i>	Giá trị tài sản một thành viên góp, không chia đều <i>Value contributed by a member, not in equal units</i>	Phản bằng nhau của vốn điều lệ <i>Equal unit of charter capital</i>
Số người sở hữu <i>Number of owners</i>	02–50 thành viên (Điều 46) <i>2–50 members (Art. 46)</i>	Tối thiểu 03, không hạn chế tối đa (Điều 111) <i>At least 3, no maximum (Art. 111)</i>
Hạn góp vốn <i>Payment deadline</i>	90 ngày (Điều 47 khoản 2) <i>90 days (Art. 47(2))</i>	90 ngày (Điều 113 khoản 1) <i>90 days (Art. 113(1))</i>
Chuyển nhượng <i>Transfer</i>	Chào bán trước cho thành viên còn lại; sau 30 ngày mới bán cho người ngoài (Điều 52) <i>First offered to other members; outsiders only after 30 days (Art. 52)</i>	Tự do, trừ Điều 120 khoản 3 và hạn chế ghi trên cổ phiếu (Điều 127) <i>Free, except Art. 120(3) and restrictions on the certificate (Art. 127)</i>
Điều kiện họp lần 1–2–3 <i>Quorum, calls 1–2–3</i>	Từ 65% – từ 50% – không phụ thuộc (Điều 58) <i>65% – 50% – none (Art. 58)</i>	Trên 50% – từ 33% – không phụ thuộc (Điều 145) <i>Over 50% – 33% – none (Art. 145)</i>
Sửa Điều lệ <i>Charter amendment</i>	Từ 75% vốn góp của thành viên dự họp (Điều 59 khoản 3 điểm b) <i>75% of capital present (Art. 59(3)(b))</i>	Trên 50% phiếu của cổ đông tham dự và biểu quyết (Điều 148 khoản 2) <i>Over 50% of votes cast (Art. 148(2))</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Phần vốn góp (TNHH hai thành viên trở lên) <i>Capital contribution (multi-member LLC)</i>	Cổ phần (công ty cổ phần) <i>Share (joint stock company)</i>
Phát hành cổ phần <i>Issuing shares</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>

4.2. Cổ phần, cổ phiếu và quyền của cổ đông — *Shares, share certificates and shareholders' rights*

Điều 114 khoản 1: “Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông.” Ngoài cổ phần phổ thông, công ty có thể có cổ phần ưu đãi: ưu đãi cổ tức, ưu đãi hoàn lại, ưu đãi biểu quyết và loại khác theo Điều lệ, pháp luật về chứng khoán (khoản 2). Khoản 5: “Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.”

Article 114(1): a joint stock company must have ordinary shares. It may also have preference shares: dividend preference, redeemable preference, voting preference and other classes under the charter and securities law (clause 2). Clause 5: ordinary shares cannot be converted into preference shares; preference shares may be converted into ordinary shares by resolution of the general meeting.

Loại cổ phần <i>Class</i>	Đặc trưng <i>Key feature</i>	Biểu quyết, dự họp <i>Vote and attendance</i>	Ai được nắm giữ <i>Who may hold</i>
Phổ thông (Điều 115) <i>Ordinary (Art. 115)</i>	Bắt buộc phải có; cổ tức theo quyết định ĐHĐCĐ <i>Compulsory; dividend as the meeting decides</i>	Mỗi cổ phần một phiếu <i>One vote per share</i>	Mọi tổ chức, cá nhân <i>Anyone</i>
Ưu đãi biểu quyết (Điều 116) <i>Voting preference (Art. 116)</i>	Cổ phần phổ thông có nhiều phiếu hơn; số phiếu do Điều lệ quy định <i>Ordinary shares with more votes; number set by the charter</i>	Có, nhiều phiếu; không được chuyển nhượng, trừ theo bản án hoặc thừa kế <i>Yes, multiple votes; not transferable except by judgment or inheritance</i>	Tổ chức được Chính phủ ủy quyền; cổ đông sáng lập (03 năm) <i>A Government-authorized organisation; founders (3 years)</i>
Ưu đãi cổ tức (Điều 117) <i>Dividend preference (Art. 117)</i>	Cổ tức cao hơn hoặc ổn định: cổ tức cố định + cổ tức thưởng <i>Higher or stable dividend: fixed plus bonus</i>	Không, trừ Điều 148 khoản 6 <i>No, except Art. 148(6)</i>	Theo Điều lệ hoặc ĐHĐCĐ <i>As the charter or meeting decides</i>

Loại cổ phần <i>Class</i>	Đặc trưng <i>Key feature</i>	Biểu quyết, dự họp <i>Vote and attendance</i>	Ai được nắm giữ <i>Who may hold</i>
Ưu đãi hoàn lại (Điều 118) <i>Redeemable preference (Art. 118)</i>	Được hoàn lại vốn theo yêu cầu hoặc điều kiện ghi tại cổ phiếu <i>Capital repaid on request or on stated terms</i>	Không, trừ Điều 114 khoản 5, Điều 148 khoản 6 <i>No, except Arts. 114(5), 148(6)</i>	Theo Điều lệ hoặc ĐHĐCĐ <i>As the charter or meeting decides</i>

Về cổ phần ưu đãi biểu quyết, Điều 116 khoản 1: “Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập có hiệu lực trong 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.” Hết thời hạn, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển thành cổ phần phổ thông. Về cổ phần ưu đãi cổ tức, Điều 117 khoản 3: “Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát”, trừ trường hợp khoản 6 Điều 148.

On voting preference shares, Article 116(1): only an organisation authorised by the Government and founding shareholders may hold them, and a founder's voting preference lasts 3 years from registration; the shares then become ordinary shares. On dividend preference shares, Article 117(3): holders have no right to vote, attend general meetings or nominate board and supervisory board candidates, except under Article 148(6).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Minh Khang nắm 400.000 cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ tức cố định 9%/năm: $400.000 \times 10.000 \times 9\% = 360.000.000$ đồng/năm, không phụ thuộc kết quả kinh doanh (Điều 117 khoản 1). Với số cổ phần này Minh Khuê không dự họp, không biểu quyết; quyền biểu quyết của Minh Khang chỉ đến từ 600.000 cổ phần phổ thông.

Minh Khang holds 400,000 dividend preference shares with a fixed 9% dividend: $400,000 \times 10,000 \times 9\% = \text{VND } 360,000,000$ a year, regardless of results (Article 117(1)). These shares give no attendance or vote; Minh Khang's votes come only from its 600,000 ordinary shares.

Cổ phiếu và sổ đăng ký cổ đông — *Share certificates and the register of shareholders*

Điều 121 khoản 1: “Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.” Cổ phiếu ghi tên, mã số doanh nghiệp, số lượng và loại cổ phần, mệnh giá, thông tin cổ đông, chữ ký người đại diện theo pháp luật. Sai sót trên cổ phiếu không làm ảnh hưởng quyền của người sở hữu (khoản 2). Công ty phải lập sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sổ có thể là văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử (Điều 122 khoản 1). Người mua trở thành cổ đông từ khi thông tin của họ được ghi đủ vào sổ (Điều 124 khoản 4, Điều 127 khoản 6).

Article 121(1): a share certificate is a certificate, book entry or electronic record issued by the company confirming ownership of one or more of its shares. It states the company's name and enterprise code, number and class of shares, par value, shareholder details and the legal representative's signature. Errors on a certificate do not affect the holder's rights (clause 2). The company must keep a register of shareholders from registration, on paper or electronically

(Article 122(1)). A buyer becomes a shareholder once his details are fully entered in the register (Articles 124(4), 127(6)).

Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông — *Rights and duties of ordinary shareholders*

- Quyền chung (Điều 115 khoản 1): dự họp, phát biểu, biểu quyết — “Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết”; nhận cổ tức; ưu tiên mua cổ phần mới theo tỷ lệ; tự do chuyển nhượng (trừ Điều 120 khoản 3, Điều 127 khoản 1); tra cứu danh sách cổ đông, Điều lệ, biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ; nhận phần tài sản còn lại khi giải thể, phá sản.
General rights (Article 115(1)): attend, speak and vote, one vote per ordinary share; dividends; pre-emption on new shares pro rata; free transfer (except Articles 120(3), 127(1)); access to the shareholder list, charter, minutes and resolutions; a share of residual assets on dissolution or bankruptcy.
- Khoản 2: “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây:” xem sổ biên bản, nghị quyết Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính, báo cáo Ban kiểm soát; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ theo khoản 3; yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề. Theo khoản 3, việc yêu cầu triệu tập chỉ đặt ra khi “Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao” hoặc trường hợp Điều lệ quy định; yêu cầu bằng văn bản, kèm tài liệu, chứng cứ về vi phạm (khoản 4, do Luật 76/2025 sửa).
Clause 2: shareholders holding 5% or more of ordinary shares (or a lower ratio set by the charter) may inspect board minutes and resolutions, financial statements and supervisory board reports; request a general meeting under clause 3; and ask the supervisory board to investigate. Under clause 3 a meeting may be requested only where the board seriously breaches shareholders' rights or managers' duties or exceeds its powers, or as the charter provides; the request is in writing with evidence of the breach (clause 4, as amended by Law 76/2025).
- Khoản 5: “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.” Điều 166 khoản 1: “Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc” khi họ vi phạm trách nhiệm người quản lý.
Clause 5: shareholders holding 10% or more of ordinary shares (or a lower ratio set by the charter) may nominate board and supervisory board candidates. Article 166(1): shareholders holding at least 1% of ordinary shares may sue board members and the director, personally or on the company's behalf, for breach of managers' duties.
- Nghĩa vụ (Điều 119): thanh toán đủ, đúng hạn; “Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.” Rút vốn trái luật thì cổ đông và người có lợi ích liên quan liên đới chịu trách nhiệm về nợ trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút.
Duties (Article 119): pay in full and on time; no withdrawal of capital contributed as

ordinary shares in any form, except where the company or another person buys the shares back. An unlawful withdrawal makes the shareholder and interested persons jointly liable for debts up to the value withdrawn.

Cổ đông <i>Shareholder</i>	Cổ phần phổ thông <i>Ordinary shares</i>	Tỷ lệ <i>Ratio</i>	Sáng lập <i>Founder</i>	Quyền theo ngưỡng (một mình) <i>Threshold rights (alone)</i>
Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr Nguyễn Văn Hòa</i>	560.000 <i>560,000</i>	28%	Có <i>Yes</i>	01%, 05%, 10%, 20% <i>1%, 5%, 10%, 20%</i>
Bà Trần Thị Mai <i>Ms Trần Thị Mai</i>	300.000 <i>300,000</i>	15%	Có <i>Yes</i>	01%, 05%, 10% <i>1%, 5%, 10%</i>
Anh Lê Quốc Bảo <i>Mr Lê Quốc Bảo</i>	140.000 <i>140,000</i>	7%	Có <i>Yes</i>	01%, 05% <i>1%, 5%</i>
Công ty CP Đầu tư Minh Khang <i>Minh Khang Investment JSC</i>	600.000 <i>600,000</i>	30%	Không <i>No</i>	01%, 05%, 10%, 20% <i>1%, 5%, 10%, 20%</i>
Ông Vũ Đình Lộc <i>Mr Vũ Đình Lộc</i>	120.000 <i>120,000</i>	6%	Không <i>No</i>	01%, 05% <i>1%, 5%</i>
Chị Phạm Thu Hà <i>Ms Phạm Thu Hà</i>	100.000 <i>100,000</i>	5%	Không <i>No</i>	01%, 05% <i>1%, 5%</i>
Anh Đỗ Minh Tuấn <i>Mr Đỗ Minh Tuấn</i>	80.000 <i>80,000</i>	4%	Không <i>No</i>	01% <i>1%</i>
Bà Hoàng Thị Lan <i>Ms Hoàng Thị Lan</i>	60.000 <i>60,000</i>	3%	Không <i>No</i>	01% <i>1%</i>
Anh Ngô Văn Khải <i>Mr Ngô Văn Khải</i>	40.000 <i>40,000</i>	2%	Không <i>No</i>	01% <i>1%</i>
Cộng <i>Total</i>	2.000.000 <i>2,000,000</i>	100%	1.000.000 cổ phần <i>1,000,000 shares</i>	—

Bảng 4.2. Cổ đông Công ty cổ phần Chế biến Nông sản Phú An khi thành lập (ngoài ra Minh Khang nắm 400.000 cổ phần ưu đãi cổ tức).

Table 4.2. Shareholders of Phu An Agricultural Processing JSC at formation (Minh Khang also holds 400,000 dividend preference shares).